

CHUYÊN ĐỀ 1:
TẬP NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT VẤN ĐỀ
VĂN HỌC DÂN GIAN

I. Mục tiêu

1. Năng lực

a. Năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực cốt lõi: Nói và viết

- Biết các yêu cầu và cách thức nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian.
- Biết viết một báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian.
- Vận dụng được một số hiểu biết từ chuyên đề để đọc hiểu và viết về văn học dân gian.
- Biết thuyết trình về một vấn đề văn học dân gian

Quy trình viết

Viết được văn bản báo cáo đúng quy trình, kết hợp những nội dung được học trong chương trình với những nội dung được mở rộng, đi sâu; có hiểu biết về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn.

Thực hành nói và viết

- Viết và thuyết trình được một văn bản NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN

2. Phẩm chất

- Rèn luyện tư duy khoa học, biết vận dụng một số thao tác nghiên cứu cơ bản nhằm chiếm lĩnh tri thức.
- Biết liên kết nhiều nội dung tri thức, kỹ năng trong quá trình học tập để phát triển năng lực.
- Giải quyết được một vấn đề học tập mang tính phức hợp, đòi hỏi có sự kết nối với thực tiễn và tìm ra được các chiến lược, cách thức giải quyết vấn đề.
- Củng cố, mở rộng những kiến thức về văn học dân gian của Việt Nam và thế giới
- Biết bày tỏ đánh giá nhận xét về chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm văn học dân gian
- Trân trọng vẻ đẹp tâm hồn dân tộc qua những tác phẩm văn học dân gian
- Hướng đến lối sống tích cực, hoàn thiện nhân cách bản thân.

II. Thiết bị và học liệu

1. Về phía học sinh: Chuyên đề học tập ngữ văn lớp 10, hồ sơ, tài liệu, sách tham khảo, tranh, ảnh, bảng biểu, video clip,
2. Về phía giáo viên:
 - Phiếu học tập để học sinh chuẩn bị nội dung thảo luận.
 - Bút màu, giấy để trình bày sản phẩm.
 - Tài liệu tham khảo sách báo tạp chí về văn học dân gian, máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet, máy chiếu.
 - Một số sản phẩm của học sinh hoặc hồ sơ tài liệu sau khi hoàn thành phần 1 của chuyên đề 1

III. Tiến trình dạy học

1. HĐ KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV hướng dẫn HS xem Clip

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- GV trình chiếu Clip
- GV hướng dẫn HS tư duy qua các câu hỏi:
Em có biết lí giải khoa học hoặc siêu linh nào về những hiện tượng có thật nhưng lại rất kì lạ vừa xem trong Clip?
- HS xem Clip, suy nghĩ cá nhân
- GV quan sát, gợi ý nếu cần.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- HS trả lời theo ý nghĩ cá nhân
- Các HS khác quan sát, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

GV nhận xét, dẫn vào nội dung bài học.

Dự kiến trả lời câu hỏi:

- Có thể trả lời bằng kiến giải khoa học do cá nhân học sinh tìm hiểu
- Có thể trả lời bằng tri thức văn học dân gian theo sự tìm hiểu của cá nhân học sinh

→GV dẫn vào bài:

Nhà văn người Nga Aleksandr Solzhenitsyn từng nói: “Văn chương trở thành ký ức sống động của một quốc gia”. Và văn học dân gian trở thành kí ức sống động của cả nhân loại. Chính cái kì ảo mà rất đời hồn nhiên của văn học dân gian đã khiến **chúng ta muốn tìm tòi, khám phá**, không chỉ vì chính vẻ đẹp của văn học dân gian mà còn bởi vì ẩn sâu trong đó là lịch sử loài người, là văn minh nhân loại, là những điều hồn rất đời dân gian.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Biết các yêu cầu và cách thức nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian
- Biết viết một báo cáo nghiên cứu về vấn đề văn học dân gian
- Vận dụng được một số hiểu biết từ chuyên đề để đọc hiểu và viết về văn học dân gian
- Biết thuyết trình về một vấn đề văn học dân gian

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu Tri Thức Tổng Quát

a. Mục tiêu: Nắm được những kiến thức cơ bản về văn học dân gian và kiểu bài viết báo cáo

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng tổng hợp các kĩ năng để tìm hiểu về văn học dân gian và dạng bài viết báo cáo: khái niệm, chức năng, phân loại, tính chất, giá trị, đề tài, báo cáo nghiên cứu,...)

- HS hoạt động cá nhân: đọc và thu thập thông tin kết hợp làm việc nhóm

- GV hướng dẫn HS cách thức tìm hiểu và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả trình bày của HS, phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Phiếu 1: BẢNG TÌM HIỂU VỀ VĂN HỌC DÂN GIAN

Khái niệm		
Chức năng		
Phân loại		
Tính chất	Tính nguyên hợp	
	Tính tập thể	
	Tính truyền miệng	
	Tính diễn xướng	
	Tính dị bản	
Giá trị của văn học dân gian		

Phiếu 2: BẢNG TÌM HIỂU VỀ DẠNG BÀI NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO

Đề tài, vấn đề nghiên cứu	Yêu cầu	
	Phạm vi	
	Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu	
	Phương pháp nghiên cứu	
Báo cáo nghiên cứu	Khái niệm	
	Mục đích	

	Yêu cầu	Các bước	
		Cấu trúc	
		Hình thức thể hiện	

HD của GV và HS		Dự kiến sản phẩm																									
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS trao đổi với nhau về phần Tri thức tổng quát trong SGK để nêu những hiểu biết về thể loại. GV hướng dẫn HS thực hiện phiếu số 1, số 2 với 2 nhóm khác nhau Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc Tri thức tổng quát trong SGK và tái hiện lại kiến thức trong phần đó. Bước 3: Báo cáo sản phẩm - Đại diện của nhóm trình bày - Nhóm khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện - GV nhận xét và chuẩn kiến thức.		I. TRI THỨC TỔNG QUÁT 1. TÌM HIỂU VỀ VĂN HỌC DÂN GIAN Phiếu 1: BẢNG TÌM HIỂU VỀ VĂN HỌC DÂN GIAN																									
		<table><tr><td colspan="2">Khái niệm</td><td>Là những sáng tác nghệ thuật ngôn từ của nhân dân lao động, ra đời từ thuở xa xưa và vẫn tiếp tục phát triển cho đến hôm nay, được phổ biến chủ yếu bằng phương thức truyền miệng.</td></tr><tr><td colspan="2">Chức năng</td><td>Văn học dân gian có chức năng lưu giữ và truyền lại những tri thức về tự nhiên, xã hội, khám phá các phương diện khác nhau của cuộc sống, truyền tải những bài học nhân sinh cho các thế hệ, đồng thời thể hiện quan điểm thẩm mỹ mang tính cộng đồng qua những hình tượng nghệ thuật bình dị, sinh động, đầy sức gọi.</td></tr><tr><td colspan="2">Phân loại</td><td>Có thể chia các sáng tác phong phú của văn học dân gian thành nhiều loại khác nhau như: tự sự, trữ tình, kịch</td></tr><tr><td rowspan="4">Tính chất</td><td>Tính nguyên hợp</td><td>Tính nguyên hợp (thể hiện cùng lúc tiếng nói của cả văn học lẫn tín ngưỡng, triết lý, đạo đức,... và là sản phẩm tổng hòa của nhiều chất liệu nghệ thuật khác nhau như: ngôn từ, nhạc, vũ,...)</td></tr><tr><td>Tính tập thể - Tính truyền miệng</td><td>Tính tập thể, tính truyền miệng (nhiều người, nhiều thế hệ cùng tham gia vào quá trình sáng tạo và lưu truyền tác phẩm bằng phương thức truyền miệng)</td></tr><tr><td>Tính diễn xướng</td><td>Tính diễn xướng (gắn với việc biểu diễn trong những sinh hoạt mang tính cộng đồng)</td></tr><tr><td>Tính dị bản</td><td>Tính dị bản (nhiều văn bản giống nhau về chủ đề và nội dung chính, nhưng có sự khác nhau ở một số chi tiết hoặc lời văn)</td></tr><tr><td colspan="2">Giá trị của văn học dân gian</td><td colspan="2"> - Văn học dân gian là kho báu tinh thần của một dân tộc, chứa đựng nhiều giá trị to lớn có ý nghĩa với muôn đời. Những câu chuyện “ngày xưa ngày xưa” với trí tưởng tượng bay bổng diệu kỳ, những câu ca ngọt ngào da diết, chan chứa yêu thương, những câu nói, những mẩu chuyện đời thường sâu sắc và hóm hỉnh vẫn còn mãi với thời gian và như vẫn đang hiện hữu trong cuộc sống của chúng ta hôm nay. - Đi tìm hiểu các sáng tác dân gian, chúng ta sẽ được khám phá vẻ đẹp sức sống và giá trị trường tồn của một mạch ngầm “tát mãi không cạn, gọi mãi không cùng”, nơi lưu giữ trí tuệ và tâm hồn của nhân dân trong suốt chiều dài lịch sử. </td></tr><tr><td colspan="2">2. TÌM HIỂU VỀ DẠNG BÀI NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO</td></tr></table>		Khái niệm		Là những sáng tác nghệ thuật ngôn từ của nhân dân lao động, ra đời từ thuở xa xưa và vẫn tiếp tục phát triển cho đến hôm nay, được phổ biến chủ yếu bằng phương thức truyền miệng.	Chức năng		Văn học dân gian có chức năng lưu giữ và truyền lại những tri thức về tự nhiên, xã hội, khám phá các phương diện khác nhau của cuộc sống, truyền tải những bài học nhân sinh cho các thế hệ, đồng thời thể hiện quan điểm thẩm mỹ mang tính cộng đồng qua những hình tượng nghệ thuật bình dị, sinh động, đầy sức gọi.	Phân loại		Có thể chia các sáng tác phong phú của văn học dân gian thành nhiều loại khác nhau như: tự sự, trữ tình, kịch	Tính chất	Tính nguyên hợp	Tính nguyên hợp (thể hiện cùng lúc tiếng nói của cả văn học lẫn tín ngưỡng, triết lý, đạo đức,... và là sản phẩm tổng hòa của nhiều chất liệu nghệ thuật khác nhau như: ngôn từ, nhạc, vũ,...)	Tính tập thể - Tính truyền miệng	Tính tập thể, tính truyền miệng (nhiều người, nhiều thế hệ cùng tham gia vào quá trình sáng tạo và lưu truyền tác phẩm bằng phương thức truyền miệng)	Tính diễn xướng	Tính diễn xướng (gắn với việc biểu diễn trong những sinh hoạt mang tính cộng đồng)	Tính dị bản	Tính dị bản (nhiều văn bản giống nhau về chủ đề và nội dung chính, nhưng có sự khác nhau ở một số chi tiết hoặc lời văn)	Giá trị của văn học dân gian		- Văn học dân gian là kho báu tinh thần của một dân tộc, chứa đựng nhiều giá trị to lớn có ý nghĩa với muôn đời. Những câu chuyện “ngày xưa ngày xưa” với trí tưởng tượng bay bổng diệu kỳ, những câu ca ngọt ngào da diết, chan chứa yêu thương, những câu nói, những mẩu chuyện đời thường sâu sắc và hóm hỉnh vẫn còn mãi với thời gian và như vẫn đang hiện hữu trong cuộc sống của chúng ta hôm nay. - Đi tìm hiểu các sáng tác dân gian, chúng ta sẽ được khám phá vẻ đẹp sức sống và giá trị trường tồn của một mạch ngầm “tát mãi không cạn, gọi mãi không cùng”, nơi lưu giữ trí tuệ và tâm hồn của nhân dân trong suốt chiều dài lịch sử.		2. TÌM HIỂU VỀ DẠNG BÀI NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO	
		Khái niệm		Là những sáng tác nghệ thuật ngôn từ của nhân dân lao động, ra đời từ thuở xa xưa và vẫn tiếp tục phát triển cho đến hôm nay, được phổ biến chủ yếu bằng phương thức truyền miệng.																							
		Chức năng		Văn học dân gian có chức năng lưu giữ và truyền lại những tri thức về tự nhiên, xã hội, khám phá các phương diện khác nhau của cuộc sống, truyền tải những bài học nhân sinh cho các thế hệ, đồng thời thể hiện quan điểm thẩm mỹ mang tính cộng đồng qua những hình tượng nghệ thuật bình dị, sinh động, đầy sức gọi.																							
		Phân loại		Có thể chia các sáng tác phong phú của văn học dân gian thành nhiều loại khác nhau như: tự sự, trữ tình, kịch																							
		Tính chất	Tính nguyên hợp	Tính nguyên hợp (thể hiện cùng lúc tiếng nói của cả văn học lẫn tín ngưỡng, triết lý, đạo đức,... và là sản phẩm tổng hòa của nhiều chất liệu nghệ thuật khác nhau như: ngôn từ, nhạc, vũ,...)																							
			Tính tập thể - Tính truyền miệng	Tính tập thể, tính truyền miệng (nhiều người, nhiều thế hệ cùng tham gia vào quá trình sáng tạo và lưu truyền tác phẩm bằng phương thức truyền miệng)																							
			Tính diễn xướng	Tính diễn xướng (gắn với việc biểu diễn trong những sinh hoạt mang tính cộng đồng)																							
			Tính dị bản	Tính dị bản (nhiều văn bản giống nhau về chủ đề và nội dung chính, nhưng có sự khác nhau ở một số chi tiết hoặc lời văn)																							
		Giá trị của văn học dân gian		- Văn học dân gian là kho báu tinh thần của một dân tộc, chứa đựng nhiều giá trị to lớn có ý nghĩa với muôn đời. Những câu chuyện “ngày xưa ngày xưa” với trí tưởng tượng bay bổng diệu kỳ, những câu ca ngọt ngào da diết, chan chứa yêu thương, những câu nói, những mẩu chuyện đời thường sâu sắc và hóm hỉnh vẫn còn mãi với thời gian và như vẫn đang hiện hữu trong cuộc sống của chúng ta hôm nay. - Đi tìm hiểu các sáng tác dân gian, chúng ta sẽ được khám phá vẻ đẹp sức sống và giá trị trường tồn của một mạch ngầm “tát mãi không cạn, gọi mãi không cùng”, nơi lưu giữ trí tuệ và tâm hồn của nhân dân trong suốt chiều dài lịch sử.																							
2. TÌM HIỂU VỀ DẠNG BÀI NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO																											

Phiếu 2: BẢNG TÌM HIỂU VỀ DẠNG BÀI NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO

Đề tài, vấn đề nghiên cứu	Yêu cầu		- Là một nội dung học tập trong chương trình cần được tìm hiểu sâu khi có điều kiện về thời gian và sự hứng thú. - Phải vừa sức với học sinh cấp học THPT xếp theo trình độ phân tích và khái quát, khả năng tập hợp tư liệu, thực hiện điều tra khảo sát; hỗ trợ học sinh thể hiện năng lực của mình ở nhiều phương diện (tư duy, khả năng trình bày, những điểm mạnh của cá nhân hoặc nhóm;...)
	Phạm vi		Phạm vi rộng hẹp khác nhau, liên quan đến nhiều đối tượng như: tác phẩm, hình tượng chi tiết, mối liên hệ giữa các tác phẩm với đời sống,...
	Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu		Đối tượng nghiên cứu có những điểm đặc thù như: tính điển hình, tính truyền miệng, tính dị bản,...
	Phương pháp nghiên cứu		Sưu tầm tài liệu, điền dã, trải nghiệm thực tiễn, phỏng vấn chuyên gia/ nghệ nhân dân gian,...
Báo cáo nghiên cứu	Khái niệm		Là loại văn bản trình bày kết quả tìm hiểu, khám phá sâu về một vấn đề xã hội hoặc văn học và những kiến giải riêng của người viết về vấn đề nghiên cứu đó trên cơ sở các thông tin phong phú thu thập được.
	Mục đích		Trả lời một số câu hỏi chính: - Vấn đề này đã từng được nghiên cứu chưa ? - Những phương diện nào của vấn đề cần được làm sáng tỏ? - Dữ liệu, thông tin nào cần sử dụng để chứng minh cho từng nhận xét, đánh giá? - Những kết quả nổi bật là gì? - Việc nghiên cứu về vấn đề nên được tiếp tục như thế nào?
	Yêu cầu	Các bước	Yêu cầu của một bài báo cáo nghiên cứu: - Nêu được đề tài nghiên cứu và vấn đề được đặt ra trong báo cáo - Trình bày được kết quả nghiên cứu thông qua hệ thống các luận điểm sáng rõ và thông tin xác thực. - Khai thác được các nguồn tham khảo đáng tin cậy sử dụng trích dẫn, cước chú và phương tiện hỗ trợ phù hợp, thể hiện sự minh

				bạch trong việc kế thừa những kết quả nghiên cứu đã có. - Thể hiện được kiến giải riêng của người viết bằng ngôn ngữ khoa học, khách quan. - Tóm tắt được các ý chính đã triển khai để đưa vào phần kết của báo cáo, đồng thời gọi ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu. - Có danh mục tài liệu tham khảo ở cuối báo cáo
			Cấu trúc	- Đặt vấn đề/Mở đầu: Nêu vấn đề nghiên cứu; trình bày lý do, mục đích nghiên cứu. - Giải quyết vấn đề/Nội dung: trình bày những kết quả nghiên cứu nổi bật. - Kết thúc vấn đề/Kết luận: tóm tắt được các ý chính đã triển khai, gọi ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu. - Tài liệu tham khảo. - Phụ lục (nếu có)
			Hình thức thể hiện	Báo cáo nghiên cứu có thể sử dụng sơ đồ, hình ảnh,... để trình bày vấn đề một cách trực quan, hấp dẫn.

Hoạt động 2.2. Phần 1: TẬP NGHIÊN CỨU

a. Mục tiêu: GV hướng dẫn học sinh tập nghiên cứu bằng các phương pháp và các thao tác tiến hành nghiên cứu một vấn đề, bao gồm: xác định đề tài, vấn đề, mục tiêu, nội dung và lập kế hoạch nghiên cứu; thu thập, xử lý và tổng hợp thông tin về đề tài; vấn đề nghiên cứu.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng tổng hợp các kỹ năng để tập nghiên cứu

- HS hoạt động cá nhân: đọc và thu thập thông tin kết hợp làm việc nhóm

- GV hướng dẫn HS cách thức tìm hiểu và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả trình bày của HS, phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Phiếu 3: Bảng lựa chọn đề tài nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu	Nội dung nghiên cứu	Lựa chọn	Lí do lựa chọn
Nghiên cứu một tác phẩm văn học dân gian	Giá trị, nét đặc sắc hay sức hấp dẫn của một tác phẩm hoặc một nhóm tác phẩm văn học dân gian		Sức hấp dẫn của văn học dân gian: Văn học dân gian của mỗi dân tộc đều là sản phẩm trí tuệ và tâm hồn của nhân dân được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nhiều tác phẩm văn học dân gian lưu hành ở các khu vực khác nhau trên thế giới đã trở thành tài sản tinh thần chung của nhân loại như: <i>Thần thoại Hy Lạp</i>, <i>Kinh Thi</i> (Trung Quốc), <i>Truyện cổ Gô-rim</i> (Đức),... Việc tìm hiểu những tác phẩm dân gian nước ngoài sẽ giúp chúng ta hiểu thêm về vẻ đẹp, giá trị lịch sử, văn hoá, tinh thần của mỗi dân tộc, trí tưởng tượng và khả năng sáng tạo của nhân dân để tạo nên những kiệt tác còn mãi với thời gian.
Nghiên cứu một hình tượng, chi tiết trong văn bản văn học dân	Hình tượng con cò trong ca dao, dân ca		Hình tượng con cò (hoặc con thuyền, dòng sông,...) trong ca dao, dân ca Việt Nam: Ca dao là một loại hình thơ trữ tình dân gian, thường được truyền miệng dưới dạng những câu hát dân ca với các làn điệu khác nhau. Thể thơ
	Hình tượng		

gian	con thuyền trong ca dao, dân ca		chính làm nên phần lời của ca dao là thể lục bát. Thế giới của ca dao là thế giới đầy hương sắc, chứa đựng các cung bậc tình cảm, cảm xúc rất đa dạng của con người trước thiên nhiên, trời đất và lòng người, được thể hiện bằng hình ảnh bình dị, gần gũi với không gian của làng quê xưa (con cò, con trâu, dòng sông, vầng trăng, cây đa, giếng nước,...) và được cất lên trong những giai điệu gần bó với không gian lao động, sinh hoạt của mỗi vùng quê.
	Hình tượng dòng sông trong ca dao, dân ca		
	Hình tượng người anh hùng trong truyện cổ dân gian		Hình tượng người anh hùng (hoặc dũng sĩ, mồ côi,...) trong truyện cổ dân gian Việt Nam: Đến với kho tàng truyện cổ dân gian Việt Nam, chúng ta sẽ được tiếp xúc với nhiều kiểu nhân vật. Đó là người anh hùng đã lập nên những chiến công hiển hách góp phần quan trọng vào công cuộc dựng nước và giữ nước của dân tộc; đó là người dũng sĩ với những hành động phi thường, nghĩa hiệp, đem lại cuộc sống bình yên cho mọi người; đó còn là những con người nhỏ bé, mồ côi, xấu xí,... trải qua nhiều nhọc nhằn, gian truân nhưng cuối cùng vẫn có được kết thúc hạnh phúc, xem như một phần thưởng xứng đáng mà cuộc đời dành cho,...Trong mỗi hình tượng nhân vật của truyện cổ dân gian, ta "đọc thấy" bao gửi gắm, khát vọng của người xưa. Đồng thời, ta cũng nhận được từ đó những bài học cuộc sống có ý nghĩa đối với con người hôm nay.
	Hình tượng người dũng sĩ trong truyện cổ dân gian		
	Hình tượng người mồ côi trong truyện cổ dân gian		
	Chi tiết vật thiêng		- Những chi tiết tưởng tượng, kì ảo thường xuất hiện trong các truyền thuyết, truyện cổ tích, thần thoại... - Những chi tiết tưởng tượng kì ảo nhằm dựng lên những câu chuyện thần kì, nhằm giải thích những sự việc, sự kiện chưa thể giải thích theo cách thông thường, cũng có khi là để thần thánh hóa các nhân vật mà nhân dân ngưỡng mộ, tôn sùng. Các chi tiết tưởng tượng kì ảo còn giúp cho câu chuyện thêm sức hấp dẫn và lôi cuốn người đọc, người nghe
	Sự hóa thân trong truyện cổ tích		
Nghiên cứu mối quan hệ giữa văn học dân gian với đời sống văn hóa dân tộc và văn học nghệ thuật hiện nay	Sức sống của văn học dân gian trong các lễ hội văn hóa truyền thống		Sức sống của văn học dân gian trong các lễ hội văn hoá truyền thống của dân tộc: - Giữa văn học và văn hoá dân gian có mối quan hệ gắn kết. Rất nhiều lễ hội văn hoá của dân tộc bắt nguồn từ các câu chuyện cổ, các tích xưa. Bạn sẽ được trải nghiệm không khí của những lễ hội, tìm hiểu về nguồn gốc, nội dung và ý nghĩa của những câu chuyện, nhân vật, sự kiện trong các truyện truyền thuyết; những giai điệu đã trường tồn trong mạch nguồn lịch sử, văn học và văn hiến hiện trong cuộc sống hôm nay. - Một số lễ hội gắn với văn học dân gian có thể kể đến: + Lễ hội Gióng (gắn với truyền thuyết về Thánh Gióng). + Lễ hội đền Dạ Trạch (gắn với truyền thuyết về Chử Đồng Tử và Tiên Dung). + Lễ hội Đền Hùng (gắn với truyền thuyết về Lạc Long Quân và Âu Cơ).
	Sự tái sinh của văn học dân gian trong các loại hình nghệ thuật (điện ảnh, ngôn ngữ, văn học) hiện nay		

			+ Lễ hội Cỗ Loa (gắn với truyền thuyết về An Dương Vương và Mỵ Châu, Trọng Thủy).
--	--	--	---

Phiếu 4: Bảng nghiên cứu văn học dân gian

Đề tài nghiên cứu	Nội dung nghiên cứu	Mục tiêu	Phương pháp nghiên cứu	Dự kiến Nội dung nghiên cứu chuyên sâu
Nghiên cứu một tác phẩm văn học dân gian	Giá trị, nét đặc sắc hay sức hấp dẫn của một tác phẩm hoặc một nhóm tác phẩm văn học dân gian			
Nghiên cứu một hình tượng, chi tiết trong văn bản văn học dân gian	Hình tượng con cò trong ca dao, dân ca			
	Hình tượng con thuyền trong ca dao, dân ca			
	Hình tượng dòng sông trong ca dao, dân ca			
	Hình tượng người anh hùng trong truyện cổ dân gian			
	Hình tượng người dũng sĩ trong truyện cổ dân gian			
	Hình tượng người mồ côi trong truyện cổ dân gian			
	Chi tiết vật thiêng			
	Sự hóa thân trong truyện cổ tích			
Nghiên cứu mối quan hệ giữa văn học dân gian với đời sống văn hóa dân tộc và văn học nghệ thuật hiện nay	Sức sống của văn học dân gian trong các lễ hội văn hóa truyền thống			
	Sự tái sinh của văn học dân gian trong các loại hình nghệ thuật (điện ảnh, ngôn ngữ, văn học) hiện nay			

II. TẬP NGHIÊN CỨU

1. XÁC ĐỊNH ĐỀ TÀI, VẤN ĐỀ, MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ LẬP KẾ HOẠCH NGHIÊN CỨU

- a. Mục tiêu:** Hoạt động này nhằm giúp HS thực hành khâu đầu tiên của việc tập nghiên cứu là lựa chọn được đề tài, vấn đề nghiên cứu, xác định mục tiêu, nội dung nghiên cứu và lập kế hoạch cho việc nghiên cứu.
- b. Nội dung hoạt động:** HS hoạt động nhóm và tư duy cá nhân
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS
- d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
-----------------	------------------

Thao tác 1: Xác định đề tài, vấn đề HOẠT ĐỘNG CẤP ĐÔI CHIA SẺ Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - Đề xác định đề tài, vấn đề nghiên cứu, GV hướng dẫn HS trả lời một số câu hỏi sau: + Vấn đề bạn lựa chọn có điểm gì hấp dẫn? + Vấn đề bạn lựa chọn có ý nghĩa gì đối với việc học tập của bạn? + Bạn có điều kiện thực tế để tìm hiểu vấn đề không? + Vấn đề bạn lựa chọn có phát huy sở trường học tập của bạn/ nhóm bạn không? - GV giao Bảng lựa chọn đề tài nghiên cứu để HS tìm hiểu và lựa chọn vấn đề nghiên cứu sao cho phù hợp với điều kiện khách quan cũng như năng lực và sở thích - GV yêu cầu HS tích vào vấn đề mà HS lựa chọn trong Bảng lựa chọn đề tài nghiên cứu Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: - HS tích vào Bảng lựa chọn đề tài nghiên cứu - GV quan sát, khuyến khích Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - HS nộp bảng lựa chọn của mình - GV chia nhóm	1. XÁC ĐỊNH ĐỀ TÀI, VẤN ĐỀ, MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ LẬP KẾ HOẠCH NGHIÊN CỨU a. Xác định đề tài, vấn đề Chẳng hạn: Phiếu 3: Bảng lựa chọn đề tài nghiên cứu <table><tr><th>Đề tài nghiên cứu</th><th>Nội dung nghiên cứu</th><th>Lựa chọn</th><th>Lí do lựa chọn</th></tr><tr><td rowspan="4">Nghiên cứu một tác phẩm văn học dân gian</td><td>Giá trị, nét đặc sắc hay sức hấp dẫn của một tác phẩm hoặc một nhóm tác phẩm văn học dân gian</td><td>✓</td><td>Sức hấp dẫn của văn học dân gian: Văn học dân gian của mỗi dân tộc đều là sản phẩm trí tuệ và tâm hồn của nhân dân được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nhiều tác phẩm văn học dân gian lưu hành ở các khu vực khác nhau trên thế giới đã trở thành tài sản tinh thần chung của nhân loại như: <i>Thần thoại Hy Lạp, Kinh Thi</i> (Trung Quốc), <i>Truyện cổ Gô-rim</i> (Đức),... Việc tìm hiểu những tác phẩm dân gian nước ngoài sẽ giúp chúng ta hiểu thêm về vẻ đẹp, giá trị lịch sử, văn hoá, tinh thần của mỗi dân tộc, trí tưởng tượng và khả năng sáng tạo của nhân dân để tạo nên những kiệt tác còn mãi với thời gian.</td></tr><tr><td rowspan="3">Nghiên cứu một hình tượng, chi tiết trong văn bản văn học dân gian</td><td>Hình tượng con cò trong ca dao, dân ca</td><td></td><td rowspan="3">Hình tượng con cò (hoặc con thuyền, dòng sông,...) trong ca dao, dân ca Việt Nam: Ca dao là một loại hình thơ trữ tình dân gian, thường được truyền miệng dưới dạng những câu hát dân ca với các làn điệu khác nhau. Thể thơ chính làm nên phần lời của ca dao là thể lục bát. Thể giới của ca dao là thể giới đầy hương sắc, chứa đựng các cung bậc tình cảm, cảm xúc rất đa dạng của con người trước thiên nhiên, trời đất và lòng người, được thể hiện bằng hình ảnh bình dị, gần gũi với không gian của làng quê xưa (con cò, con trâu, dòng sông, vầng trăng, cây đa, giếng nước,...) và được cất lên trong những giai điệu gần gũi với không gian lao động, sinh hoạt của mỗi vùng quê.</td></tr><tr><td>Hình tượng con thuyền trong ca dao, dân ca</td><td></td></tr><tr><td>Hình tượng dòng sông trong ca dao, dân ca</td><td></td></tr><tr><td rowspan="2"></td><td>Hình tượng người anh hùng trong truyện cổ dân gian</td><td></td><td rowspan="2">Hình tượng người anh hùng (hoặc dũng sĩ, mồ côi,...) trong truyện cổ dân gian Việt Nam: Đến với kho tàng truyện cổ dân gian Việt Nam, chúng ta sẽ được tiếp xúc với nhiều kiểu nhân vật. Đó là người anh hùng đã lập nên những chiến công hiển hách góp phần quan trọng vào công cuộc dựng nước và giữ nước của dân tộc; đó là người dũng sĩ với những hành động phi thường,</td></tr><tr><td>Hình tượng</td><td></td></tr></table>	Đề tài nghiên cứu	Nội dung nghiên cứu	Lựa chọn	Lí do lựa chọn	Nghiên cứu một tác phẩm văn học dân gian	Giá trị, nét đặc sắc hay sức hấp dẫn của một tác phẩm hoặc một nhóm tác phẩm văn học dân gian	✓	Sức hấp dẫn của văn học dân gian: Văn học dân gian của mỗi dân tộc đều là sản phẩm trí tuệ và tâm hồn của nhân dân được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nhiều tác phẩm văn học dân gian lưu hành ở các khu vực khác nhau trên thế giới đã trở thành tài sản tinh thần chung của nhân loại như: <i>Thần thoại Hy Lạp, Kinh Thi</i> (Trung Quốc), <i>Truyện cổ Gô-rim</i> (Đức),... Việc tìm hiểu những tác phẩm dân gian nước ngoài sẽ giúp chúng ta hiểu thêm về vẻ đẹp, giá trị lịch sử, văn hoá, tinh thần của mỗi dân tộc, trí tưởng tượng và khả năng sáng tạo của nhân dân để tạo nên những kiệt tác còn mãi với thời gian.	Nghiên cứu một hình tượng, chi tiết trong văn bản văn học dân gian	Hình tượng con cò trong ca dao, dân ca		Hình tượng con cò (hoặc con thuyền, dòng sông,...) trong ca dao, dân ca Việt Nam: Ca dao là một loại hình thơ trữ tình dân gian, thường được truyền miệng dưới dạng những câu hát dân ca với các làn điệu khác nhau. Thể thơ chính làm nên phần lời của ca dao là thể lục bát. Thể giới của ca dao là thể giới đầy hương sắc, chứa đựng các cung bậc tình cảm, cảm xúc rất đa dạng của con người trước thiên nhiên, trời đất và lòng người, được thể hiện bằng hình ảnh bình dị, gần gũi với không gian của làng quê xưa (con cò, con trâu, dòng sông, vầng trăng, cây đa, giếng nước,...) và được cất lên trong những giai điệu gần gũi với không gian lao động, sinh hoạt của mỗi vùng quê.	Hình tượng con thuyền trong ca dao, dân ca		Hình tượng dòng sông trong ca dao, dân ca			Hình tượng người anh hùng trong truyện cổ dân gian		Hình tượng người anh hùng (hoặc dũng sĩ, mồ côi,...) trong truyện cổ dân gian Việt Nam: Đến với kho tàng truyện cổ dân gian Việt Nam, chúng ta sẽ được tiếp xúc với nhiều kiểu nhân vật. Đó là người anh hùng đã lập nên những chiến công hiển hách góp phần quan trọng vào công cuộc dựng nước và giữ nước của dân tộc; đó là người dũng sĩ với những hành động phi thường,	Hình tượng	
Đề tài nghiên cứu	Nội dung nghiên cứu	Lựa chọn	Lí do lựa chọn																				
Nghiên cứu một tác phẩm văn học dân gian	Giá trị, nét đặc sắc hay sức hấp dẫn của một tác phẩm hoặc một nhóm tác phẩm văn học dân gian	✓	Sức hấp dẫn của văn học dân gian: Văn học dân gian của mỗi dân tộc đều là sản phẩm trí tuệ và tâm hồn của nhân dân được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nhiều tác phẩm văn học dân gian lưu hành ở các khu vực khác nhau trên thế giới đã trở thành tài sản tinh thần chung của nhân loại như: <i>Thần thoại Hy Lạp, Kinh Thi</i> (Trung Quốc), <i>Truyện cổ Gô-rim</i> (Đức),... Việc tìm hiểu những tác phẩm dân gian nước ngoài sẽ giúp chúng ta hiểu thêm về vẻ đẹp, giá trị lịch sử, văn hoá, tinh thần của mỗi dân tộc, trí tưởng tượng và khả năng sáng tạo của nhân dân để tạo nên những kiệt tác còn mãi với thời gian.																				
	Nghiên cứu một hình tượng, chi tiết trong văn bản văn học dân gian	Hình tượng con cò trong ca dao, dân ca		Hình tượng con cò (hoặc con thuyền, dòng sông,...) trong ca dao, dân ca Việt Nam: Ca dao là một loại hình thơ trữ tình dân gian, thường được truyền miệng dưới dạng những câu hát dân ca với các làn điệu khác nhau. Thể thơ chính làm nên phần lời của ca dao là thể lục bát. Thể giới của ca dao là thể giới đầy hương sắc, chứa đựng các cung bậc tình cảm, cảm xúc rất đa dạng của con người trước thiên nhiên, trời đất và lòng người, được thể hiện bằng hình ảnh bình dị, gần gũi với không gian của làng quê xưa (con cò, con trâu, dòng sông, vầng trăng, cây đa, giếng nước,...) và được cất lên trong những giai điệu gần gũi với không gian lao động, sinh hoạt của mỗi vùng quê.																			
		Hình tượng con thuyền trong ca dao, dân ca																					
		Hình tượng dòng sông trong ca dao, dân ca																					
	Hình tượng người anh hùng trong truyện cổ dân gian		Hình tượng người anh hùng (hoặc dũng sĩ, mồ côi,...) trong truyện cổ dân gian Việt Nam: Đến với kho tàng truyện cổ dân gian Việt Nam, chúng ta sẽ được tiếp xúc với nhiều kiểu nhân vật. Đó là người anh hùng đã lập nên những chiến công hiển hách góp phần quan trọng vào công cuộc dựng nước và giữ nước của dân tộc; đó là người dũng sĩ với những hành động phi thường,																				
	Hình tượng																						

dựa theo lựa chọn của HS Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức: GV nhận xét, chuẩn kiến thức. HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - GV giao Bảng KWLH - GV yêu cầu HS điền thông tin vào cột K, W và L, cột H điền khi hoàn thành bài học Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: - HS điền thông tin theo yêu cầu - GV quan sát, khuyến khích Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - HS nộp bảng KWLH Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức: GV nhận xét, chuẩn kiến thức		người dũng sĩ trong truyện cổ dân gian		nghĩa hiệp, đem lại cuộc sống bình yên cho mọi người; đó còn là những con người nhỏ bé, mồ côi, xấu xí,... trải qua nhiều nhọc nhằn, gian truân nhưng cuối cùng vẫn có được kết thúc hạnh phúc, xem như một phần thưởng xứng đáng mà cuộc đời dành cho,...Trong mỗi hình tượng nhân vật của truyện cổ dân gian, ta "đọc thấy" bao gửi gắm, khát vọng của người xưa. Đồng thời, ta cũng nhận được từ đó những bài học cuộc sống có ý nghĩa đối với con người hôm nay.
		Hình tượng người mồ côi trong truyện cổ dân gian		- Những chi tiết tưởng tượng, kì ảo thường xuất hiện trong các truyện thuyết, truyện cổ tích, thần thoại... - Những chi tiết tưởng tượng kì ảo nhằm dựng lên những câu chuyện thần kì, nhằm giải thích những sự việc, sự kiện chưa thể giải thích theo cách thông thường, cũng có khi là để thần thánh hóa các nhân vật mà nhân dân ngưỡng mộ, tôn sùng. Các chi tiết tưởng tượng kì ảo còn giúp cho câu chuyện thêm sức hấp dẫn và lôi cuốn người đọc, người nghe
		Chi tiết vật thiêng		
	Nghiên cứu mối quan hệ giữa văn học dân gian với đời sống văn hóa dân tộc và văn học nghệ thuật hiện nay	Sức sống của văn học dân gian trong các lễ hội văn hóa truyền thống		Sức sống của văn học dân gian trong các lễ hội văn hoá truyền thống của dân tộc: - Giữa văn học và văn hoá dân gian có mối quan hệ gắn kết. Rất nhiều lễ hội văn hoá của dân tộc bắt nguồn từ các câu chuyện cổ, các tích xưa. Bạn sẽ được trải nghiệm không khí của những lễ hội, tìm hiểu về nguồn gốc, nội dung và ý nghĩa của những câu chuyện, nhân vật, sự kiện trong các truyện truyền thuyết; những giai điệu đã trường tồn trong mạch nguồn lịch sử, văn học và văn hiến hiện trong cuộc sống hôm nay. - Một số lễ hội gắn với văn học dân gian có thể kể đến: + Lễ hội Gióng (gắn với truyền thuyết về Thánh Gióng). + Lễ hội đền Dã Trạch (gắn với truyền thuyết về Chử Đồng Tử và Tiên Dung). + Lễ hội Đền Hùng (gắn với truyền thuyết về Lạc Long Quân và Âu Cơ). + Lễ hội Cổ Loa (gắn với truyền thuyết về An Dương Vương và Mỵ Châu, Trọng Thủy).
		Sự tái sinh của văn học dân gian trong các loại hình nghệ thuật (điện ảnh, ngôn ngữ, văn học) hiện nay		

Bảng KWLH:

	K — Việc tìm hiểu đề tài, vấn đề lựa chọn giúp gì cho bạn trong việc mở rộng, nâng cao hiểu biết về văn học dân gian? 	W Bạn muốn được rèn luyện thêm điều gì về tư duy và các kĩ năng tìm hiểu, nghiên cứu một vấn đề? 	L Bạn mong muốn tìm hiểu thêm điều gì ở vấn đề bạn lựa chọn? 	H Bạn dự kiến những nội dung trọng tâm của đề tài, vấn đề cần tìm hiểu là gì?
--	--	---	---	--

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm														
Thao tác 2: Xác định mục tiêu và nội dung nghiên cứu Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi sau để nhận diện các nội dung trọng tâm nghiên cứu: - Em muốn được rèn luyện thêm điều gì về tư duy và các kĩ năng tìm hiểu, nghiên cứu một vấn đề? - Việc tìm hiểu đề tài, vấn đề nghiên cứu giúp gì cho em trong việc mở rộng, nâng cao hiểu biết về văn học dân gian? - Em dự kiến những nội dung trọng tâm của đề tài, vấn đề cần tìm hiểu là gì? GV hướng dẫn HS hoàn thành phiếu số 4 Bảng nghiên cứu văn học dân gian Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS hoàn thành phiếu số 4 Bảng nghiên cứu văn học dân gian - GV quan sát, khuyến khích Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - HS trình bày lí do, mục đích, nội dung cụ thể phần nghiên cứu của bản thân - Các học sinh cùng đề tài có thể tạo thành nhóm và trao đổi thảo luận để đại diện nhóm lên trình bày Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	b. Xác định mục tiêu và nội dung nghiên cứu Phiếu 4: Bảng nghiên cứu văn học dân gian <table><tr><th>Đề tài nghiên cứu</th><th>Nội dung nghiên cứu</th><th>Mục tiêu</th><th>Phương pháp nghiên cứu</th><th>Dự kiến nội dung đi sâu</th></tr><tr><td>Nghiên cứu một tác phẩm văn học dân gian</td><td>Giá trị, nét đặc sắc hay sức hấp dẫn của một tác phẩm hoặc một nhóm tác phẩm văn học dân gian</td><td>Nghiên cứu một tác phẩm văn học dân gian: - Tìm hiểu về ý nghĩa của tác phẩm văn học dân gian - Rèn luyện kĩ năng nghiên cứu một đề tài, vấn đề văn học dân gian qua việc thể hiện trình độ phân tích và khái quát sưu tầm tài liệu, phỏng vấn chuyên gia/nghệ nhân dân gian... - Đi sâu cảm nhận và thẩm thấu vẻ đẹp của một tác phẩm văn học dân gian </td><td>HS cần thể hiện trình độ phân tích và khái quát, khả năng tập hợp tư liệu, thực hiện điều tra khảo sát qua việc: + Sưu tầm tài liệu, + Phỏng vấn chuyên gia/nghệ nhân dân gian... </td><td> - Phân tích những đặc điểm nổi bật về nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm văn học dân gian - Dấu ấn của tác phẩm văn học dân gian trong đời sống cộng đồng (ảnh hưởng tới sinh hoạt văn hóa, ảnh hưởng tới nền văn học viết,...) - Ý nghĩa, giá trị của tác phẩm văn học dân gian </td></tr></table>					Đề tài nghiên cứu	Nội dung nghiên cứu	Mục tiêu	Phương pháp nghiên cứu	Dự kiến nội dung đi sâu	Nghiên cứu một tác phẩm văn học dân gian	Giá trị, nét đặc sắc hay sức hấp dẫn của một tác phẩm hoặc một nhóm tác phẩm văn học dân gian	Nghiên cứu một tác phẩm văn học dân gian: - Tìm hiểu về ý nghĩa của tác phẩm văn học dân gian - Rèn luyện kĩ năng nghiên cứu một đề tài, vấn đề văn học dân gian qua việc thể hiện trình độ phân tích và khái quát sưu tầm tài liệu, phỏng vấn chuyên gia/nghệ nhân dân gian... - Đi sâu cảm nhận và thẩm thấu vẻ đẹp của một tác phẩm văn học dân gian	HS cần thể hiện trình độ phân tích và khái quát, khả năng tập hợp tư liệu, thực hiện điều tra khảo sát qua việc: + Sưu tầm tài liệu, + Phỏng vấn chuyên gia/nghệ nhân dân gian...	- Phân tích những đặc điểm nổi bật về nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm văn học dân gian - Dấu ấn của tác phẩm văn học dân gian trong đời sống cộng đồng (ảnh hưởng tới sinh hoạt văn hóa, ảnh hưởng tới nền văn học viết,...) - Ý nghĩa, giá trị của tác phẩm văn học dân gian
Đề tài nghiên cứu	Nội dung nghiên cứu	Mục tiêu	Phương pháp nghiên cứu	Dự kiến nội dung đi sâu											
Nghiên cứu một tác phẩm văn học dân gian	Giá trị, nét đặc sắc hay sức hấp dẫn của một tác phẩm hoặc một nhóm tác phẩm văn học dân gian	Nghiên cứu một tác phẩm văn học dân gian: - Tìm hiểu về ý nghĩa của tác phẩm văn học dân gian - Rèn luyện kĩ năng nghiên cứu một đề tài, vấn đề văn học dân gian qua việc thể hiện trình độ phân tích và khái quát sưu tầm tài liệu, phỏng vấn chuyên gia/nghệ nhân dân gian... - Đi sâu cảm nhận và thẩm thấu vẻ đẹp của một tác phẩm văn học dân gian	HS cần thể hiện trình độ phân tích và khái quát, khả năng tập hợp tư liệu, thực hiện điều tra khảo sát qua việc: + Sưu tầm tài liệu, + Phỏng vấn chuyên gia/nghệ nhân dân gian...	- Phân tích những đặc điểm nổi bật về nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm văn học dân gian - Dấu ấn của tác phẩm văn học dân gian trong đời sống cộng đồng (ảnh hưởng tới sinh hoạt văn hóa, ảnh hưởng tới nền văn học viết,...) - Ý nghĩa, giá trị của tác phẩm văn học dân gian											

					- Những dị bản và tính ứng dụng tại từng vùng miền
Nghiên cứu một hình tượng, chi tiết trong văn bản văn học dân gian	Hình tượng con cò trong ca dao, dân ca	Nghiên cứu một hình tượng, chi tiết trong văn bản văn học dân gian: - Tìm hiểu về ý nghĩa của hình tượng, chi tiết trong tác phẩm văn học dân gian - Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu một đề tài, vấn đề văn học dân gian qua việc thể hiện trình độ phân tích và khái quát sưu tầm tài liệu, phỏng vấn chuyên gia/nghệ nhân dân gian... - Đi sâu cảm nhận và thẩm thấu vẻ đẹp của hình tượng, chi tiết trong một tác phẩm văn học dân gian	HS cần thể hiện trình độ phân tích và khái quát, khả năng tập hợp tư liệu, thực hiện điều tra khảo sát qua việc: - Sưu tầm tài liệu, - Phỏng vấn chuyên gia/nghệ nhân dân gian...	Phân tích những đặc điểm nổi bật của hình tượng, chi tiết trong một tác phẩm văn học dân gian: - Dấu ấn của hình tượng, chi tiết trong tác phẩm văn học dân gian đối với đời sống cộng đồng (ảnh hưởng tới sinh hoạt văn hóa, ảnh hưởng tới nền văn học viết,...) - Ý nghĩa, giá trị của hình tượng, chi tiết trong tác phẩm văn học dân gian - Những dị bản và tính ứng dụng tại từng vùng	
	Hình tượng con thuyền trong ca dao, dân ca				
	Hình tượng dòng sông trong ca dao, dân ca				
	Hình tượng người anh hùng trong truyện cổ dân gian				
	Hình tượng người dũng sĩ trong truyện cổ dân gian				
	Hình tượng người mô côi trong truyện cổ dân gian				
	Chi tiết vật thiêng				
Sự hóa thân trong truyện cổ tích					

					miền
	Nghiên cứu mối quan hệ giữa văn học dân gian với đời sống văn hóa dân tộc và văn học nghệ thuật hiện nay	Sức sống của văn học dân gian trong các lễ hội văn hóa truyền thống	Sức sống của văn học dân gian trong các lễ hội văn hoá truyền thống của dân tộc: - Tìm hiểu về ý nghĩa của tác phẩm văn học dân gian trong một hoặc một số lễ hội văn hoá của địa phương hay quốc gia. - Rèn luyện kĩ năng nghiên cứu một đề tài, vấn đề văn học dân gian qua trải nghiệm thực tiễn tham dự một lễ hội và tìm hiểu tư liệu trong sách báo. - Mở rộng hiểu biết về sức sống và giá trị của văn học dân gian trong đời sống văn hoá của dân tộc hiện nay. Cùng với việc xác định mục tiêu, bạn có thể dự kiến những nội dung trọng tâm cần nghiên cứu về vấn đề.	Trải nghiệm thực tiễn tham dự một lễ hội và tìm hiểu tư liệu trong sách báo.	- Phân tích những đặc điểm nổi bật của lễ hội - Dấu ấn của tác phẩm văn học dân gian thể hiện qua các hoạt động của lễ hội. - Ý nghĩa, giá trị của lễ hội và phẩm văn học dân gian trong đời sống văn hoá tinh thần của cộng đồng.

HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

GV hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi:

Để xây dựng kế hoạch nghiên cứu cho đề tài, vấn đề đã lựa chọn, em có thể dựa vào các câu hỏi gợi ý sau:

- Việc triển khai đề tài, vấn đề bao gồm những hoạt động nào?
- Hoạt động được thực hiện ở đâu?
- Kết quả, sản phẩm của từng hoạt động và kết quả, sản phẩm cuối cùng là gì?
- Khi nào cần hoàn thành từng hoạt động?
- Ai được phân công thực hiện và cần phối hợp với ai?

GV hướng dẫn HS lập kế hoạch theo **Bảng kế hoạch nghiên cứu**

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:

+ HS hoàn thành bảng kế hoạch của cá nhân theo lựa chọn của bản thân

+ GV quan sát, khích lệ, gợi dẫn HS (nếu cần)

Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận:

+ HS trình bày sản phẩm.

+ GV gọi HS khác nhận xét kế hoạch của bạn, góp ý xây dựng.

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những kế hoạch chi tiết, khoa học. Khích lệ HS chưa biết lập tiếp tục hoàn thiện (GV hỗ trợ giúp HS nếu khó khăn)

c. Lập kế hoạch nghiên cứu

Bảng kế hoạch nghiên cứu: Giá trị, nét đặc sắc hay sức hấp dẫn của một tác phẩm hoặc một nhóm tác phẩm văn học dân gian

Các hoạt động	Dự kiến kết quả, sản phẩm	Thời gian thực hiện	Người thực hiện hoặc phối hợp
Tìm hiểu về giá trị, nét đặc sắc hay sức hấp dẫn của một tác phẩm hoặc một nhóm tác phẩm văn học dân gian qua tài liệu (sách báo, internet....)	Các tài liệu được sưu tầm về giá trị, nét đặc sắc hay sức hấp dẫn của một tác phẩm hoặc một nhóm tác phẩm văn học dân gian	1 buổi	Cá nhân
Tham khảo ý kiến chuyên gia	Bản ghi chép ý kiến chuyên gia về giá trị, nét đặc sắc hay sức hấp dẫn của một tác phẩm hoặc một nhóm tác phẩm văn học dân gian	1 buổi	Nhóm
Phân tích, đánh giá tài liệu	Bản ghi chép phân tích, đánh giá, phân loại tài liệu	1 ngày	Nhóm
Xây dựng hồ sơ tài liệu nghiên cứu về giá trị, nét đặc sắc hay sức hấp dẫn của một tác phẩm hoặc một nhóm tác phẩm văn học dân gian	Danh mục tài liệu tham khảo gồm những công trình nghiên cứu (bài viết, sách....) liên quan đến giá trị, nét đặc sắc hay sức hấp dẫn của một tác phẩm hoặc một nhóm tác phẩm văn học dân gian	1 ngày	Nhóm

Lưu ý: Do cùng phương pháp nghiên cứu nên bảng kế hoạch nghiên cứu các nội dung còn lại cũng tương tự như

trên. Bảng kế hoạch nghiên cứu: Sức sống của văn học dân gian trong các lễ hội văn hóa truyền thống				
Các hoạt động	Dự kiến kết quả, sản phẩm	Thời gian	Người thực hiện hoặc phối hợp	
Tìm hiểu về lễ hội dân gian qua tài liệu (sách báo, internet....)	Các tài liệu được sưu tầm về lễ hội và tác phẩm văn học dân gian liên quan đến lễ hội	1 buổi	Cá nhân	
Tham khảo ý kiến chuyên gia	Bản ghi chép ý kiến chuyên gia về lễ hội và tác phẩm văn học liên quan đến lễ hội	1 buổi	Nhóm	
Tham gia lễ hội	Bản ghi chép về không khí, diễn biến của lễ hội và sức sống của lễ hội trong đời sống văn hoá của dân tộc	1 ngày	Nhóm	
Xây dựng hồ sơ tài liệu nghiên cứu về tác phẩm văn học dân gian và lễ hội văn hoá	Danh mục tài liệu tham khảo gồm những công trình nghiên cứu (bài viết, sách....) liên quan đến tác phẩm văn học dân gian và lễ hội văn hoá	1 ngày	Nhóm	

2. THU THẬP THÔNG TIN

a. Mục tiêu: Hoạt động này giúp HS phát triển kỹ năng tìm kiếm, thu thập các thông tin liên quan đến đề tài, vấn đề nghiên cứu theo những cách đã được nêu ra (sưu tầm tài liệu từ sách báo và tham khảo ý kiến chuyên gia; tìm hiểu, trải nghiệm thực tiễn)

b. Nội dung hoạt động: HS hoạt động nhóm và tư duy cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
HD sưu tầm tài liệu	a. Sưu tầm tài liệu

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

- GV hướng dẫn HS thảo luận theo nhóm để tìm hiểu, tra cứu nguồn tài liệu dựa trên các câu hỏi sau:

+ Vấn đề nghiên cứu liên quan đến những tác phẩm nào?

+ Vấn đề này đã từng được nghiên cứu chưa?

+ Dữ liệu, thông tin nào cần sử dụng để làm sáng tỏ các nội dung liên quan đến vấn đề?

- GV hướng dẫn HS tự phân công thành viên trong nhóm thực hiện những công việc sau:

+ Tìm thông tin từ sách, báo, internet.

+ Đọc, ghi lại những câu chuyện về những người anh hùng, nhân vật bất hạnh trong truyền cổ dân gian hoặc câu ca dao về hình ảnh con cò (con thuyền, dòng sông,...).

+ Đọc, ghi lại nội dung những bài, đoạn văn có liên quan (phân tích, đánh giá, nhận xét nhân vật; lời bình về những câu ca dao,...).

- GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận trong nhóm và tập hợp thông tin đã tìm được.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS có thể tiến hành thu thập thông tin qua việc đọc, sưu tầm tài liệu theo hai cách:

+ Sưu tầm tài liệu từ sách báo

+ Khai thác thông tin trên internet (GV có thể hướng dẫn HS sử dụng máy tính kết nối internet hoặc sử dụng điện thoại thông minh để tra cứu, thu thập các thông tin có liên quan đến các đề tài, vấn đề nghiên cứu trên.)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ HS thực hiện yêu cầu.

+ HS bổ trợ lẫn nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

GV lưu ý HS khi truy cập internet để tìm kiếm thông tin bằng các từ khoá liên quan đến đề tài, vấn đề:

+ Tra cứu thêm các trang tin khác có liên quan qua những đường dẫn do tác giả bài đăng cung cấp.

+ Lưu lại những trang tin có nhiều thông tin tốt để dùng lại hoặc để giới thiệu cho người khác cùng sử dụng.

+ Lưu ý: Cần lưu giữ những thông tin về nguồn tài liệu để khi cần sẽ trích dẫn đúng

- Một số đầu tài liệu dạng sách – báo:

+ Nguyễn Đồng Chi (2011), Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, bộ sách 5 tập, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Đinh Gia Khánh (Chủ biên, 2009), Văn học dân gian Việt Nam, NXB Giáo dục, Hà Nội.

+ Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật (Đồng Chủ biên, 2001), Kho tàng ca dao người Việt, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội.

+ Đỗ Quang Lưu (2000), Tập nghiên cứu và bình luận chọn lọc về văn học dân gian Việt Nam, NXB Hà Nội.

+ Phan Ngọc (1997), Thần thoại Hy Lạp, NXB Lao động, Hà Nội.

+ Bùi Mạnh Nhị (Chủ biên, 2003), Văn học dân gian - những công trình nghiên cứu, NXB Giáo dục, Hà Nội.

+ Bùi Mạnh Nhị (2012), Phân tích tác phẩm văn học dân gian trong nhà trường, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

+ Vũ Ngọc Phan (2000), Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam, NXB Văn học, Hà Nội.

- Tài liệu trên mạng internet:

+ Tra cứu trên Google bằng những từ khoá chứa các thông tin liên quan đến đề tài, vấn đề nghiên cứu.

+ Có thể đánh từ khoá cần tìm bằng cách đặt trong ngoặc kép để giới hạn phạm vi tìm kiếm, chẳng hạn: “người anh hùng trong truyền thuyết” “dũng sĩ trong cổ tích” “nhân vật mồ côi trong cổ tích” hoặc “cánh cò trong ca dao”... để tìm kiếm thông tin cho đề tài

Bảng thu thập thông tin:

Tài liệu	Tên	Nguồn	
		Sách, báo trong thư viện của nhà trường hoặc thư viện ở địa phương	Một số đường dẫn, trang thông tin trên internet
Tác phẩm văn học dân gian có liên quan đến đề tài lựa chọn	...	...	...
Tài liệu nghiên cứu có liên quan	...	...	...
Bài viết đề cập tới đề tài, vấn đề nghiên cứu	...	...	...
Một số đường dẫn, trang thông tin.	...	...	...

quy định. HD phỏng vấn, tham khảo ý kiến chuyên gia Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS thảo luận trả lời các câu hỏi sau: - Mục đích của cuộc phỏng vấn là gì? + Đặc điểm đối tượng + Ý nghĩa của đối tượng + Tác động của đối tượng tới đời sống cộng đồng - Đối tượng được phỏng vấn là ai? - Những câu hỏi nào sẽ được đặt ra trong cuộc phỏng vấn? - Cuộc phỏng vấn được thực hiện theo cách thức nào (gặp trực tiếp, qua điện thoại, qua email,...)? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS phối hợp thực hiện yêu cầu Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS thực hiện yêu cầu. + HS bổ trợ lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV chuẩn kiến thức	b. Phỏng vấn, tham khảo ý kiến chuyên gia Bảng thu thập thông tin từ việc phỏng vấn, tham khảo ý kiến chuyên gia: <table border="1"> <tr> <td>Mục đích của cuộc phỏng vấn là gì?</td><td>Tìm hiểu: + Đặc điểm đối tượng + Ý nghĩa của đối tượng + Tác động của đối tượng tới đời sống cộng đồng</td></tr> <tr> <td>Đối tượng được phỏng vấn là ai?</td><td>Chuyên gia có thể là nghệ nhân dân gian, nhà nghiên cứu văn học dân gian hay giáo viên có am hiểu về vấn đề bạn đang nghiên cứu</td></tr> <tr> <td>Những câu hỏi nào dự kiến sẽ được đặt ra trong cuộc phỏng vấn?</td><td>+ Đặc điểm của của đối tượng là gì? + Giá trị độc đáo của đối tượng cho đến hôm nay? + Sức ảnh hưởng của đối tượng đối với đời sống cộng đồng? + Ấn tượng đặc biệt về đối tượng?</td></tr> <tr> <td>Cuộc phỏng vấn được thực hiện theo cách thức nào (gặp trực tiếp, qua điện thoại, qua email,...)?</td><td>.....</td></tr> </table>	Mục đích của cuộc phỏng vấn là gì?	Tìm hiểu: + Đặc điểm đối tượng + Ý nghĩa của đối tượng + Tác động của đối tượng tới đời sống cộng đồng	Đối tượng được phỏng vấn là ai?	Chuyên gia có thể là nghệ nhân dân gian, nhà nghiên cứu văn học dân gian hay giáo viên có am hiểu về vấn đề bạn đang nghiên cứu	Những câu hỏi nào dự kiến sẽ được đặt ra trong cuộc phỏng vấn?	+ Đặc điểm của của đối tượng là gì? + Giá trị độc đáo của đối tượng cho đến hôm nay? + Sức ảnh hưởng của đối tượng đối với đời sống cộng đồng? + Ấn tượng đặc biệt về đối tượng?	Cuộc phỏng vấn được thực hiện theo cách thức nào (gặp trực tiếp, qua điện thoại, qua email,...)?			
Mục đích của cuộc phỏng vấn là gì?	Tìm hiểu: + Đặc điểm đối tượng + Ý nghĩa của đối tượng + Tác động của đối tượng tới đời sống cộng đồng										
Đối tượng được phỏng vấn là ai?	Chuyên gia có thể là nghệ nhân dân gian, nhà nghiên cứu văn học dân gian hay giáo viên có am hiểu về vấn đề bạn đang nghiên cứu										
Những câu hỏi nào dự kiến sẽ được đặt ra trong cuộc phỏng vấn?	+ Đặc điểm của của đối tượng là gì? + Giá trị độc đáo của đối tượng cho đến hôm nay? + Sức ảnh hưởng của đối tượng đối với đời sống cộng đồng? + Ấn tượng đặc biệt về đối tượng?										
Cuộc phỏng vấn được thực hiện theo cách thức nào (gặp trực tiếp, qua điện thoại, qua email,...)?											
HD đọc tham khảo bài phỏng vấn trong SGK Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - GV hướng dẫn HS đọc bài phỏng vấn SGK - GV yêu cầu HS tìm hiểu vấn đề nghiên cứu, đối tượng phỏng vấn, mục đích phỏng vấn, câu hỏi phỏng vấn và cách thức phỏng vấn bằng cách hoàn thiện bảng phân tích theo mẫu. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS phối hợp cặp đôi thực hiện yêu cầu Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS báo cáo kết quả. + HS bổ trợ lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: - GV chuẩn kiến thức - HS căn cứ vào 2 bảng trên để thực hiện phỏng vấn về đề tài nghiên cứu của mình	Bảng phân tích bài phỏng vấn mẫu: <table border="1"> <tr> <td>Vấn đề nghiên cứu</td><td>Phỏng vấn nhà nghiên cứu văn hoá Nguyễn Hùng Vỹ về hồ khoan Lê Thuỷ</td></tr> <tr> <td>Đối tượng phỏng vấn</td><td>Nguyễn Hùng Vỹ (sinh năm 1956), quê ở tỉnh Nghệ An, là nhà nghiên cứu và giảng dạy về văn hoá, văn học dân gian Việt Nam.</td></tr> <tr> <td>Mục đích phỏng vấn</td><td>- Tìm hiểu những nét đẹp của hồ khoan Lê Thuỷ - Tìm hiểu nguyên nhân hồ khoan Lê Thuỷ được bảo tồn và phát triển</td></tr> <tr> <td>Câu hỏi phỏng vấn</td><td>- Những nét đẹp của hồ khoan Lê Thuỷ là gì, thưa ông? - Theo ông, vì sao hồ khoan Lê Thuỷ được bảo tồn và phát triển cho đến hôm nay?</td></tr> <tr> <td>Cách thức phỏng vấn</td><td>- Có thể trực tiếp nếu có điều kiện gặp gỡ - Có thể gián tiếp qua điện thoại do điều kiện không gian, thời gian hoặc dịch bệnh,...</td></tr> </table>	Vấn đề nghiên cứu	Phỏng vấn nhà nghiên cứu văn hoá Nguyễn Hùng Vỹ về hồ khoan Lê Thuỷ	Đối tượng phỏng vấn	Nguyễn Hùng Vỹ (sinh năm 1956), quê ở tỉnh Nghệ An, là nhà nghiên cứu và giảng dạy về văn hoá, văn học dân gian Việt Nam.	Mục đích phỏng vấn	- Tìm hiểu những nét đẹp của hồ khoan Lê Thuỷ - Tìm hiểu nguyên nhân hồ khoan Lê Thuỷ được bảo tồn và phát triển	Câu hỏi phỏng vấn	- Những nét đẹp của hồ khoan Lê Thuỷ là gì, thưa ông? - Theo ông, vì sao hồ khoan Lê Thuỷ được bảo tồn và phát triển cho đến hôm nay?	Cách thức phỏng vấn	- Có thể trực tiếp nếu có điều kiện gặp gỡ - Có thể gián tiếp qua điện thoại do điều kiện không gian, thời gian hoặc dịch bệnh,...
Vấn đề nghiên cứu	Phỏng vấn nhà nghiên cứu văn hoá Nguyễn Hùng Vỹ về hồ khoan Lê Thuỷ										
Đối tượng phỏng vấn	Nguyễn Hùng Vỹ (sinh năm 1956), quê ở tỉnh Nghệ An, là nhà nghiên cứu và giảng dạy về văn hoá, văn học dân gian Việt Nam.										
Mục đích phỏng vấn	- Tìm hiểu những nét đẹp của hồ khoan Lê Thuỷ - Tìm hiểu nguyên nhân hồ khoan Lê Thuỷ được bảo tồn và phát triển										
Câu hỏi phỏng vấn	- Những nét đẹp của hồ khoan Lê Thuỷ là gì, thưa ông? - Theo ông, vì sao hồ khoan Lê Thuỷ được bảo tồn và phát triển cho đến hôm nay?										
Cách thức phỏng vấn	- Có thể trực tiếp nếu có điều kiện gặp gỡ - Có thể gián tiếp qua điện thoại do điều kiện không gian, thời gian hoặc dịch bệnh,...										
HD tìm hiểu, trải nghiệm thực tiễn Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS thảo luận trả lời các câu hỏi sau: - Mục đích của cuộc trải nghiệm là gì?	c. Tìm hiểu, trải nghiệm thực tiễn Phiếu ghi chép trải nghiệm: <table border="1"> <tr> <td>Mục đích trải nghiệm</td><td></td></tr> <tr> <td>Nội dung cần trải nghiệm</td><td></td></tr> <tr> <td>Địa điểm và thời gian</td><td></td></tr> <tr> <td>Cách ghi chép và thu thập tư liệu</td><td></td></tr> <tr> <td>Kết quả dự kiến</td><td></td></tr> </table>	Mục đích trải nghiệm		Nội dung cần trải nghiệm		Địa điểm và thời gian		Cách ghi chép và thu thập tư liệu		Kết quả dự kiến	
Mục đích trải nghiệm											
Nội dung cần trải nghiệm											
Địa điểm và thời gian											
Cách ghi chép và thu thập tư liệu											
Kết quả dự kiến											

- Nội dung cần trải nghiệm? - Địa điểm và thời gian trải nghiệm? - Cách ghi chép và thu thập tư liệu? - Kết quả dự kiến? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS phối hợp cặp đôi hoặc nhóm nhỏ thực hiện yêu cầu Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS báo cáo kết quả thực hiện. + HS bổ trợ lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV chuẩn kiến thức HD đọc bài tham khảo trải nghiệm trong SGK Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - GV hướng dẫn HS đọc bài ghi chép trải nghiệm mẫu - GV yêu cầu HS tìm hiểu cách ghi chép trải nghiệm bằng cách hoàn thiện bảng theo mẫu Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS phối hợp thực hiện yêu cầu Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS báo cáo kết quả theo hình thức tự chọn. + HS bổ trợ lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV chuẩn kiến thức HS căn cứ vào 2 bảng trên để thực hiện ghi chép trải nghiệm về đề tài nghiên cứu của mình	Bảng phân tích bài ghi chép trải nghiệm mẫu: <table border="1"> <tr> <td>Nội dung văn bản VHDG</td><td>Vấn tắt nội dung truyền thuyết <i>Thánh Gióng</i></td></tr> <tr> <td>Cách thức tổ chức lễ hội</td><td>Tế Thánh, rước lễ</td></tr> <tr> <td>Thành phần</td><td>Các vai Ông Hiệu; Cô Tướng</td></tr> <tr> <td>Mục đích</td><td>- Cầu mưa thuận, gió hòa - Thể hiện truyền thống hiếu nghĩa đối với tổ tiên, những vị anh hùng dân tộc và tinh thần khoan dung, nhân đạo của dân tộc Việt Nam.</td></tr> <tr> <td>Thời gian</td><td>Mùng 9 tháng Tư</td></tr> <tr> <td>Địa điểm</td><td>Đền Phù Đồng</td></tr> <tr> <td>Không khí lễ hội</td><td>trang trọng, linh thiêng và náo nhiệt</td></tr> </table>	Nội dung văn bản VHDG	Vấn tắt nội dung truyền thuyết <i>Thánh Gióng</i>	Cách thức tổ chức lễ hội	Tế Thánh, rước lễ	Thành phần	Các vai Ông Hiệu; Cô Tướng	Mục đích	- Cầu mưa thuận, gió hòa - Thể hiện truyền thống hiếu nghĩa đối với tổ tiên, những vị anh hùng dân tộc và tinh thần khoan dung, nhân đạo của dân tộc Việt Nam.	Thời gian	Mùng 9 tháng Tư	Địa điểm	Đền Phù Đồng	Không khí lễ hội	trang trọng, linh thiêng và náo nhiệt
Nội dung văn bản VHDG	Vấn tắt nội dung truyền thuyết <i>Thánh Gióng</i>														
Cách thức tổ chức lễ hội	Tế Thánh, rước lễ														
Thành phần	Các vai Ông Hiệu; Cô Tướng														
Mục đích	- Cầu mưa thuận, gió hòa - Thể hiện truyền thống hiếu nghĩa đối với tổ tiên, những vị anh hùng dân tộc và tinh thần khoan dung, nhân đạo của dân tộc Việt Nam.														
Thời gian	Mùng 9 tháng Tư														
Địa điểm	Đền Phù Đồng														
Không khí lễ hội	trang trọng, linh thiêng và náo nhiệt														

3. XỬ LÝ, TỔNG HỢP THÔNG TIN

a. Mục tiêu: Hoạt động này hướng dẫn HS rèn kỹ năng xử lý, tổng hợp tư liệu để xây dựng đề cương nghiên cứu. GV hướng dẫn HS cách phân loại và sắp xếp những thông tin HS tổng hợp, thống kê được ở hoạt động 2 theo một ý tưởng hay định hướng nhất định.

b. Nội dung hoạt động: HS hoạt động nhóm và tư duy cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
HD ghi chú bên lề tài liệu Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - Em hiểu thế nào là ghi chú bên lề tài liệu? Mục đích của việc ghi chú này là gì? Cách thức thực hiện? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát Sgk kết hợp với trải nghiệm cá nhân suy nghĩ, thảo luận theo bàn Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trả lời cá nhân. + HS bổ trợ lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV chuẩn kiến thức	a. Ghi chú bên lề tài liệu - Ghi chú bên lề tài liệu: Là cách ghi lại những thông tin cần thiết có liên quan đến nội dung của đề tài, vấn đề bạn đang tìm hiểu. - Việc ghi chú giúp: Tóm lược những nội dung cần thiết, nêu những ý nhận xét, cảm nhận hoặc lưu ý, nhấn mạnh những điểm quan trọng có liên quan đến đề tài, vấn đề nghiên cứu ngay trong quá trình đọc tài liệu. - Để việc ghi chú được rõ ràng, dễ tra cứu: bạn có thể sử dụng các băng giấy với những màu sắc khác nhau dán bên lề trang tài liệu bạn đang đọc.
HD sử dụng sơ đồ tư duy	b. Sử dụng sơ đồ tư duy

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS thảo luận trả lời các câu hỏi sau: - Em hiểu như thế nào là sơ đồ tư duy? - Lập sơ đồ tư duy có tác dụng gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS phối hợp thực hiện yêu cầu Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS chọn hình thức báo cáo (cá nhân hoặc cặp đôi chia sẻ....). + HS bổ trợ lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV chuẩn kiến thức	- Sơ đồ tư duy: Là cách xử lí thông tin theo hình thức sơ đồ, thể hiện được tương quan giữa các đối tượng, sự vật, qua đó, bạn có thể nắm bắt được vấn đề một cách bao quát và hệ thống. - Tác dụng của việc lập sơ đồ tư duy: Việc xử lí thông tin theo sơ đồ tư duy sẽ giúp bạn: + Ghi nhớ tốt hơn vì chỉ sử dụng các từ khoá. + Sáng tạo hơn, vì có thể viết, vẽ tùy ý theo bạn. + Nâng cao khả năng tư duy vì bạn sẽ sử dụng được cả hai bán cầu não cùng một lúc. + Có thể đưa ra các giải pháp để giải quyết một vấn đề. + Thấy được "bức tranh tổng thể" của nội dung cần ghi nhớ.
HD Sử dụng phương pháp ghi chú của Cornell Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS thảo luận trả lời các câu hỏi sau: - Em hiểu như thế nào là phương pháp Cornell? - Việc tổng hợp thông tin theo phương pháp Cornell có tác dụng gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS phối hợp thực hiện yêu cầu Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS thực hiện yêu cầu. + HS bổ trợ lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV chuẩn kiến thức	c. Sử dụng phương pháp ghi chú của Cornell - Phương pháp Cornell: Là cách xử lí thông tin theo hình thức chia trang giấy thành 3 phần: + Cột bên phải: ghi lại thông tin, kiến thức cụ thể. + Cột bên trái: ghi lại các câu hỏi, ghi chú, gợi ý hoặc nội dung cần nhấn mạnh. + Hàng cuối của trang: ghi nội dung tổng kết về kiến thức, kĩ năng. - Tác dụng: Việc tổng hợp thông tin theo phương pháp Cornell giúp bạn: + Thấy được mối quan hệ giữa những nội dung cụ thể và nội dung khái quát về vấn đề. + Có thể dễ dàng điều chỉnh, bổ sung thông tin trong từng cột.
HD Lập hồ sơ tài liệu Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS thảo luận trả lời các câu hỏi sau: - Em hiểu như thế nào là lập hồ sơ tài liệu? - GV nêu ví dụ về hồ sơ tài liệu, từ đó yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Trong hồ sơ gồm có các tài liệu nào? - Cần lập được danh mục tài liệu tham khảo nào sau khi tập hợp các tài liệu? - Hồ sơ tài liệu về vấn đề em đang tìm hiểu, bao gồm những gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS phối hợp thực hiện yêu cầu Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS báo cáo kết quả thảo luận. + HS bổ trợ lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV chuẩn kiến thức	d. Lập hồ sơ tài liệu - Lập hồ sơ tài liệu: + Là việc tổng hợp và sắp xếp văn bản, tài liệu có được trong quá trình tìm hiểu đề tài, vấn đề thành hồ sơ theo những nguyên tắc, phương pháp nhất định và mục tiêu nghiên cứu đã xác định. + Hồ sơ có thể là kết quả của hoạt động cá nhân hoặc nhóm. - Ví dụ về hồ sơ tài liệu: Chẳng hạn, hồ sơ tài liệu nghiên cứu về đề tài, vấn đề Sức sống của văn học dân gian trong các lễ hội văn hoá truyền thống của dân tộc có thể bao gồm: + Các tác phẩm văn học dân gian được sưu tầm có liên quan đến lễ hội; + Các bài viết có liên quan đến tác phẩm văn học dân gian và lễ hội; + Sổ tay hoặc phiếu ghi chép các thông tin và nội dung tìm hiểu; + Tranh ảnh, sản phẩm nghệ thuật liên quan được thực hiện qua hoạt động trải nghiệm thực tiễn. - Sau khi tập hợp các tài liệu, cần lập được danh mục tài liệu tham khảo. Ví dụ, với một cuốn sách cần có các thông tin như: tên tác giả, tên tác phẩm, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản, nội dung chính, một số chi tiết, hình ảnh đặc sắc, những nhận xét, bình luận mang tính phản hồi cá nhân đối với những văn bản đã đọc,... - Hồ sơ tài liệu về vấn đề bạn đang tìm hiểu, bao gồm: + Các tác phẩm có liên quan;

	+ Danh mục tài liệu tham khảo; + Các tranh ảnh, số liệu, bảng biểu; + Các nội dung ghi chép; + Các minh chứng khác.
--	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân hoặc phối hợp làm việc nhóm

c. Sản phẩm: Tài liệu nghiên cứu của HS/nhóm HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

Thực hành xử lí, tổng hợp thông tin cho bài: Tập nghiên cứu về đề tài, vấn đề đã chọn, chẳng hạn:

- Thực hành xử lí, tổng hợp thông tin cho bài: Tập nghiên cứu về hình tượng người anh hùng trong truyện cổ dân gian Việt Nam
- Thực hành xử lí, tổng hợp thông tin cho bài: Tập nghiên cứu về hình tượng con cò trong ca dao, dân ca Việt Nam

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ, làm việc theo nhóm chọn cùng đề tài để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:

Bảng kiểm đánh giá:Thực hành xử lí, tổng hợp thông tin

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Tài liệu phong phú từ nhiều nguồn khác nhau	
2	Phân loại, chia ý hợp lí, thuyết phục	
3	Sắp xếp các tài liệu hợp lí	
4	Minh chứng đầy đủ, thuyết phục	

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình/ nhóm mình.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

GV nhận xét và cho điểm HS/nhóm HS.

Bài tham khảo:

1. Hình tượng người anh hùng trong truyện cổ dân gian Việt Nam

Nội dung	Nguồn gốc, xuất thân		thánh thần, người phàm,....
	Những đóng góp, chiến công:	Người anh hùng kiến tạo vũ trụ, trời đất, con người	Thần Trụ Trời; Con Rồng, cháu Tiên,....
		Người anh hùng sáng tạo văn hoá	Bánh chưng, bánh dày
		Người anh hùng chống ngoại xâm	Thánh Gióng, Sự tích Hồ Gươm, An Dương Vương và Mỵ Châu - Trọng Thủy,...
		Người anh hùng chinh phục thiên nhiên	Sơn Tinh, Thủy Tinh;...
Nghệ thuật	Tưởng tượng, kì ảo.		
	Âm hưởng hào hùng, giọng điệu ngợi ca.		
	Hình ảnh biểu tượng.		
Đánh giá	Dấu ấn lịch sử, giá trị văn hoá.		
	Trí tuệ dân gian và giấc mơ của người xưa.		

2. Hình tượng con cò trong ca dao, dân ca Việt Nam

1. Là hình ảnh hiện thực làm nên vẻ đẹp của làng quê Việt Nam.

- Gắn với bức tranh làng quê Việt Nam truyền thống: Cái cò bay là bay la/ Bay từ cửa phủ bay ra cánh đồng; Con cò bay bổng bay la/ Bay từ cửa miếu bay ra cánh đồng;...

- Gần với cuộc sống thanh bình ở nông thôn xưa: *Một đàn cò trắng bay tung/ Bên nam bên nữ ta cùng hát lên/ Hát lên một tiếng linh đình/ Cho lẫn lóc đá, cho rung rinh trời; Một đàn cò trắng bay quanh/ Cho loan nhớ phượng, cho mình nhớ ta/ Mình nhớ ta như cà nhớ muối/ Ta nhớ mình như Cuội nhớ trăng;...*

2. Là hình ảnh mang tính biểu tượng về người nông dân thuở trước.

- Vất vả, cực khổ: *Trời mưa quả dưa vẹo vọ.../ Con cò kiếm ăn; Cái cò đi đón cơn mưa/ Tới tấm mù mịt ai đưa cò về/ Cò về thăm quán cùng quê/ Thăm cha thăm mẹ cò về thăm anh;...*

- Đáng thương: *Cái cò chết tới hôm qua/ Có hai hạt gạo với ba đồng tiền/ Một đồng mua trống mua kèn/ Một đồng mua mỡ đốt đèn thờ vong/ Một đồng mua mở rau răm/ Đem về thái nhỏ thờ vong con cò;...*

3. Là ẩn dụ chỉ một số mẫu người đáng chê trách trong đời sống: *Con cò lấp ló bụi tre/ Sao cò lại muốn lăm le vợ người; Cái cò là cái cò quăm/ Mày hay đánh vợ mày nằm với ai;...*

4. Là biểu tượng của người phụ nữ Việt Nam xưa.

- Đam đang, chịu thương chịu khó: *Cái cò lặn lội bờ sông/ Gánh gạo đưa chồng, tiếng khóc nỉ non...*

- Lam lũ, lận đận: *Nước non lận đận một mình/ Thân cò lên thác xuống ghềnh bấy nay/ Ai làm cho bể kia đầy/ Cho ao kia cạn, cho gầy cò con?; Cái cò là cái cò vàng/ Mẹ đi đắp đàng, con ở với ai?;...*

5. Là hình ảnh gọi lên những phẩm chất tốt đẹp của tầng lớp bình dân.

- Biết đồng cảm, sẻ chia: *Cái cò cái vạc cái nông/ Cùng ăn một đồng nói chuyện giảng ca;...*

- Có tấm lòng trong sạch: *Có xáo thì xáo nước trong/Đừng xáo nước đục đau lòng cò con;...*

- Có ước mơ hạnh phúc giản dị: *Cái cò là cái cò con/ Mẹ nó yêu nó, nó còn làm thơ;...*

4. HOẠT ĐỘNG 4: ĐÁNH GIÁ CÁC HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH PHẦN 1

a. **Nội dung đánh giá:** Trong quá trình hướng dẫn HS tìm hiểu các nội dung của bài học, cần chú ý đánh giá sự tiếp nhận kiến thức, rèn luyện kỹ năng, hình thành năng lực, phẩm chất của HS. Cụ thể, cần đánh giá một số nội dung sau:

- Kỹ năng đọc và tìm kiếm thông tin.
- Kỹ năng phân tích, xử lý và tổng hợp thông tin về đề tài, vấn đề nghiên cứu.
- Kỹ năng thảo luận nhóm và trình bày.

b. Các hình thức đánh giá:

GV có thể sử dụng các hình thức quan sát, vấn đáp, bài thực hành; cần đánh giá thường xuyên ở tất cả các khâu, các công đoạn của quá trình dạy học như: đánh giá trước khi học (đánh giá kinh nghiệm, vốn kiến thức đã có của HS), đánh giá trong khi học (đánh giá HS sau mỗi bài tập/ nhiệm vụ), đánh giá sau khi học;...

Có thể sử dụng bảng kiểm sau để đánh giá kết quả luyện tập của nhóm/ cá nhân về hoạt động xử lý, tổng hợp thông tin:

STT	Tiêu chí	Mức độ 4	Mức độ 3	Mức độ 2	Mức độ 1
1	Quá trình làm việc nhóm	Có sự phân công rõ ràng, hợp lý cho từng thành viên trong nhóm	Có sự phân công tương đối rõ ràng cho từng thành viên trong nhóm	Có phân công đến từng thành viên trong nhóm, nhưng chưa hợp lý	Chưa phân công công việc cho từng thành viên trong nhóm
		Có sự hợp tác, lắng nghe, chia sẻ hiệu quả	Có sự hợp tác, lắng nghe, chia sẻ tương đối hiệu quả	Có sự hợp tác, chia sẻ giữa các thành viên trong nhóm	Không thể hiện sự hợp tác, lắng nghe, chia sẻ
		Có sự xem xét điều chỉnh nội dung hợp lý trong quá trình thực hiện	Có sự xem xét điều chỉnh nội dung tương đối hợp lý trong quá trình thực hiện	Có sự xem xét điều chỉnh nội dung trong quá trình thực hiện nhưng chưa hiệu quả	Không có sự xem xét điều chỉnh nội dung trong quá trình thực hiện
2	Sản phẩm hoàn thành	Các thông tin được sắp xếp đầy đủ, mạch lạc	Các thông tin được sắp xếp tương đối	Bước đầu biết cách sắp xếp thông tin	Chưa biết cách sắp xếp, trình bày

		lạc, hình thức trình bày phù hợp	mạch lạc, hình thức trình bày tương đối phù hợp	nhưng chưa đầy đủ, mạch lạc, hình thức trình bày chưa phù hợp	thông tin
3	Trình bày sản phẩm	Trình bày rõ ràng, hấp dẫn về sản phẩm	Trình bày tương đối rõ ràng, hấp dẫn	Trình bày chưa thật rõ ràng, hấp dẫn về sản phẩm	Trình bày không rõ ràng, không hấp dẫn về sản phẩm
		Có sự trao đổi bổ sung trong nhóm hiệu quả hợp lí để hoàn thành bài trình bày.	Có sự trao đổi bổ sung trong nhóm tương đối hiệu quả hợp lí để hoàn thành bài trình bày.	Có sự trao đổi bổ sung trong nhóm nhưng chưa hiệu quả	Không có sự trao đổi bổ sung trong nhóm
		Có sự trao đổi góp ý hiệu quả giữa các nhóm để hoàn thiện các sản phẩm	Có sự trao đổi góp ý tương đối hiệu quả giữa các nhóm để hoàn thiện các sản phẩm	Có sự trao đổi góp ý giữa các nhóm nhưng chưa hiệu quả	Không có sự trao đổi góp ý giữa các nhóm

Hoạt động 2.3. PHẦN 2: VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN

a. Mục tiêu: Hướng dẫn HS cách trình bày một bài nghiên cứu với hai hình thức viết và nói, chú trọng quy trình tiến hành một bài viết và cách thuyết trình kết quả nghiên cứu.

b. Nội dung hoạt động: HS hoạt động nhóm và tư duy cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

III. VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN

1. CÁCH TRIỂN KHAI BÁO CÁO NGHIÊN CỨU THEO TỪNG LOẠI ĐỀ TÀI

BẢNG HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CÁC BƯỚC NGHIÊN CỨU MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN

Đề tài nghiên cứu	Nội dung nghiên cứu	Chuẩn bị	Xây dựng đề cương		Viết	Chỉnh sửa, hoàn thiện
			Tìm ý	Lập đề cương		
Nghiên cứu một tác phẩm văn học dân gian	Nghiên cứu một truyện cổ dân gian					
	Nghiên cứu một bài hoặc một chùm ca dao					
Nghiên cứu một loại hình tượng nhân vật trong truyện cổ dân gian	Nghiên cứu một loại hình tượng nhân vật trong truyện cổ dân gian					
	Nghiên cứu một loại hình tượng nhân vật trong truyện cổ dân gian					

tiết trong tác phẩm văn học dân gian	cứu một loại hình tượng trong thơ ca dân gian					
	Nghiên cứu một loại chi tiết trong truyện cổ dân gian					
Nghiên cứu một lễ hội dân gian						

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Tìm hiểu cách triển khai báo cáo nghiên cứu theo từng loại đề tài Thao tác 1: GV hướng dẫn HS các bước chung của một bài nghiên cứu Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV hướng dẫn HS đọc, thảo luận nhóm để nhận ra các bước chung của một bài nghiên cứu - Để triển khai báo cáo nghiên cứu theo từng loại đề tài, ta cần thực hiện các bước nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo sản phẩm - Đại diện của nhóm trình bày - Nhóm khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện - GV nhận xét và chuẩn kiến thức, chốt kiến thức, Thao tác 2: GV hướng dẫn HS tìm hiểu cách triển khai báo cáo nghiên cứu theo từng loại đề tài theo bảng Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Nhóm 1: Nghiên cứu một truyện cổ dân gian - Nhóm 2: Nghiên cứu một bài hoặc một chùm ca dao - Nhóm 3: Nghiên cứu một loại hình tượng nhân vật trong truyện cổ dân gian - Nhóm 4: Nghiên cứu một loại hình tượng trong thơ ca dân gian - Nhóm 5: Nghiên cứu một loại chi tiết trong truyện cổ dân gian	1. Cách triển khai báo cáo nghiên cứu theo từng loại đề tài (theo bảng hướng dẫn bên dưới) - Các bước chung của một bài nghiên cứu : + Bước 1. Chuẩn bị (xem lại hồ sơ học tập, tinh chỉnh tên đề tài) + Bước 2. Tìm ý, lập đề cương + Bước 3. Viết + Bước 4. Chỉnh sửa, hoàn thiện 1.1. Nghiên cứu một tác phẩm văn học dân gian(bảng bên dưới) a. Nghiên cứu một truyện cổ dân gian (bảng bên dưới) b. Nghiên cứu một bài hoặc một chùm ca dao(bảng bên dưới) 1.2. Nghiên cứu một loại hình tượng hoặc một chi tiết trong tác phẩm văn học dân gian(bảng bên dưới) a. Nghiên cứu một loại hình tượng nhân vật trong truyện cổ dân gian(bảng bên dưới) b. Nghiên cứu một loại hình tượng trong thơ ca dân gian(bảng bên dưới) c. Nghiên cứu một loại chi tiết trong truyện cổ dân gian(bảng bên dưới) 1.3. Nghiên cứu một lễ hội dân gian(bảng bên dưới) - Một số lưu ý: * Ở bước Chuẩn bị: • Các văn bản tác phẩm cần thiết: + Nếu chọn hướng nghiên cứu một tác phẩm văn học dân gian, trong hồ sơ tài liệu của HS nhất định phải tập hợp được văn bản từ những nguồn khác nhau. Một truyện cổ dân gian thường có nhiều bản kể. Khi tập hợp tư liệu trong các tuyển tập truyện dân gian cần chú ý đến phần khảo dị nối tiếp sau mỗi tác phẩm. Một bài ca dao cũng có những dị bản khác nhau ít nhiều và thường được xếp liền nhau trong các tuyển tập. Vì thế, cần phải tập hợp các văn bản này để làm tư liệu so sánh, phát hiện ra ý nghĩa, tìm hiểu lí do,... + Nếu chọn kiểu bài viết về một loại hình tượng nhân vật, một loại chi tiết, trong hồ sơ tài liệu của HS cần phải tập hợp được một số tác phẩm thuộc những thể loại khác nhau nhưng chứa đựng một số điểm chung (Ví dụ: nhân vật người mò côi trong các truyện: <i>Bánh chưng, bánh giầy; Thạch Sanh; Tấm Cám; Cây khế</i> hoặc hình tượng con cò trong các bài ca dao <i>Con cò bay bổng bay la, Con cò mà đi ăn đêm, Cái cò lặn lội bờ sông</i>,...). Đây cũng là phần việc GV cần chuẩn bị trước để trợ

- Nhóm 6: Nghiên cứu một lễ hội dân gian

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm.

Bước 3: Báo cáo sản phẩm

- Đại diện của nhóm trình bày
- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện

- GV nhận xét và chuẩn kiến thức, chốt kiến thức, lưu ý HS một số yêu cầu

giúp HS khi cần.

+ Nếu chọn hướng nghiên cứu lễ hội, ngoài những trải nghiệm cá nhân, HS cần tập hợp được một số tài liệu có liên quan như bài viết, tranh ảnh, video clip về lễ hội.

• Tư liệu tham khảo:

- + Một số bài viết có liên quan, tìm hiểu và chất lọc những nội dung có thể tham khảo, trích dẫn.
- + Những kết nối (tường thuật ý tưởng, trích dẫn, phản biện, bổ sung,...) với các công trình tham khảo
- + Danh mục tài liệu tham khảo cũng là một yêu cầu bắt buộc của bài nghiên cứu nên

Yêu cầu:

+ Kiểm tra đầy đủ các thông tin (tên tác giả, năm xuất bản, tên bài viết, tên sách/ tạp chí, tên nhà xuất bản, nơi xuất bản) và sắp xếp tên tác giả theo trật tự bảng chữ cái tiếng Việt. Nếu là tài liệu trên internet thì phải có cả đường dẫn (link) và thời điểm cập nhật.

+ Cần diễn đạt chính xác tên đề tài

*** Ở bước Tìm ý:**

VD: Bảng tìm ý cho bài nghiên cứu truyện cổ tích Tấm Cám

Lí do lựa chọn nghiên cứu truyện Tấm Cám	- <i>Tấm Cám</i> là truyện cổ tích được lưu truyền rộng rãi trong đời sống tinh thần của con người Việt Nam. Câu chuyện không chỉ kể về hành trình đấu tranh giành lại hạnh phúc của cô Tấm mà còn kết tinh được những vẻ đẹp về trí tuệ, quan niệm tư tưởng của người nông dân. - <i>Tấm Cám</i> là một câu chuyện cổ tích dân gian truyền miệng thể hiện ước mơ công lí, ước mơ hạnh phúc của người dân đất Việt. Thông qua cuộc đời và số phận của nhân vật cô Tấm, nhân dân ta muốn khẳng định một triết lí nhân gian sâu sắc "Ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ" và khuyên nhủ con người nên làm những điều tốt đẹp, sống thiện lương và tránh làm những điều xấu. Tác phẩm chứa đựng những ý nghĩa nhân văn sâu sắc.
Vị trí Tấm Cám trong hệ thống truyện cổ tích về người mồ côi	Là truyện cổ tích tiêu biểu, lưu truyền rộng rãi, khá tiêu biểu, hấp dẫn và đặc sắc
Địa bàn được lựa chọn nghiên cứu	<i>Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam</i> , Nguyễn Đồng Chi, 1982, NXB Giáo dục Việt Nam
Những tài liệu đã từng	- <i>Truyện cổ tích Tấm Cám</i> dưới góc nhìn của thi pháp (Nguyễn Đình Minh) - <i>Truyện Tấm Cám ở Nam Bộ, Những vấn đề văn học và ngôn ngữ Nam Bộ</i>, NXB.ĐHQG TP.HCM,

	nghiên cứu về Tấm Cám	2016, tr.228-241 - <i>Triết lý nhân quả trong truyện cổ tích Tấm Cám</i> (Lê Xuân Chiến – Tạp chí Văn, Báo Quảng Nam)	
	Nhân vật chính trong Tấm Cám	Cô Tấm mồ côi, hiền lành, lương thiện, chăm chỉ, chịu khó, bị mẹ con dì ghẻ đọa đầy	- Đặc điểm và chức năng của mỗi loại nhân vật gắn với đặc trưng thể loại truyện cổ tích - Trong thế giới của truyện cổ tích, nhân vật được xây dựng trên nguyên tắc đạo đức, đối lập thiện - ác, có tính chức năng, không giống với nhân vật trong văn học hiện đại.
	Nhân vật phụ trong Tấm Cám	+ Mẹ con nhà Cám ích kỉ, tham lam, độc ác nên bị trừng trị, đối lập với cô Tấm bất hạnh, thiệt thòi; + Bụt là nhân vật thần kì, trợ giúp cho Tấm được hạnh phúc; + Vua là biểu tượng của hạnh phúc.	
	Tư tưởng dân gian gửi gắm qua truyện	- Ác giả, ác báo; Nhân nào quả ấy; Thiện thắng ác	
	Những truyện cổ cùng môtip	Cô Lọ Lem – Cô Tro Bếp của Châu Âu, Châu Phi <i>Benizara và Kakezara</i> – <i>Chiếc đĩa đỏ và chiếc đĩa vỡ</i> - truyện của Nhật Bản <i>Kông Chuy Pát Chuy</i> của Hàn Quốc <i>Đêvki Rânê</i> của Ấn Độ <i>Nàng Diệp Hận</i> của Trung Quốc <i>Muội Sẹo và Muội Xinh</i> [11, tr222-226] của dân tộc Hán Trung Quốc	
	Phim chuyển thể từ truyện	<i>Tấm Cám</i> , chuyện chưa kể	
* Ở bước lập đề cương: - Mô hình bài nghiên cứu: + Đặt vấn đề, + Giải quyết vấn đề, + Kết luận, + Tài liệu tham khảo. - Lập dàn ý chi tiết cho mục: Nghiên cứu một truyện cổ dân gian, tiểu mục: Giải quyết vấn đề nêu ra bốn ý lớn cần phải chi tiết hoá. Ý về phân tích tác phẩm có thể triển khai cụ thể hơn như sau: (1) Xây dựng nhân vật theo nguyên tắc đối lập đạo đức:			
	Nhân vật chính (Thạch Sanh)	Nhân vật đối lập (Lý Thông)	

	Xuất thân: mồ côi, ở gốc đa	Xuất thân: ở trong làng, có nhà, có mẹ không bị thiệt thòi
	Thử thách: canh miếu, tìm công chúa, dẹp loạn chư hầu	Thử thách: luôn tìm cách tránh né nhiệm vụ
	Chiến công: giết mãng xà, bắn đại bàng, cứu công chúa, cứu thái tử, dẹp chư hầu	Chiến công: không có
	Phẩm tính: tốt tính, dũng cảm	Phẩm tính: gian xảo, độc ác (lừa Thạch Sanh, lấp cửa hang)
	Số phận: được trợ giúp, được làm vua - hưởng hạnh phúc	Số phận: bị trừng phạt - hoá thành bộ hung
(2) Chi tiết thần kì (vật thiêng, Bụt, Tiên, phép biến hoá): + Nhận diện: vật thiêng (cung tên, cây đàn, niêu cơm,...). + Phẩm tính: quen thuộc, gần gũi nhưng có phép thần. + Chức năng: trợ giúp người tốt vượt qua trở ngại. + Ý nghĩa: thể hiện tín ngưỡng, khát vọng của người xưa.		
(3) Kết thúc có hậu của truyện cổ tích: + Người tốt làm vua. + Kẻ xấu bị trừng phạt.		

BẢNG HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CÁC BƯỚC NGHIÊN CỨU MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN

Đề tài nghiên cứu	Nội dung nghiên cứu	Chuẩn bị	Xây dựng đề cương		Viết	Chỉnh sửa, hoàn thiện
			Tìm ý	Lập đề cương		
Nghiên cứu một tác phẩm văn học dân gian	Nghiên cứu một truyện cổ dân gian	- Rà soát hồ sơ tài liệu để kiểm tra lại các văn bản tác phẩm đã tìm được, đánh dấu những phần cần trích dẫn. - Soát lại từng tài liệu tham khảo cụ thể, đánh dấu vào những đoạn cần phát triển, trao đổi hoặc trích dẫn. - Diễn đạt thật chính xác tên đề tài (Ví dụ:	Để tìm ý cho báo cáo nghiên cứu về một truyện cổ dân gian, bạn cần đặt ra một số câu hỏi sau: - Vì sao tôi chọn nghiên cứu truyện này? Truyện được lấy từ nguồn nào (từ một tuyển tập truyện cổ dân gian đã được in, từ internet, được nghe ai đó kể lại,...) - Có thể tìm thấy bao nhiêu bản kể của truyện này (cùng một truyện cổ dân gian có thể có nhiều bản kể khác nhau về chi tiết, lời kể,...ví dụ: Truyện Thánh Gióng có bản kể của Nguyễn Đồng Chi, có bản kể của	<u>- Đặt vấn đề:</u> + Nêu lí do chọn tác phẩm (Ví dụ: <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh; Thánh Gióng; Thạch Sanh;...</i>). + Trình bày xuất xứ của tác phẩm (Ví dụ: <i>Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam</i> của Nguyễn Đồng Chi, <i>Truyện cổ nước Nam</i> của Nguyễn Văn Ngọc,...). <u>- Giải quyết vấn đề:</u> Chọn lọc, sắp xếp và triển khai các ý đã tìm được thành hệ thống luận điểm: + Tập hợp, so sánh bản kể. + Trình bày những nhận định đã có của giới	- Huy động từ ngữ và sử dụng kết hợp một số bảng biểu, tranh ảnh để diễn đạt các ý trong đề cương thành từng đoạn văn, sắp xếp theo trình tự và liên kết thành bài nghiên cứu hoàn chỉnh. - Khi sử dụng tài	Đối chiếu với đề cương đã xây dựng, tự rà soát nội dung bài viết theo các tiêu chí sau: - Đảm bảo trình bày rõ những ý kiến, phát hiện về truyện cổ dân gian. - Tuân thủ những quy định về trích dẫn và chú thích

		<i>Giá trị đặc sắc của truyện "Thạch Sanh" hay Sức hấp dẫn của truyện "Thạch Sanh"?</i>).	Lê Trí Viễn,...)? Có gì khác biệt giữa các bản kể? Vì sao bản kể này được chọn để nghiên cứu? - Truyện thuộc thể loại nào (thần thoại, truyền thuyết, cổ tích,...)? Những dấu hiệu nào trong truyện thể hiện đặc trưng của thể loại đó? - Truyện đã được nghiên cứu, đánh giá như thế nào? Có những nhận định gì đáng chú ý? - Câu chuyện đã diễn biến như thế nào? Những chi tiết, sự kiện nào cần đặc biệt chú ý? (Ví dụ: chi tiết cây đàn thần, niêu cơm ăn hết lại đầy trong truyện <i>Thạch Sanh</i>...) - Nhân vật chính trong truyện là ai? Thuộc kiểu nhân vật nào? (VD: Thánh Gióng là nhân vật anh hùng, Thạch Sanh là nhân vật dũng sĩ, Tấm là nhân vật người con mồ côi,...). Tác giả dân gian muốn nói lên điều gì qua việc kể về hành động, phẩm chất, số phận của nhân vật? - Các nhân vật khác trong truyện là người như thế nào? Nhân vật nào đáng chú ý? Vì sao? - Truyện có nét đặc sắc gì về phương diện nghệ thuật? - Những truyện	nghiên cứu (nếu có). + Phân tích tác phẩm. + Nhận xét, đánh giá sức sống của tác phẩm trong đời sống hiện đại. <u>- Kết luận:</u> + Khẳng định ý nghĩa của truyện cổ. + Nêu những vấn đề cần nghiên cứu tiếp. <u>- Tài liệu tham khảo:</u> Nêu danh mục những tài liệu đã được tham khảo trong quá trình viết bài nghiên cứu hoặc được trích dẫn (chú ý sắp xếp theo đúng quy cách, yêu cầu của một sản phẩm nghiên cứu khoa học).	liệu tham khảo để trích dẫn (trực tiếp hoặc gián tiếp) phải chú thích nguồn theo đúng quy cách. - Chọn cách diễn đạt chính xác, phù hợp với văn phong khoa học.	nguồn tài liệu. - Đảm bảo dùng từ, đặt câu chính xác và viết đúng chính tả.
--	--	--	---	---	---	---

			nào có thể xếp cùng loại với truyện được chọn nghiên cứu? Sự gần gũi và khác biệt giữa các truyện cùng loại này nói lên điều gì? - Truyện có được “tái sinh” trong sân khấu, phim ảnh, ngôn ngữ, văn học,... hiện nay không? Biểu hiện cụ thể của sự “tái sinh” đó là gì? Hiện tượng truyện được “tái sinh” nói lên điều gì?			
	Nghiên cứu một bài hoặc một chùm ca dao.	- Soát lại hồ sơ tài liệu để hình dung tổng thể về thông tin thu thập được. - Kiểm tra lại văn bản tác phẩm. - Chọn tài liệu tham khảo (chọn trong số tài liệu có liên quan một số bài nghiên cứu sẽ trích dẫn, diễn giải hay lược thuật).	Để tìm ý cho bài nghiên cứu về một bài hoặc chùm bài ca dao, có thể đặt một số câu hỏi sau: - Bài, chùm bài ca dao được chọn nghiên cứu có vị trí như thế nào trong đời sống tinh thần của người bình dân xưa? Có thể xếp chúng vào loại nào (theo các tiêu chí: chủ đề, đặc điểm hình tượng, kết cấu ngôn từ,...)? - Đã có những nghiên cứu nào đáng chú ý về bài, chùm bài ca dao này? Những phương diện giá trị nào của chúng đã được tìm hiểu sâu, những phương diện giá trị nào cần được tiếp tục nghiên cứu? - Có thể hình dung như thế nào về hoàn cảnh diễn xướng của bài, chùm bài ca dao này? Nếu không đặt vào bối cảnh	Dựa vào các tài liệu đã chuẩn bị và các ý đã tìm được ở phần trên, lập đề cương chi tiết cho các phần của bài nghiên cứu tác phẩm ca dao: <u>- Đặt vấn đề:</u> + Nêu lí do chọn bài ca dao (Ví dụ: bài đáng chú ý nhất trong chùm bài ca dao về quê hương đất nước, bài có nhiều cách diễn giải, bài hát ru quen thuộc,...). + Trình bày xuất xứ của bài ca dao (từ cuốn sách, tài liệu nào?). <u>- Giải quyết vấn đề:</u> + Giới thiệu các dị bản, chỉ ra những điểm khác biệt, giải thích lí do. + Trình bày ý kiến của giới nghiên cứu (những điểm đồng thuận, những điểm chưa nhất trí).	- Huy động từ ngữ cần thiết để diễn đạt các ý thành những đoạn văn, sắp xếp các đoạn theo trình tự hợp lí và liên kết thành bài nghiên cứu hoàn chỉnh. - Chọn cách diễn đạt phù hợp với văn phong khoa học. - Sắp xếp các sơ đồ, tranh ảnh minh hoạ đã chuẩn bị vào đúng vị trí, phù hợp với nội	Đối chiếu với đề cương đã xây dựng, tự rà soát nội dung bài viết theo các tiêu chí: - Đảm bảo trình bày rõ ràng những ý kiến, phát hiện về bài ca dao. - Tuân thủ những quy định về trích dẫn và chú thích nguồn tài liệu. - Đảm bảo dùng từ, đặt câu chính xác và viết đúng chính tả.

			diễn xướng, việc đánh giá về bài, chùm bài ca dao sẽ gặp những khó khăn gì? - Nhân vật trữ tình trong bài, chùm bài ca dao là ai? Nội dung tình cảm được thổ lộ là gì? - Thời gian, không gian trong bài, chùm bài ca dao có gì đặc biệt? - Những đặc trưng nghệ thuật nào của thể loại ca dao được in đậm dấu ấn ở bài, chùm bài ca dao này?	+ Trình bày ý kiến của bạn khi phân tích bài ca dao (từ ngữ, hình ảnh, kết cấu, chủ đề,...) để bày tỏ sự đồng cảm, chia sẻ hoặc bổ sung, phản bác,... + Nhận xét, đánh giá sức sống của bài ca dao trong đời sống hiện nay (diễn xướng ở lễ hội, ở sân khấu ca nhạc, hát ru,...). <u>- Kết luận:</u> + Khẳng định ý nghĩa của bài ca dao. + Nêu những vấn đề cần nghiên cứu tiếp. <u>- Tài liệu tham khảo:</u> Nêu danh mục những tài liệu đã được tham khảo trong quá trình viết bài nghiên cứu hoặc được trích dẫn (chú ý sắp xếp theo đúng quy cách, theo yêu cầu của một sản phẩm nghiên cứu khoa học).	dung từng phần viết. - Liệt kê các tài liệu tham khảo (sắp xếp theo quy chuẩn). - Đưa các phụ lục vào cuối bài (nếu có).	
Nghiên cứu một loại hình tượng hay một loại chi tiết trong tác phẩm văn học dân gian	Nghiên cứu một loại hình tượng nhân vật trong truyện cổ dân gian	Soát lại hồ sơ tài liệu để hình dung tổng thể: - Loại hình tượng làm bạn chú ý (Ví dụ: hình tượng nhân vật anh hùng, dũng sĩ, người xấu xí, người mồ côi, người em út,...). - Xác định	Để có được các ý làm rõ đặc điểm và ý nghĩa của hình tượng nhân vật, bạn cần đặt ra một số câu hỏi sau: - Có những nhân vật nào thuộc loại hình tượng sẽ được đề cập trong bài nghiên cứu? - Vì sao có thể xác định tên loại hình tượng nhân vật như vậy? - Trong các công trình nghiên cứu đã tập hợp được, bạn có thể trích	<u>- Đặt vấn đề:</u> + Nêu lí do chọn loại nhân vật. + Giải thích tên gọi (nếu bạn tự đặt tên cho loại nhân vật). + Kể tên các nhân vật cùng loại (kèm tên tác phẩm). <u>- Giải quyết vấn đề:</u> + Trình bày ý kiến của giới nghiên cứu (lược thuật, trích dẫn). + Phân tích đặc điểm của hình	- Huy động từ ngữ để diễn đạt các ý thành những đoạn văn, sắp xếp các đoạn theo trình tự hợp lí và liên kết thành bài nghiên cứu hoàn chỉnh.	Đối chiếu với đề cương đã xây dựng, tự rà soát nội dung bài viết theo các tiêu chí: - Đảm bảo trình bày rõ ràng những ý kiến, những phát hiện về loại

		chính xác tên của đề tài nghiên cứu. - Các văn bản có loại hình tượng muốn nghiên cứu (Ví dụ: các truyện <i>Thánh Gióng</i>, <i>Sơn Tinh — Thủy Tinh</i>, <i>An Dương Vương</i> có nhân vật anh hùng, các truyện <i>Tám Cầm</i>, <i>Thạch Sanh</i> có nhân vật mồ côi...). - Các bài nghiên cứu có liên quan, đánh dấu vào những phần cần trích dẫn.	đẫn những ý kiến nào? Ý kiến nào bạn muốn bàn luận thêm? - Những điểm giống nhau giữa các nhân vật là gì? (hoàn cảnh xuất thân, hình dáng, hành động, số phận,...) - Tuy cùng thuộc một loại hình tượng nhưng ở mỗi tác phẩm cụ thể, các nhân vật có những đặc điểm khác nhau. Đó là những đặc điểm gì? - Những đặc điểm của loại nhân vật đó thể hiện ý nghĩa gì? (thực tại xã hội, tín ngưỡng, kiểu tư duy nghệ thuật,...). - Số phận nhân vật thể hiện ý nghĩa gì? (khát vọng hạnh phúc của nhân dân, ước mơ công lí,...). - Loại hình tượng nhân vật này gợi cho bạn suy nghĩ gì? - Các hình tượng nhân vật này đã được "tái sinh" trong tác phẩm văn học, sân khấu, điện ảnh như thế nào?	tượng nhân vật. (Mỗi kiểu hình tượng nhân vật mang đặc trưng của thể loại. Ví dụ: hình tượng nhân vật anh hùng trong truyền thuyết thường có sự ra đời thần kì, hình dáng đặc biệt, hành động phi thường, chiến công hiển hách, hoá Thánh; hình tượng nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích thường có xuất thân nghèo khó, bản tính lương thiện, sức khoẻ phi phàm, có tinh thần dũng cảm, vị tha, được thần linh trợ giúp, lập chiến công, hưởng hạnh phúc;...). + Phân tích ý nghĩa của hình tượng nhân vật (Ví dụ: phản ánh đời sống lao động và chiến đấu, khát vọng hạnh phúc, ước mơ công lí của nhân dân,...). + Nhận xét, đánh giá sức sống của hình tượng trong đời sống hiện nay (trong lễ hội, tín ngưỡng; trong ngôn ngữ, văn học, phim, kịch;...). - <u>Kết luận:</u> + Khẳng định giá trị đặc sắc của hình tượng. + Đề xuất những hướng nghiên cứu tiếp theo. - <u>Tài liệu tham khảo:</u> Nêu danh	- Chọn cách diễn đạt phù hợp với nội dung từng phần. - Trích dẫn chính xác và chú thích nguồn đúng quy định. - Sử dụng kết hợp hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu để minh chứng. - Lập danh mục tài liệu tham khảo đúng quy định. - Trình bày phụ lục (nếu có).	hình tượng trong truyện cổ dân gian đã chọn. - Tuân thủ những quy định về trích dẫn và chú thích nguồn tài liệu - Đảm bảo dùng từ, đặt câu chính xác và viết đúng chính tả.
--	--	---	---	---	--	--

				mục những tài liệu đã được tham khảo trong quá trình viết bài nghiên cứu hoặc được trích dẫn (chú ý sắp xếp theo đúng quy cách, theo yêu cầu của một sản phẩm nghiên cứu khoa học).		
Nghiên cứu một loại hình tượng trong thơ ca dân gian	Đọc lại hồ sơ tài liệu: - Hình dung tổng thể về những thông tin thu thập được và yêu cầu, cách thức triển khai. - Kiểm tra lại tên đề tài và điều chỉnh từ ngữ cho thật sát hợp - Tập hợp các bài ca dao có chứa hình tượng (hoặc những dị bản gần gũi). - Soát lại các công trình nghiên cứu có liên quan, đánh dấu những phần có thể trích dẫn hoặc bàn luận.	Để tìm ý cho bài nghiên cứu một loại hình tượng trong thơ ca dân gian, làm rõ được đặc điểm và ý nghĩa của hình tượng, bạn cần đặt ra câu hỏi sau: - Bạn tìm được bao nhiêu bài có hình tượng đó? Những nhận xét có được qua đối sánh về phương diện số lượng bài là gì? - Hình tượng đó có những nghĩa nào (nghĩa thực, nghĩa tượng trưng,...)? Cần lập bảng thống kê về vấn đề này như thế nào? Bạn có những nhận xét gì khi xem xét bảng thống kê đó? - Hình tượng đó đã được bình luận, diễn giải như thế nào trong các công trình nghiên cứu? - Hình tượng đó có ý nghĩa như thế nào trong việc diễn tả cảm xúc của từng bài ca dao? - Bạn có cảm nghĩ gì về hình tượng đó? - Hình tượng đó có xuất hiện trong	<u>- Đặt vấn đề:</u> + Nêu lí do chọn hình tượng (đặc sắc, xuất hiện nhiều lần, khó hiểu,...). + Trình bày phạm vi tìm kiếm bài ca dao có hình tượng. <u>- Giải quyết vấn đề:</u> + Xác định tên gọi hình tượng (Ví dụ: hình tượng con cò, hình tượng cặp đôi bến -thuyền, hình tượng chiếc áo, có thể mở rộng với các biến thể khăn, yếm,...). + Phân tích ý kiến của các nhà nghiên cứu (ý kiến gợi mở, cần trao đổi). + Trình bày kết quả khảo sát, thống kê: lập bảng thống kê để phân tích số lượng, nhận diện các loại hình tượng. + Phân tích các ý nghĩa của hình tượng (Ví dụ: con cò - thiên nhiên đất nước, con cò - người phụ nữ tần tảo, con cò -số phận bất	- Huy động từ ngữ để diễn đạt các ý thành những đoạn văn, sắp xếp các đoạn theo trình tự hợp lí và liên kết thành bài nghiên cứu hoàn chỉnh. - Chọn cách diễn đạt phù hợp với văn phong khoa học.	Đối chiếu với đề cương đã xây dựng, tự rà soát nội dung bài viết theo các tiêu chí sau: - Đảm bảo trình bày rõ ràng những ý kiến, phát hiện về loại hình tượng trong thơ ca dân gian đã chọn nghiên cứu. - Tuân thủ những quy định về các trích dẫn và chú thích nguồn tài liệu. - Đảm bảo dùng từ, đặt câu chính xác và viết	

			văn học viết không? Bạn biết những trường hợp nào? Bạn có cảm nghĩ gì về hiện tượng đó?	hạnh,...). + Nhận xét, đánh giá sức sống của hình tượng được tái sinh trong thơ ca hiện đại, chẳng hạn bài thơ <i>Con cò</i> của Chế Lan Viên. - <u>Kết luận:</u> + Khẳng định giá trị đặc sắc của hình tượng + Đề xuất những hướng nghiên cứu tiếp. - <u>Tài liệu tham khảo:</u> Nêu danh mục những tài liệu đã được tham khảo trong quá trình viết bài nghiên cứu hoặc được trích dẫn (chú ý sắp xếp theo đúng quy cách, theo yêu cầu của một sản phẩm nghiên cứu khoa học).		đúng chính tả.
Nghiên cứu một loại chi tiết trong truyện cổ dân gian	- Soát lại hồ sơ tài liệu để hình dung tổng thể. - Tinh chỉnh tên gọi loại chi tiết mà bạn đã chọn (Ví dụ: Chi tiết vật thiêng hay vật thần kì? Phép thần hay là phép màu? Sự hoá thân hay là phép biến hoá? Trong truyện cổ dân gian nói chung hay riêng trong thần thoại/truyền	Bạn có thể tìm ý cho bài phân tích một loại chi tiết trong truyện cổ dân gian bằng việc đặt ra một số câu hỏi sau: - Vì sao bạn chọn loại chi tiết này? - Vì sao bạn đặt tên loại chi tiết như vậy? - Loại chi tiết đó có nhiều dạng không? Lập bảng liệt kê với các thông tin: tên tác phẩm, tên loại chi tiết, bối cảnh xuất hiện, tác dụng, ý nghĩa. - Sự kiện quen thuộc nào thường xuất hiện cùng với loại chi tiết đó? - Ý nghĩa của loại chi tiết đó là gì ?	- <u>Đặt vấn đề:</u> + Nêu lí do chọn chi tiết. + Trình bày phạm vi truyện cổ có chứa chi tiết. - <u>Giải quyết vấn đề:</u> + Xác định tên loại chi tiết + Phân tích ý kiến của các nhà nghiên cứu. + Trình bày kết quả khảo sát, thống kê: lập bảng thống kê để phân tích số lượng, nhận diện các loại chi tiết + Phân tích ý nghĩa của loại chi tiết. + Nhận xét, đánh giá sức sống của chi tiết trong	- Sử dụng ngôn từ và những bảng thống kê, sơ đồ, tranh ảnh để diễn giải các ý thành những đoạn văn, sắp xếp các đoạn theo trình tự hợp lí và liên kết thành bài nghiên cứu hoàn chỉnh. - Chọn cách diễn đạt phù	Đối chiếu với đề cương đã xây dựng, tự rà soát nội dung bài viết theo các tiêu chí: - Đảm bảo trình bày rõ ràng những ý kiến, phát hiện của bạn về loại chi tiết trong truyện cổ dân gian. - Tuân thủ những	

		thuyết/ cổ tích? Trong truyện của tất cả dân tộc trên đất nước Việt Nam hay truyện của riêng dân tộc Kinh/ Thái/Mông/ Ê-đê,...?). - Điều chỉnh phạm vi nghiên cứu cho phù hợp (có thể giới hạn trong 3, 4 truyện). - Soát lại các tài liệu tham khảo, đánh dấu vào những phần sẽ trích dẫn.	(Ví dụ: phản ánh thực tế đời sống sinh hoạt; thể hiện dấu ấn tôn giáo tín ngưỡng; bộc lộ ước mơ về cuộc sống công bằng, hạnh phúc;...). - Loại chi tiết đó có những biến thể gì trong các tác phẩm khác nhau? - Loại chi tiết đó có hiện diện trong những loại hình sáng tác nghệ thuật khác không? (trong văn học hiện đại, trong sân khấu, điện ảnh,...). Nếu có, bạn hãy làm rõ những điểm giống và khác nhau.	những loại hình nghệ thuật khác. <u>- Kết luận:</u> + Khẳng định giá trị đặc sắc của chi tiết. + Đề xuất hướng nghiên cứu tiếp. <u>- Tài liệu tham khảo:</u> Nêu danh mục những tài liệu đã được tham khảo trong quá trình viết bài nghiên cứu hoặc được trích dẫn (chú ý sắp xếp theo đúng quy cách, theo yêu cầu của một sản phẩm nghiên cứu khoa học).	hợp với văn phong khoa học. - Hoàn chỉnh danh mục tài liệu tham khảo đúng quy cách. - Lập phụ lục giới thiệu các tác phẩm truyện đã khảo sát.	quy định về các trích dẫn và chú thích nguồn tài liệu. - Đảm bảo dùng từ, đặt câu chính xác và viết đúng chính tả.
Nghiên cứu một lễ hội dân gian	- Soát lại hồ sơ tài liệu để hình dung tổng thể về đề tài, vấn đề nghiên cứu. - Điều chỉnh tên đề tài thật sát hợp với những nội dung đã tìm hiểu. - Huy động những trải nghiệm và sự hiểu biết của bạn về lễ hội và văn học dân gian. - Xem lại các tài liệu có liên quan và đánh dấu vào những phần cần trích dẫn	Để tìm ý cho bài nghiên cứu về một lễ hội dân gian, bạn cần đặt ra một số câu hỏi sau: - Vì sao bạn biết lễ hội này? - Lễ hội này diễn ra vào thời điểm nào? Ở đâu? Có các hoạt động chính gì? - Nhân vật được phụng thờ trong lễ hội là ai? - Ý nghĩa của các hoạt động trong lễ hội là gì? (phản ánh đời sống sinh hoạt, lao động, chiến đấu; gợi nhắc tín ngưỡng cổ xưa, lưu truyền bài học lịch sử;...). - Để hiểu được ý nghĩa đó, bạn đã phải tìm đọc những sách báo, tài liệu nào? - Theo bạn, ý kiến	<u>- Đặt vấn đề:</u> + Nêu tên, tầm quan trọng của lễ hội trong đời sống tinh thần cộng đồng. + Trình bày lí do khiến bạn chọn viết về lễ hội dân gian này. <u>- Giải quyết vấn đề:</u> + Phân tích về lễ hội trên các phương diện: ý nghĩa của việc chọn thời gian và địa điểm. + Phân tích lí do bố trí các hoạt động tín ngưỡng và vui chơi. + Trình bày dấu ấn của các tác phẩm văn học dân gian được thể hiện qua các hoạt động trong lễ hội. + Nhận xét, đánh	- Huy động từ ngữ để diễn đạt các ý thành những đoạn văn, sắp xếp các đoạn theo trình tự hợp lí và liên kết thành bài nghiên cứu hoàn chỉnh. - Chọn cách diễn đạt phù hợp với văn phong khoa học. - Trích dẫn tài liệu đúng quy	Đối chiếu với đề cương đã xây dựng, tự rà soát nội dung bài viết theo các tiêu chí: - Đảm bảo trình bày rõ những ý kiến, những phát hiện của bạn về lễ hội dân gian. - Tuân thủ những quy định về các trích dẫn và chú thích nguồn tài liệu. - Đảm	

		nào có thể trích dẫn, lược thuật được? Ý kiến nào còn gây băn khoăn? - Những chi tiết, hình ảnh, sự việc nào trong tác phẩm văn học dân gian được tái hiện ở lễ hội? - Loại chi tiết, hình ảnh, sự việc đó có hiện diện trong những loại hình sáng tác nghệ thuật khác không? Nếu có, bạn hãy làm rõ những điểm giống nhau và khác nhau.	giá chiều sâu văn hoá - lịch sử của lễ hội và các giá trị sống của con người Việt Nam được thể hiện qua lễ hội. + Nêu những khuyến nghị đối với việc tổ chức lễ hội. - <u>Kết luận</u>: Đánh giá tổng quát về lễ hội, nêu những bài học có được qua nghiên cứu về lễ hội - <u>Tài liệu tham khảo</u>: Nêu danh mục những tài liệu đã được tham khảo trong quá trình viết bài nghiên cứu hoặc được trích dẫn (chú ý sắp xếp theo đúng quy cách, yêu cầu của một sản phẩm nghiên cứu khoa học).	cách.	bảo dùng từ, đặt câu chính xác và viết đúng chính tả.
--	--	---	---	--------------	--

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Tìm hiểu các văn bản tham khảo Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv chia lớp thành 4 nhóm, 2 nhóm nghiên cứu bài tham khảo 1: Về bài ca dao “Trong đầm gì đẹp bằng sen” (Trích – Hoàng Tiến Tựu) và 2 nhóm nghiên cứu bài tham khảo 2: Hội Gióng và nghệ thuật diễn xướng anh hùng ca (Trích – Cao Huy Đình) - GV tổ chức thảo luận, trao đổi với HS để việc tìm hiểu văn bản tham khảo đạt hiệu quả cao - GV yêu cầu HS đọc trước văn bản tham khảo ở nhà - GV dẫn dắt và nêu hệ thống luận điểm - GV yêu cầu HS trao đổi, đánh giá cách thức triển khai nội dung bài viết: + Nhận xét bố cục bài nghiên cứu?	Tìm hiểu các văn bản tham khảo Bài tham khảo 1: Về bài ca dao “Trong đầm gì đẹp bằng sen” (Trích)- Hoàng Tiến Tựu - Gợi mở, dẫn dắt: Một bài ca dao ngắn vẫn có thể trở thành đối tượng nghiên cứu chuyên sâu khi người nghiên cứu thực hiện những phương pháp, thao tác nghiên cứu để phát hiện, cắt nghĩa, lí giải những giá trị tiềm ẩn trong bài ca dao đó. Ở đây, nhà nghiên cứu Hoàng Tiến Tựu đã thực hiện các thao tác nghiên cứu ca dao một cách chủ động và có hiệu quả. - Hệ thống luận điểm: + Tập hợp và phân tích dị bản: “hiện tại chỉ thấy có hai dị bản”. + Nhận xét, đánh giá khái quát về giá trị của bài ca dao: “đạt đến độ hoàn mỹ hiếm có trong loại ca dao vịnh tả cảnh vật mang tính ngụ ngôn, triết lí”. + Đối thoại với các ý kiến trước đó: “rất nhiều người ngợi ca”, “Huy Cận đã phát hiện đúng nhưng sự lí giải của ông chưa thật rõ và có chỗ còn hơi khiên cưỡng, chưa phù hợp lắm”,... + Phân tích và trình bày ý kiến của mình: “tuy đã có sự chuyển vận và thay đổi trật tự các từ ngữ, hình ảnh (giữa câu thứ hai và câu thứ ba) nhưng tất cả sự chuyển đổi ấy đã được thực hiện một cách khéo léo, tự nhiên, hợp lí, khiến cho bài ca dao cứ phát triển liên tục và ngày càng mạnh mẽ về cả nội dung lẫn hình thức”, “chủ yếu vẫn là sen của nhân dân”... + Lí giải bằng ngôn từ và sơ đồ.

- + Nhận xét cách trình bày ý kiến riêng của nhà nghiên cứu?
- + Việc trích dẫn đan xen đối thoại với ý kiến khác có ý nghĩa gì?
- + Nhà nghiên cứu đã sử dụng phương pháp nào khi minh hoạ ý kiến?
- + Bài viết cho thấy những hiểu biết chuyên sâu của nhà nghiên cứu qua những dấu hiệu nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo sản phẩm

- Đại diện của nhóm trình bày
- Nhóm khác cùng yêu cầu nhận xét, bổ sung, phản biện, các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét, góp ý

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện

- GV nhận xét và chuẩn kiến thức, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động mới

+ **Đánh giá tổng hợp các bình diện:** “Xét về nội dung và ý nghĩa tượng trưng”, “Về mặt cấu tứ”, “Xét về thủ pháp nghệ thuật”

- **Đánh giá cách thức triển khai nội dung bài viết:**

+ **Về mặt trình bày:** Bài viết đã thể hiện chất khoa học ở các bình diện

+ **Bố cục ba phần rõ ràng:**

Phần 1: Phân tích dị bản (từ “Không rõ bài ca dao” đến “vượt dị bản 2 rất xa”);

Phần 2: Phân tích bài ca dao (từ “Với dị bản 1” đến “có hư em đền”);

Phần 3: Đánh giá tổng hợp (từ “Xét về nội dung” đến “do nó gọi ra”).

+ Trình bày ý kiến riêng qua những câu khẳng định, nhấn mạnh: “bài ca dao đạt đến độ hoàn mĩ hiếm có”; “Sự sắp đặt thứ tự các hình tượng và từ ngữ trong hai câu thơ trên chẳng những phản ánh được quá trình quan sát, tư duy, cảm xúc và thể hiện, diễn đạt thành lời của tác giả mà còn phản ánh được cả mô hình cấu trúc tổng quát của mỗi cây sen” “sen trong ca dao trước hết và chủ yếu vẫn là sen của nhân dân”,...

+ Việc trích dẫn đan xen đối thoại với ý kiến khác sẽ tạo nên cảm giác tin cậy, tăng thêm sức thuyết phục cho người đọc. Vì thế, trong khi tập hợp tài liệu tham khảo chuẩn bị viết bài, HS cần phải lưu ý những đoạn có thể trích dẫn để sử dụng trong bài.

+ Nhà nghiên cứu đã rất sáng tạo khi minh hoạ ý kiến bằng sơ đồ (mỗi câu thơ ba chi tiết đặt nối nhau trong hình quạt ba lớp, ghép hai câu (hai hình quạt) nối tiếp tạo thành hình bán nguyệt có trục đối xứng phân chia ranh giới câu thơ, các đường cong vừa ngăn cách chi tiết, tạo ra khoảng riêng biệt đồng thời diễn tả sự dịch chuyển vị trí của chi tiết theo dòng thời gian,...).

+ Bài viết cho thấy những hiểu biết chuyên sâu của nhà nghiên cứu qua những dấu hiệu như: nắm vững tư liệu; nắm vững những công trình nghiên cứu có liên quan; am hiểu sâu rộng nhiều lĩnh vực; thẩm thơ tinh tế; liên tưởng, kết nối nhiều chiều; có phát hiện mới; trình bày rõ ràng, mạch lạc;...

Bài tham khảo 2: Hội Gióng và nghệ thuật diễn xướng anh hùng ca (Trích) – Cao Huy Đình

- **Dẫn dắt, gợi mở:** Đây cũng là một đoạn trích nên không có đầy đủ các thành phần của bài nghiên cứu nhưng lại thể hiện rất rõ những thao tác phân tích, khảo chứng, những phát hiện thú vị.

- **Hệ thống luận điểm:**

+ Phân tích mối quan hệ giữa đề tài chống xâm lược với các hình thức tổ chức lễ hội (Từ đầu đến “tổ chức văn nghệ cổ đáng chú ý”)

+ Phân tích các dị bản (Tiếp theo đến “chế độ phụ quyền và thời đại anh hùng”)

+ Phân tích ý nghĩa biểu tượng của một số hoạt động lễ hội (Tiếp theo đến “chúng ta đã sơ bộ nêu lên ở các chương trên”)

+ Phân tích sự dung hòa giữa thần thoại Gióng và ông Đồng để thể hiện tinh thần chống giặc và điều hoà thủy lợi (Tiếp theo đến “chống giặc và điều hoà thủy lợi”)

+ Phân tích ý nghĩa nghệ thuật Hội Gióng (Tiếp theo đến “sức mạnh chiến đấu cho quần chúng”).

+ Đánh giá tổng hợp các bình diện thông qua ý kiến của nhà nghiên cứu khác

- **Đánh giá cách thức triển khai nội dung bài viết:**

	+ Về mặt trình bày: Bài viết đã thể hiện chất khoa học ở các bình diện + Bố cục ba phần rõ ràng: Phần 1: Phân tích ý nghĩa Hội Gióng Phần 2: Phân tích dị bản Phần 3: Đánh giá tổng hợp + Trình bày ý kiến riêng qua những câu khẳng định, nhấn mạnh + Việc trích dẫn đan xen đối thoại với ý kiến khác sẽ tạo nên cảm giác tin cậy, tăng thêm sức thuyết phục cho người đọc. + Bài viết cho thấy những hiểu biết chuyên sâu của nhà nghiên cứu qua những dấu hiệu như: nắm vững tư liệu; nắm vững những công trình nghiên cứu có liên quan; am hiểu sâu rộng nhiều lĩnh vực; liên tưởng, kết nối nhiều chiều; có phát hiện mới; trình bày rõ ràng, mạch lạc;...
--	---

2. HƯỚNG DẪN HỌC SINH VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VÀ THUYẾT TRÌNH KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

a. Thực hiện viết báo cáo nghiên cứu

- GV nhắc HS bám sát những hướng dẫn trong sách CDHT để thực hiện báo cáo nghiên cứu và đặc biệt lưu ý hai vấn đề: Phải diễn giải các ý thành đoạn văn rồi kết nối thành bài hoàn chỉnh; Lựa chọn ngôn từ phù hợp với văn phong khoa học.
- GV chốt lại yêu cầu về dung lượng và thời hạn nộp bài.
- Trong quá trình HS thực hiện việc viết báo cáo nghiên cứu, GV tiếp tục kết nối, theo dõi, giải đáp thắc mắc, trợ giúp để HS hoàn thành nhiệm vụ.

b. Thuyết trình kết quả nghiên cứu

- GV xác định thời gian cho hoạt động báo cáo.
- GV hướng dẫn cách thức trình bày:
 - + Yêu cầu HS tóm lược bài viết thành bản tóm tắt, nhấn mạnh những luận điểm then chốt, những ý kiến riêng. Tùy theo tình hình thực tế, GV có thể quy định số trang tương ứng với thời gian trình bày (khoảng 7 - 10 phút).
 - + Để phần trình bày sinh động, hấp dẫn hơn, trong điều kiện cho phép, GV khuyến khích HS sử dụng máy chiếu, màn hình, bảng phụ,
 - + Khuyến khích HS diễn xướng một số ví dụ minh họa (kể chuyện nhập vai, diễn xướng ca dao theo làn điệu,...).

c. Hướng dẫn đánh giá bài viết

- GV có thể xây dựng các tiêu chí để đánh giá bài viết của HS hoặc hướng dẫn HS tự đánh giá, có thể xếp loại công khai đánh giá, đánh giá đồng đẳng bài viết của bạn.
- GV lập danh sách HS sẽ trình bày kết quả nghiên cứu.
- GV hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá chéo (xếp loại), GV cho điểm (theo nhóm, người chủ chốt được cộng điểm).
- HS tham gia đánh giá bằng cách nhận xét, trao đổi, góp ý sau mỗi báo cáo hoặc phát biểu bình chọn, xếp loại cuối buổi, hoặc làm phiếu đánh giá với các mức độ khác nhau.
- GV đánh giá phần trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu, Căn cứ vào các tiêu chí, GV có thể xây dựng rubric để mô tả mức độ đạt được cho bài viết của HS.

d. Chấm điểm và trả bài

- GV thông báo thời hạn nộp bài viết hoàn chỉnh. HS dành thêm thời gian để chỉnh sửa lỗi sau khi đã trình bày trước lớp.

- GV chấm điểm bài viết, đánh dấu những lỗi diễn đạt và gợi ý sửa lỗi.
- GV trả bài, chữa lỗi, thông báo điểm.

Bài tham khảo:

Văn bản 1

Đặc tính mở của văn bản tác phẩm văn học dân gian (Trần Đức Ngôn)

Văn học dân gian trong quá trình lưu hành, không tồn tại dưới hình thức văn bản. Tuy nhiên, các nhà sưu tầm đã làm cho văn học dân gian tồn tại từ trạng thái động sang trạng thái tĩnh. Dưới hình thức văn bản sưu tầm, văn học dân gian được cố định bởi chữ viết. Mặc dù được cố định

hoá, văn học dân gian vẫn còn mang đặc tính riêng khác hẳn với các sáng tác văn học viết. Đó là tính mở của tác phẩm khi tồn tại dưới hình thức văn bản.

Điều mà các nhà nghiên cứu, sưu tầm đã thấy được từ lâu, nhưng chưa khẳng định đặc tính mở của tác phẩm văn học dân gian khi tồn tại dưới hình thức văn bản, đó là việc tìm ra các dị bản của cùng một tác phẩm. Mỗi tác phẩm văn học dân gian tồn tại thông qua các dị bản. Có thể nêu ra một định nghĩa về dị bản như sau: Các dị bản của cùng một tác phẩm văn học dân gian là những văn bản sưu tầm được từ trong đời sống, giống nhau về chủ đề và các nội dung chính. Như vậy, các văn bản sưu tầm không có các nội dung chính và không có cùng chủ đề với nhóm văn bản trên, sẽ thuộc về một tác phẩm khác, mặc dù nó vẫn còn nhiều chỗ giống với nhóm văn bản trên. Ví dụ, ca dao người Việt có các bài giống nhau:

1- *Cô kia cắt cỏ bên sông*

*Có muốn ăn **nhân** thì lòng sang đây*

*Sang đây anh **nắm** cỏ tay*

*Anh hỏi câu này: **cô** lấy anh chăng?*

2- *Cô kia cắt cỏ bên sông*

*Muốn ăn sung **chín** thì lòng sang đây*

*Sang đây anh **bấm** cỏ tay*

*Anh hỏi câu này: **có** lấy anh chăng?*

3- *Cô kia cắt cỏ một mình*

Cho anh cắt với chung tình làm đôi

Cô còn cắt nữa hay thôi?

Cho anh cắt với làm đôi vợ chồng.

Trong ba bài ca dao trên, chúng ta thấy ngay bài số 1 và số 2 có cùng chủ đề (chàng trai tỏ tình một cách vui nhộn) và các nội dung chính (mời gọi cô gái sang, hỏi một cách sáo sỗng). Hai bài này chỉ khác nhau một vài từ (nhân - sung chín, nắm - bấm, cô - có). Chắc chắn đây là các dị bản của cùng một bài ca dao, có thể lấy tiêu đề là bài *Cô kia cắt cỏ bên sông*.

Bài ca dao số 3 giống hai bài trên ở hình ảnh cô gái cắt cỏ, chàng trai chủ động tỏ tình nhưng chủ đề đã khác, không còn là sự tỏ tình vui nhộn nữa mà là tỏ tình một cách nghiêm trang. Nội dung chính của bài số 3 cũng khác với hai bài trên, không có sự mời gọi, không có hành vi sáo sỗng. Bài ca này là một tác phẩm khác, không phải là dị bản của bài *Cô kia cắt cỏ bên sông*. Nó có thể được đặt tên là bài *Cô kia cắt cỏ một mình*.

Hiện tượng dị bản khá phổ biến trong văn học dân gian và hiển nhiên nó là biểu hiện của tính mở. Tuy vậy, dị bản không phải là sự biểu hiện đầy đủ tính mở của tác phẩm văn học dân gian sau khi được ghi lại dưới hình thức văn bản. Về phương diện lí luận, có thể khái quát các hình thức biểu hiện của tính mở như sau:

Thay đổi từ hoặc cụm từ giữa các dị bản

Trường hợp các bài ca dao thứ nhất và thứ hai là sự thay đổi từ hoặc cụm từ. Sự thay đổi này không đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành chủ đề tác phẩm. Nó không mang tính quy luật mà chỉ là sự ngẫu hứng. Tuy nhiên, sự thay đổi đó cũng tạo nên những giá trị thẩm mỹ nhất định. Đọc bài ca dao số 1 trong ví dụ nêu trên, chúng ta thấy câu “Có muốn ăn nhân thì lòng sang đây” rõ ràng có hiện tượng chơi chữ. Từ “nhân lòng” (một loại nhân ngon nổi tiếng ở Hưng Yên) được tách làm hai bởi chữ “thì”. Còn ở bài ca dao số 2, “sung chín” đã thay thế “nhân lòng”. Tín hiệu thẩm mỹ này lại tạo ra một ý nghĩa khác: “sung” là trái sung nhưng cũng tượng trưng cho sự sung túc, sung sướng về vật chất lẫn tinh thần. Cả hai trường hợp đều mang ý nghĩa mời gọi nhưng lại khác nhau về nội dung cụ thể.

Sự ngẫu hứng này đã được các nhà sưu tầm hết sức trân trọng bởi vì những tín hiệu thẩm mỹ, sau khi được tập hợp lại, sẽ cho những kết luận khoa học có giá trị về sự biến đổi của một tác phẩm văn học dân gian trong quá trình lưu truyền.

Thêm từ hoặc cụm từ vào các dị bản

Hình thức này mang tính logic nội tại nhiều hơn là sự ngẫu hứng ở trên. Nó là kết quả của yêu cầu từ phía nội dung thể hiện. Ở đây, chúng tôi chú ý đến hiện tượng lục bát biến thể trong ca dao:

1- *Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo*

Ngũ lục sông cũng lội, thập cửu đèo cũng qua

2- *Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo*

*Ngũ lục sông cũng lội, **thất bát** thập cửu đèo cũng qua.*

3- *Đèo nào cao cho bằng đèo Cây Cốc*

*Dốc nào cao cho bằng dốc Xuân Đài
Anh thương em thương huyễn thương hoài
Dù em có chốc, có sai, anh vẫn thương
4- Đèo nào cao... thương huyễn thương hoài
Dù em có **ghẻ**, có **lở**, có **chốc**, có **sai**, anh vẫn thương.*

Qua bốn ví dụ nêu trên, chúng ta thấy dường như hình thức của bài ca dao số 1 và số 3 không chứa được hết nội dung cần chuyển tải. Tình cảm trong lòng chàng trai, cô gái dâng trào đến mức không thể chịu nổi cái khung thông thường của một dòng thơ lục bát hay song thất lục bát. Nó cần phải được nhấn mạnh hơn nữa, và việc bổ sung từ hoặc cụm từ vào văn bản đã diễn ra như là một sự tất yếu. Đó chính là quy luật tương tác giữa nội dung và hình thức thể hiện trong tác phẩm nghệ thuật ngôn từ.

Trong thơ ca dân gian, mặc dù tính cố định của ngôn từ tương đối rõ, song hình thức biểu hiện của tính mở đã xuất hiện không ít. Trên đây chỉ là một vài ví dụ. Còn trong các thể loại truyện kể dân gian, sự thay đổi từ ngữ, thêm bớt từ ngữ ở các dị bản của cùng một tác phẩm là hết sức thông thường. Tuy vậy, đối với các dị bản của truyện kể dân gian, không phải bất cứ sự thay đổi hoặc bổ sung từ ngữ nào cũng trở thành những tín hiệu thẩm mỹ có giá trị. Chỉ có sự thay đổi, bổ sung từ ngữ liên quan đến hành động của nhân vật mới đáng được chú ý vì trong truyện kể dân gian, hệ thống hành động của nhân vật liên quan trực tiếp tới việc thể hiện chủ đề tác phẩm.

Mở rộng nội dung và hình thức tác phẩm

Kết quả sưu tầm, ghi chép các dị bản cho chúng ta thấy một hình thức tồn tại tự do hơn của tác phẩm văn học dân gian: nó được mở rộng về nội dung và hình thức.

Bài ca dao:

*Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa
Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh
Ai lên xứ Lạng cùng anh
Bố công (tiết công?) bác mẹ sinh thành ra em
Tay cầm bầu rượu, nắm nem
Mãi vui quên hết lời em dặn dò
đã trọn vẹn về ý nghĩa, song vẫn có dị bản được ghi tiếp:
Gánh vàng đi đổ sông Ngô
Đêm nằm tơ tưởng đi mò sông Thương
Một dị bản khác lại tiếp:
Vào chùa thắp một tuần hương
Miệng khăn tay vái bốn phương chùa này.
Và tiếp:
Chùa này có một ông thầy
Có hòn đá tảng có cây ngô đồng
Cây ngô đồng không trồng mà mọc
Rễ ngô đồng rễ dọc rễ ngang.*

Tiếp nữa:

*Quả dưa gang trong vàng ngoài trắng
Quả mướp đắng trong trắng ngoài xanh.*

Dường như bài ca dao *Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa* vẫn còn bỏ lửng, không có điểm dừng, không có câu kết. Dường như nhân vật trữ tình đi lang thang trong một tâm trạng bất định. Một vài nhà nghiên cứu đã đi tìm tính thống nhất trong chủ đề của bài ca dao này nhưng chưa thành công. Chúng tôi cho rằng, đây là một bài hát ru. Mục đích của hát ru là để cho trẻ em ngủ, vì vậy, nó cần được kéo dài để thực hiện chức năng này khi đứa trẻ chưa ngủ yên. Bài ca dao đã được mở rộng không phải tại một thời điểm mà trong các thời điểm khác nhau, thậm chí có thể ở những địa phương khác nhau.

Trường hợp thứ hai là một truyền thuyết nổi tiếng có tiêu đề *Rùa vàng* hoặc *An Dương Vương*.

Câu chuyện có hai phần khác nhau, gần như có thể tách rời nhau để tồn tại độc lập. Phần thứ nhất kể về việc An Dương Vương xây Loa Thành, phần thứ hai kể về mối tình Mỵ Châu, Trọng Thủy. Chúng tôi cho rằng, phần thứ hai là sự mở rộng sau này, không được sáng tác vào cùng một thời điểm với phần thứ nhất.

Trong truyện dân gian, việc mở rộng nội dung không chỉ là bổ sung những đoạn, những phần mới. Nó còn là sự mở rộng thêm những tầng (những lớp) ý nghĩa. Vì vậy, khi phân tích, ta thấy

trong cùng một truyện, có tầng nghĩa rất cổ và tầng nghĩa rất mới. Ví dụ, trong truyện ***Sự tích đá Vọng Phu***, tầng nghĩa cổ nhất là sự chuyển biến từ tình trạng hôn nhân nội tộc sang hôn nhân ngoại tộc. Anh em lấy nhau là nội tộc hôn, điều đó không được xã hội hôn nhân ngoại tộc chấp nhận. Tấn bi kịch gia đình đã xảy ra. Sự tan vỡ của gia đình nội tộc hôn là một tất yếu lịch sử. Tuy vậy, ***Sự tích đá Vọng Phu*** lại là câu chuyện đề cao lòng chung thủy, nghĩa vợ chồng. Đây là tầng nghĩa thứ hai, mới hơn tầng nghĩa thứ nhất. ***Sự tích đá Vọng Phu*** còn là bài ca phản đối chiến tranh phi nghĩa thời phong kiến. Người chồng đã đầu quân, để lại người vợ ở nhà với nỗi buồn hoá đá. Tầng nghĩa này chắc chắn chỉ được bổ sung vào trong thời kì phong kiến, khi có những cuộc nội chiến xảy ra.

Các cách hiểu khác nhau về cùng một tác phẩm hay một chi tiết trong tác phẩm

Tính mở của tác phẩm văn học dân gian không chỉ được hiện hữu trong câu, từ, nội dung phản ánh mà còn từ phía người tiếp nhận. Tác phẩm văn học dân gian, hơn đầu hết, được người đọc, người nghe tiếp nhận đa chiều, có thể theo hướng đúng, sai, tốt, xấu, thậm chí có sự cố tình xuyên tạc. Ví dụ:

Lì xì như chì đổ lỗ

Câu tục ngữ trên có thể hiểu như sau: Người ít nói, nhìn mặt thấy khó cảm tình; Chì đang sôi, đổ vào khuôn thường có tiếng kêu lì xì; Chỉ người đang bực dọc, nói lầm bầm một điều gì không ai nghe rõ.

Có lẽ, tục ngữ là thể loại được tiếp nhận đa chiều nhiều nhất. Tuy nhiên, tác phẩm thuộc các thể loại khác cũng không phải không có những cách hiểu khác nhau. Chi tiết Tấm đội nước sôi giết Cám, lấy xác làm mắm gửi cho dì ghẻ ăn là một ví dụ tiêu biểu. Những cách hiểu và sự phản ứng ngược chiều nhau của người đọc diễn ra từ lâu, nhưng thường xuyên hơn là trong thời đại chúng ta, tuy vậy, truyện cổ tích Tấm Cám vẫn tồn tại sừng sững nhiều trăm năm nay. Dân gian không chịu lược bỏ chi tiết này, chỉ có các nhà khoa học là vi phạm nguyên tắc khi cắt bỏ nó trong một vài ấn phẩm như cắt rời một phần máu thịt từ một cơ thể sống.

Đa số tác phẩm văn học dân gian thuộc các thời đại đã qua, càng cổ xưa thì nhiều chi tiết, hình ảnh, hình tượng càng trở nên khó hiểu. Người đời phải dùng sự hiểu biết chủ quan để phân tích, lí giải các “trăm tích văn hoá”. Vì thế, sự khác nhau trong cách hiểu đối với những trường hợp này là không thể tránh khỏi.

Trên đây là bốn biểu hiện của tính mở của văn bản tác phẩm văn học dân gian. Như vậy, tính mở là một phạm trù mỹ học, phản ánh quá trình tồn tại của tác phẩm văn học dân gian trong đời sống thực tế. Nó là hệ quả từ sáng tác tập thể và phương thức truyền miệng của văn học dân gian.

(Tập chí VHNT, số 297, tháng 3/2009, tr. 45 ~ 47)

Văn bản 2

Hướng dẫn tìm hiểu truyện 'Cây khế'

(GS. Đỗ Bình Trị)

I. Nhận xét bản kể

So sánh các dị bản, có mấy điểm sau đây đáng chú ý:

1. Theo Nguyễn Văn Ngọc (truyện “Phượng hoàng đậu cây khế”, Truyện cổ nước Nam, tập I), thì chim phượng hoàng không đưa người em ra châu đảo mà “nhả trong mồm ra rơi xuống một cây khế khác, bao nhiêu hoa tinh là bạc, bao nhiêu quả tinh là vàng cả”. Người anh cũng đòi đổi hết ruộng vườn của mình lấy cây khế, những mong phượng hoàng cũng tới ăn quả và trả cây khế có hoa bạc quả vàng như thế. Nhưng đợi mãi chẳng thấy chim phượng hoàng đâu, chỉ thấy một bầy quạ ngày nào cũng rù nhau đến kêu: “Xấu hổ! Xấu hổ”.

2. Theo Nguyễn Đồng Chi (truyện “Nhân tham tài nhi tử, điều tham thực nhi vong”-Người tham của mà chết, chim tham ăn mà chết- Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, tập II), thì cái cây là cây lúa, con chim là chim đại bàng, người anh tham lam không chết chìm dưới biển mà chết thiêu trên đảo khi mặt trời lên; con chim được người em nhờ quay lại đảo mang xác người anh về, thấy xác thiêu chín, ngửi thấy mùi thơm, chim rìa ăn mê mải, quên về, mặt trời lên, chim không kịp cất cánh lên, cũng chết cháy.

Trước đây, trong các sách Hướng dẫn giảng dạy, khi hướng dẫn phân tích truyện dân gian (văn xuôi), người ta thường đòi hỏi “bám sát từ ngữ “bám chặt câu văn”. Đứng về lợi ích “dạy tiếng” (thông qua dạy “văn”) thì phải làm như thế. Và phải chi, ở ta, các nhà sưu tầm đều bỏ công sức kiên nhẫn tìm hỏi rất nhiều người, nhất là lớp người già thuộc tầng lớp nông dân và thợ thủ công, tra cứu nhiều nguồn tài liệu để ghi lại sao cho các truyện đó “vẫn giữ được nguyên vẹn cái hình thức văn học kì diệu của những câu chuyện kể dân gian” chứ không chủ yếu dùng văn của mình để diễn đạt cốt truyện dân gian (chưa nói đến sự tùy tiện thêm thắt vào chính cốt

truyện). Nhưng đứng về lợi ích của bản thân, việc dạy và học văn học dân gian và căn cứ tình hình các văn bản truyện dân gian hiện có, trong việc phân tích truyện dân gian, nhiều khi phải hết sức cân nhắc xem cái việc đòi hỏi “bám sát từ ngữ? “bám chặt câu văn” thực chất là... bám vào ai. Cho nên, thích hợp hơn cả là đặt vấn đề “bám vào chi tiết”. Yêu cầu bám vào “từ ngữ” chỉ đặt ra trong những trường hợp đặc biệt, khi nó đúng là thuộc chất “dân gian” và khi nó mang một quan niệm, chứa đựng một hàm lượng nghệ thuật nhất định. Chẳng hạn, ở đây, nếu cần, có thể giải thích những từ “ba gang”, “sáu gang” nhưng lại phải rất dè dặt ngay cả khi đặt vấn đề bám vào những chi tiết đại loại như người em “ngồi dưới gốc cây khế” khi chim đến ăn khế.

II. Một số gợi ý phân tích

1. Truyện về nhân vật người em út và xung đột anh - em

Căn cứ vào đặc điểm nhân vật thì truyện “Hai anh em với cây khế” và truyện “Tám Cám” cùng thuộc kiểu truyện về “người hiền lành” (người em út, người mồ côi, người con riêng). Cơ sở xã hội lịch sử của nhân vật người em (út) và xung đột anh - em trong truyện cổ tích là sự xuất hiện và tồn tại quyền thừa kế tài sản của con trưởng (majorat) cùng với gia đình phụ quyền và chế độ tư hữu. Vì ở đây chỉ có vấn đề thừa kế tài sản, chiếm hữu gia tài do cha mẹ để lại, người em không ở với anh chị, không có chuyện áp bức bóc lột, nên có phần khác với truyện “Tám Cám”, truyện này không có điều kiện mang thêm những dấu ấn rõ nét của xung đột xã hội - giai cấp của đời sau (xã hội phong kiến), do đó mà nó có màu sắc “cổ” hơn cả truyện “Tám Cám”.

Cái tinh thần cơ bản của truyện không có gì khác hơn là bênh vực cho người em bị thiệt thòi và lên án người anh có đặc quyền đặc lợi. Hai anh em dường như đại diện cho hai thế giới - người em (bị tước đoạt mọi quyền lợi) được gán cho những phẩm chất và khả năng đẹp nhất, quý nhất (không háms lợi, chấts phác, khả năng tự kiếm sống bằng lao động) tượng trưng cho đạo đức trong sáng của xã hội cổ đại; người anh (được hưởng đặc quyền, đặc lợi) với thói tham lam, lòng háms lợi, tượng trưng cho xã hội áp bức bóc lột đã tự khẳng định. Xung đột trong truyện thì không trực diện (như ở “Tám Cám”, “Thạch Sanh”,...) nhưng tính chất cũng thật gay gắt, một mất một còn. Ở đây, không có sự hoà hợp chính vì lẽ đó. Người em, do những phẩm chất, khả năng ấy, cuối cùng được giàu có, lấy lại cả những của cải bị người anh chiếm đoạt, người anh cuối cùng mất hết và chết một cách thảm hại do thói tham lam, lòng háms lợi của chính mình. Ở đây, lập trường của truyện cổ tích là bảo vệ và lí tưởng hoá những truyền thống dân chủ - thị tộc.

Không nên tán rộng những phẩm chất của người em. Đồng thời cũng không nên quên rằng, truyện cổ tích có cách nói hết sức cô đọng của nó. Chẳng hạn, chi tiết người em chỉ có một mảnh vườn với cây khế cũng nói lên cái chất lao động của nhân vật này. Nói về sự “khờ dại” thì không đúng vì ở đây không có chuyện chiếm đoạt tài sản bằng mưu mẹo. (Tiện thể nói thêm: nét “khờ dại” có ở, chẳng hạn, nhân vật anh trai cày trong “Cây tre trăm đốt”, ít nhiều đã có màu sắc châm biếm,...). Chi tiết người em ngồi khóc dưới gốc cây khi chim ăn khế (mà một bản kể có ghi) cũng có thể làm rõ nét thêm tính hiền lành của anh ta. Cố nhiên, người xưa có thể lí tưởng hoá người em. Nhưng đó không phải là mẫu mực đối với chúng ta.

2. Ý nghĩa kết cấu của truyện

Trong truyện cổ tích có một dạng kết cấu mà ta có thể gọi là “kết cấu đồng quy”. Theo kết cấu này, hai nhân vật, đối lập hoàn toàn về phẩm chất, cùng gặp một hoàn cảnh y như nhau, nhưng xử sự khác hẳn nhau về phẩm chất, cuối cùng, đi đến những chung cục trái ngược nhau,... Truyện “Hai anh em với cây khế” có dạng kết cấu này (hãy tìm những truyện cùng loại). Ở đây, rõ ràng hoàn cảnh người em và người anh gặp chim phượng hoàng và được chim hứa hẹn đối xử y như nhau. Nếu người anh chỉ mang theo túi ba gang, thì tất nhiên “không có vấn đề gì”. Ý nghĩa của cách sắp đặt như thế là gì? Thứ nhất, nó làm cho sự đối lập về phẩm chất của hai nhân vật trở nên hết sức hiển nhiên, như trắng với đen, sáng với tối. Thứ hai, nó muốn nói rằng kết cục số phận của mỗi người do chính cách xử sự, nói cho đúng là do phẩm cách của họ quyết định. Nếu như có định mệnh thì “cơ chế” của định mệnh hết sức giản dị và sáng rõ. Chim phượng hoàng không thưởng, không phạt ai. Khác với vai Bụt. Cũng chính vì vậy, mọi sự kể lể dông dài, nào là “người em có phần khờ dại”, nào là “chị vợ chẳng những cũng tham lam như chồng mà còn độc ác” (thêm người vợ thì có ý nghĩa, chi tiết này có cơ sở xã hội - lịch sử của nó; còn kể là “độc ác” thì vừa thừa vừa thiếu) đã làm mất đi một phần tính chất giản dị mà sắc bén của kết cấu. Đứng về mặt giáo dục, chúng ta thấy tác dụng của nó “hay” hơn vì nó có tác động tốt hơn về mặt lí trí.

(Bùi Mạnh Nhị (Chủ biên), Văn học dân gian - Những công trình nghiên cứu,

NXB Giáo dục, 1999, tr. 227 - 229)

Hướng dẫn học ở nhà:

1. Tìm đọc thêm các bài viết tham khảo của các nhà nghiên cứu, phân tích cách viết và trình bày để học tập.
2. Chính sửa, hoàn thiện bài viết theo đề tài lựa chọn và tiếp tục tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề tiếp theo, hoặc đề xuất những hướng nghiên cứu tiếp.
3. **Chuẩn bị chuyên đề 2: Sân khấu hóa tác phẩm văn học.**

CHUYÊN ĐỀ 2: SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC

I. Mục tiêu

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua tổng hợp quá trình dạy **các kĩ năng Đọc - Viết - Nói - Nghe**

- Hiểu thế nào là sân khấu hoá tác phẩm văn học.

- Biết cách tiến hành sân khấu hoá một tác phẩm văn học.

- Biết đóng vai các nhân vật và biểu diễn.

- Nhận biết được sự khác biệt giữa ngôn ngữ trong văn bản văn học và ngôn ngữ sân khấu.

2. Phẩm chất

- Trân trọng những sản phẩm sân khấu hóa được chuyển thể từ tác phẩm văn học, tập biên kịch, tập đóng vai, diễn xuất, từng bước rèn luyện, trau dồi và hoàn thiện phẩm chất: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, yêu nước.

II. Thiết bị và học liệu

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video clip liên quan, phiếu học tập, các bảng biểu, kế hoạch hướng dẫn cho HS...

III. Tiến trình dạy học

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Cách 1:

GV hướng dẫn HS đọc một đoạn trong tác phẩm “Chí Phèo”

HS nghe một đoạn nhạc về “Chí Phèo”

HS xem một đoạn chèo “Chí Phèo”

HS xem một đoạn phim “Làng Vũ Đại ngày ấy”

Cách 2:

- GV đặt câu hỏi: Trong kho tàng văn học thế giới, có rất nhiều nhân vật nói dối. Nếu cần tạo nên một kịch bản về chủ đề gian dối và sự thật, bạn sẽ lựa chọn nhân vật nào? Vì sao?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

Cách 1:

- GV trình chiếu Clip

- GV hướng dẫn HS tư duy qua các câu hỏi

Phiếu trả lời nhanh

Nội dung của các clip, hình ảnh vừa xem	
Kể tên các loại hình nghệ thuật đã xuất hiện	
Chỉ ra chất liệu đặc trưng của từng loại hình	
Anh/chị yêu thích hình thức biểu hiện nào nhất trong các hình thức biểu hiện trên? Vì sao	

- HS xem hình ảnh và Clip, suy nghĩ cá nhân

- GV quan sát, gợi ý nếu cần.

Cách 2:

GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm, trao đổi và trả lời câu hỏi khởi động. Sau đó, mời đại diện một số nhóm chia sẻ và GV nhận xét, dẫn vào bài.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- HS trả lời theo ý nghĩ cá nhân hoặc nhóm
- Các HS khác quan sát, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

GV nhận xét, dẫn vào nội dung bài học.

Dự kiến trả lời câu hỏi:

Cách 1:

Phiếu trả lời nhanh

Nội dung của các clip, hình ảnh vừa xem	Chí Phèo và Thị Nở
Kể tên các loại hình nghệ thuật đã xuất hiện	Tác phẩm văn học, tác phẩm âm nhạc, tác phẩm sân khấu và tác phẩm điện ảnh
Chỉ ra chất liệu đặc trưng của từng loại hình	- Tác phẩm văn học: Ngôn từ - Tác phẩm âm nhạc: Âm thanh (nhịp điệu; tiết tấu; âm vực; ca từ,...) - Tác phẩm sân khấu: Tổng hợp nhiều chất liệu trong đó quan trọng nhất là diễn xuất - Tác phẩm điện ảnh: Tổng hợp nhiều chất liệu trong đó quan trọng nhất là diễn xuất của diễn viên và kĩ xảo điện ảnh (quay phim, âm thanh, ánh sáng)
Anh/chị yêu thích hình thức biểu hiện nào nhất trong các hình thức biểu hiện trên? Vì sao	HS trả lời theo cảm nhận cá nhân

Cách 2:

Trong văn học dân gian Việt Nam, có thể kể đến một số nhân vật nói dối như: lão nhà giàu trong truyện *Cây tre trăm đốt*, Lý Thông trong truyện *Thạch Sanh*, mẹ con nhà Cám trong truyện *Tám Cám*,... Trong văn học dân gian thế giới, có thể kể đến một số nhân vật nói dối như chú bé chăn cừu trong truyện *Chú bé chăn cừu*, những người dân làng trong truyện *Thần Mơ-kiu-ri* (Mercury) và bác tiêu phu (truyện ngụ ngôn Ê-dốp), con mèo trong truyện *Mèo*, chuột kết nghĩa (truyện cổ Gờ-rim), con cá sấu trong truyện cổ châu Phi *Nước mắt cá sấu*, nhân vật thợ may và những người khác trong truyện *Bộ quần áo mới của Hoàng đế* (truyện cổ An-đéc-xen),....

=> GV gợi ý và dẫn dắt HS thảo luận: Thử hình dung các nhân vật trong những truyện này được đưa lên sân khấu nhằm thể hiện chủ đề gian dối và sự thật. Nếu là đạo diễn, bạn có ý tưởng gì để tạo nên các câu chuyện, xây dựng các nhân vật? Nếu là diễn viên, bạn sẽ đóng vai các nhân vật này ra sao? Nếu là khán giả, bạn sẽ mong chờ điều gì ở các nhân vật này?...

→GV dẫn vào bài:

Có người cho rằng: “Văn học là để thể hiện cuộc sống, triết học làm cho người đọc suy nghĩ, và kịch hóa làm cho người đọc quan tâm”. Nếu bạn đến với văn học như một “nghệ thuật trình diễn” để sống qua những thăng trầm của cuộc đời, thì khi đó văn học mới thực sự là sự sống.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. TÌM HIỂU TRI THỨC TỔNG QUÁT

a. Mục tiêu: Hiểu được những kiến thức cơ bản về sân khấu hóa tác phẩm văn học:

- Sân khấu hóa tác phẩm văn học
- Các hình thức sân khấu hóa tác phẩm văn học
- Ý nghĩa của hoạt động sân khấu hóa

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng tổng hợp các kĩ năng để tìm hiểu về sân khấu hóa tác phẩm văn học

- HS hoạt động cá nhân: đọc và thu thập thông tin kết hợp làm việc nhóm
- GV hướng dẫn HS cách thức tìm hiểu và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả trình bày của HS, phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Phiếu 1: BẢNG TÌM HIỂU TRI THỨC TỔNG QUÁT VỀ VẤN ĐỀ SÂN KHẤU HÓA TÁC PHẨM VĂN HỌC

Sân khấu hoá tác phẩm văn học	Khái niệm	
	Những hình thức nghệ thuật biểu diễn khi sân khấu hoá tác phẩm văn học	
	Hoạt động trình diễn sân khấu hoá tác phẩm văn học	
Các hình thức sân khấu hoá tác phẩm văn học	Sân khấu hoá đề minh hoạ tác phẩm văn học	Khái niệm
		Các yếu tố của ngôn ngữ sân khấu cần được huy động để sân khấu hoá tác phẩm văn học
	Sân khấu hoá đề phóng tác tác phẩm văn học	
Ý nghĩa của hoạt động sân khấu hoá		

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm																
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS trao đổi với nhau về phần Tri thức tổng quát trong SGK để nêu những hiểu biết về thể loại. GV hướng dẫn HS thực hiện phiếu số 1 bằng trò chơi: Ong tìm chữ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc Tri thức tổng quát trong SGK và tái hiện lại kiến thức trong phần đó bằng cách chọn từ trong hệ thống từ đã cho điền vào chỗ trống Bước 3: Báo cáo sản phẩm - HS tham gia trò chơi - HS khác quan sát, tham gia thay phiên, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện - GV nhận xét và chuẩn kiến thức. Trò chơi: Ong tìm chữ: - Hệ thống từ ngữ cho sẵn: kịch bản sân khấu; hình thức nghệ thuật biểu diễn; hoạt động trình diễn; trực quan hoá; diễn xuất; giọng nói; phóng tác; mở rộng; sống; năng lực sáng tạo; vui chơi - Đơn vị kiến thức cần điền khuyết: + Khái niệm sân khấu hoá tác phẩm văn học: Sân khấu hoá tác phẩm văn học là khai thác ngôn ngữ và phương thức biểu hiện của các loại hình sân khấu nhằm chuyển tác phẩm văn học thành để trình diễn. + Những khi sân khấu hoá tác phẩm văn học: một vở kịch, một vở chèo, cải lương, tuồng, múa, múa rối, nhạc kịch,... + khi sân khấu hoá tác phẩm	I. TRI THỨC TỔNG QUÁT BẢNG TÌM HIỂU TRI THỨC TỔNG QUÁT VỀ VẤN ĐỀ SÂN KHẤU HÓA TÁC PHẨM VĂN HỌC <table> <tr> <td rowspan="3">Sân khấu hoá tác phẩm văn học</td><td colspan="2">Khái niệm</td><td>Sân khấu hoá tác phẩm văn học là khai thác ngôn ngữ và phương thức biểu hiện của các loại hình sân khấu nhằm chuyển tác phẩm văn học thành kịch bản sân khấu để trình diễn.</td></tr> <tr> <td>Những hình thức nghệ thuật biểu diễn khi sân khấu hoá tác phẩm văn học</td><td></td><td>Một vở kịch, vở chèo, vở cải lương, vở tuồng hay một tiết mục thuộc các loại hình nghệ thuật khác như múa, múa rối, nhạc kịch,...</td></tr> <tr> <td>Hoạt động trình diễn sân khấu hoá tác phẩm văn học</td><td></td><td>Ngâm thơ, biểu diễn ca khúc hay vũ đạo lấy cảm hứng từ tác phẩm văn học, clip video, webdrama,...</td></tr> <tr> <td>Các hình thức sân khấu hoá tác phẩm văn học</td><td>Sân khấu hoá đề minh hoạ tác phẩm văn học</td><td>Khái niệm</td><td>Đây là cách dùng ngôn ngữ sân khấu để trực quan hoá các tác phẩm văn học.</td></tr> </table>			Sân khấu hoá tác phẩm văn học	Khái niệm		Sân khấu hoá tác phẩm văn học là khai thác ngôn ngữ và phương thức biểu hiện của các loại hình sân khấu nhằm chuyển tác phẩm văn học thành kịch bản sân khấu để trình diễn.	Những hình thức nghệ thuật biểu diễn khi sân khấu hoá tác phẩm văn học		Một vở kịch, vở chèo, vở cải lương, vở tuồng hay một tiết mục thuộc các loại hình nghệ thuật khác như múa, múa rối, nhạc kịch,...	Hoạt động trình diễn sân khấu hoá tác phẩm văn học		Ngâm thơ, biểu diễn ca khúc hay vũ đạo lấy cảm hứng từ tác phẩm văn học, clip video, webdrama,...	Các hình thức sân khấu hoá tác phẩm văn học	Sân khấu hoá đề minh hoạ tác phẩm văn học	Khái niệm	Đây là cách dùng ngôn ngữ sân khấu để trực quan hoá các tác phẩm văn học.
Sân khấu hoá tác phẩm văn học	Khái niệm		Sân khấu hoá tác phẩm văn học là khai thác ngôn ngữ và phương thức biểu hiện của các loại hình sân khấu nhằm chuyển tác phẩm văn học thành kịch bản sân khấu để trình diễn.														
	Những hình thức nghệ thuật biểu diễn khi sân khấu hoá tác phẩm văn học		Một vở kịch, vở chèo, vở cải lương, vở tuồng hay một tiết mục thuộc các loại hình nghệ thuật khác như múa, múa rối, nhạc kịch,...														
	Hoạt động trình diễn sân khấu hoá tác phẩm văn học		Ngâm thơ, biểu diễn ca khúc hay vũ đạo lấy cảm hứng từ tác phẩm văn học, clip video, webdrama,...														
Các hình thức sân khấu hoá tác phẩm văn học	Sân khấu hoá đề minh hoạ tác phẩm văn học	Khái niệm	Đây là cách dùng ngôn ngữ sân khấu để trực quan hoá các tác phẩm văn học.														

văn học: ngâm thơ, biểu diễn ca khúc hay vũ đạo lấy cảm hứng từ tác phẩm văn học, clip video, webdrama - Các hình thức sân khấu hoá tác phẩm văn học: + Sân khấu hoá để minh hoạ tác phẩm văn học: Đây là cách dùng ngôn ngữ sân khấu để các tác phẩm văn học. Các yếu tố của ngôn ngữ sân khấu cần được huy động để sân khấu hoá tác phẩm văn học bao gồm: bối cảnh, âm thanh, ánh sáng, diễn xuất. Trong đó đóng vai trò quan trọng nhất. Diễn xuất sân khấu đòi hỏi diễn viên phải có khả năng biểu cảm bằng giọng nói, cử chỉ, dáng điệu. + Với hoạt động sân khấu hoá ở học đường, là phương diện cần phải dụng công nhất. + Sân khấu hoá để tác phẩm văn học: diễn giải tác phẩm văn học, có thể đối thoại, tranh luận, nghĩ khác và nghĩ tiếp với tác phẩm văn học. -Ý nghĩa của hoạt động sân khấu hoá: + Hoạt động sân khấu hoá tác phẩm văn học đời sống của tác phẩm văn học, làm cho tác phẩm văn học được trong hình thức một loại hình nghệ thuật khác, có thể hiện hữu trong một không gian - thời gian khác. + Như thế có nghĩa là hoạt động sân khấu hoá tác phẩm vừa tích cực hoá việc nhận thức, cảm thụ tác phẩm văn học, vừa làm giàu có hiểu biết của người học về các loại hình nghệ thuật sân khấu. + Hoạt động này có thể phát huy và rèn luyện khả năng làm việc tập thể, tạo ra những hình thức học tập gắn liền với		Các yếu tố của ngôn ngữ sân khấu cần được huy động để sân khấu hoá tác phẩm văn học	- Bối cảnh, - Âm thanh, - Ánh sáng, - Diễn xuất. (diễn xuất đóng vai trò quan trọng nhất, đòi hỏi diễn viên phải có khả năng biểu cảm bằng giọng nói, cử chỉ, dáng điệu) * Lưu ý: Với hoạt động sân khấu hoá ở học đường, giọng nói là phương diện cần phải dụng công nhất.
		Sân khấu hoá để phóng tác tác phẩm văn học	Dùng ngôn ngữ sân khấu diễn giải tác phẩm văn học, có thể đối thoại, tranh luận, nghĩ khác và nghĩ tiếp với tác phẩm văn học
		Ý nghĩa của hoạt động sân khấu hoá	- Hoạt động sân khấu hoá tác phẩm văn học chính là hoạt động mở rộng đời sống của tác phẩm văn học, làm cho tác phẩm văn học được sống trong hình thức một loại hình nghệ thuật khác, có thể hiện hữu trong một không gian - thời gian khác. - Hoạt động sân khấu hoá tác phẩm vừa tích cực hoá việc nhận thức, cảm thụ tác phẩm văn học, vừa làm giàu có hiểu biết của người học về các loại hình nghệ thuật sân khấu. - Hoạt động này có thể phát huy năng lực sáng tạo và rèn luyện khả năng làm việc tập thể, tạo ra những hình thức học tập gắn liền với vui chơi, nơi tích lũy tri thức, hình thành kỹ năng và rèn luyện phẩm chất ở học sinh thống nhất với nhau.

Hoạt động 2.2. PHẦN 1: TÌM HIỂU VỀ SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC

Hoạt động 2.2.1. Đọc kịch bản sân khấu và khám phá kịch bản

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Hiểu được mối quan hệ giữa văn học và nghệ thuật sân khấu.
- Hiểu được các yếu tố cấu thành nên một kịch bản sân khấu, nắm được cách thức để đọc hiểu một kịch bản sân khấu, cách thức để chuyển thể văn bản văn học thành một kịch bản sân khấu.
- Hiểu được ngôn ngữ của nghệ thuật sân khấu, các yếu tố như lời thoại, hành động, lời dẫn, bố cục, âm thanh, ánh sáng, diễn xuất, đạo cụ để có thể cảm thụ, đánh giá được các tác phẩm sân khấu.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng tổng hợp các kĩ năng để tìm hiểu về sân khấu hoá các tác phẩm văn học

- HS hoạt động cá nhân: đọc và thu thập thông tin kết hợp làm việc nhóm
- GV hướng dẫn HS cách thức tìm hiểu và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả trình bày của HS, phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm								
* Đọc kịch bản sân khấu “Lời nói dối cuối cùng” (Trích) – Lưu Quang Vũ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV lưu ý để HS nắm được: Văn bản trong CDHT Ngữ văn lớp 10 - SGK là một kịch bản sân khấu - GV tổ chức cho HS phân vai để cùng đọc trên lớp. - GV lưu ý HS về các chỉ dẫn bên phải văn bản: đây là những lưu ý đơn giản, tập trung vào ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật trong kịch bản và các chỉ dẫn diễn xuất, chỉ dẫn sân khấu. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV phân vai cho 9 HS tham gia phần đọc này: - 1 HS đọc phần tóm tắt vở kịch, bài hát cuối cùng và những lời dẫn chuyện; - 8 HS đọc các vai Nha, Cuội, Điền, Quận chúa, Lựa, Bờm, Sim và lũ trẻ. Bước 3: Báo cáo sản phẩm - HS đọc theo vai - HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung, hoàn thành bảng kiểm Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện Kết thúc quá trình đọc, GV lưu ý HS cần nhận thức được văn bản mình đọc là một kịch bản, và kịch bản đó sẽ được thể hiện thành vở diễn trên sân khấu. * Khám phá kịch bản “Lời nói dối cuối cùng” (Trích) – Lưu Quang Vũ a. Bổ sung tri thức - GV dẫn dắt HS tìm hiểu một số tri thức cần cho việc đọc hiểu kịch bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 3 nhóm thảo luận và hoàn thành 3 phiếu học tập Nhóm 1: Về tác giả Lưu Quang Vũ GV dựa vào nội dung phần giới thiệu tác giả ở CDHT Ngữ văn lớp 10 - SGK (tr. 52) để tự tìm hiểu thêm và giới thiệu với HS, hoặc yêu cầu HS tự tìm hiểu trước khi học bài này, sau đó, trình bày trước lớp một số kiến thức về tiểu sử và sự nghiệp của tác giả Lưu Quang Vũ. <table><tr><td>Năm sinh, năm mất</td><td></td></tr></table>	Năm sinh, năm mất		II. PHẦN 1: TÌM HIỂU VỀ SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC 1. Đọc kịch bản sân khấu “Lời nói dối cuối cùng” (Trích) – Lưu Quang Vũ 2. Khám phá kịch bản “Lời nói dối cuối cùng” (Trích) – Lưu Quang Vũ a. Bổ sung tri thức a.1. Về tác giả Lưu Quang Vũ <table><tr><td>Năm sinh, năm mất</td><td>Lưu Quang Vũ (1948 - 1988)</td></tr><tr><td>Vị trí trong nền nghệ thuật nước nhà</td><td>Là nhà thơ, nhà văn và nhà soạn kịch nổi tiếng của Việt Nam thời kì hiện đại.</td></tr><tr><td>Thành tựu</td><td>Ông đã viết gần 50 vở kịch. Các vở kịch do ông viết đều được dàn dựng và biểu diễn trên sân khấu của các đoàn nghệ thuật trong cả nước,</td></tr></table>	Năm sinh, năm mất	Lưu Quang Vũ (1948 - 1988)	Vị trí trong nền nghệ thuật nước nhà	Là nhà thơ, nhà văn và nhà soạn kịch nổi tiếng của Việt Nam thời kì hiện đại.	Thành tựu	Ông đã viết gần 50 vở kịch. Các vở kịch do ông viết đều được dàn dựng và biểu diễn trên sân khấu của các đoàn nghệ thuật trong cả nước,
Năm sinh, năm mất									
Năm sinh, năm mất	Lưu Quang Vũ (1948 - 1988)								
Vị trí trong nền nghệ thuật nước nhà	Là nhà thơ, nhà văn và nhà soạn kịch nổi tiếng của Việt Nam thời kì hiện đại.								
Thành tựu	Ông đã viết gần 50 vở kịch. Các vở kịch do ông viết đều được dàn dựng và biểu diễn trên sân khấu của các đoàn nghệ thuật trong cả nước,								

Vị trí trong nền nghệ thuật nước nhà	
Thành tựu	
Giải thưởng	

Nhóm 2: Về các truyện Nói dối như Cuội và Sự tích chú Cuội cung trăng

GV phân công HS tự chuẩn bị phần tóm tắt truyện để trình bày trên lớp, giúp HS nắm được cốt truyện và các nhân vật cơ bản trong hai truyện này.

Truyện	Nói dối như Cuội	Sự tích chú Cuội cung trăng
Nhân vật trung tâm		
Sự kiện chính liên quan tới nhân vật trung tâm		
Tóm tắt cốt truyện		

Nhóm 3: Về kịch bản Lời nói dối cuối cùng

Xuất xứ	
Nguồn gốc	
Mối quan hệ giữa vở kịch và các tác phẩm dân gian	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS thực hiện cuộc hội thảo nhỏ: Lưu Quang Vũ và *Lời nói dối cuối cùng*

Bước 3: Báo cáo sản phẩm

- 1 HS làm MC dẫn dắt chương trình
- Khách mời gồm: Nhà nghiên cứu tác giả văn học (đại diện Nhóm 1), Nhà nghiên cứu văn học dân gian (đại diện Nhóm 2), Chuyên gia đánh giá kịch bản (đại diện Nhóm 3)
- Các HS khác chú ý quan sát, nhận xét qua: Bảng kiểm đánh giá kết quả thảo luận của các nhóm

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện

Bảng kiểm đánh giá kết quả thảo luận của các nhóm

STT	Tiêu chí	Mức	
		Đạt	Chưa đạt
1	Sản phẩm đảm bảo đúng, đủ yêu cầu		
2	Sản phẩm tỉ mỉ, chi tiết, nhiều sáng tạo và có chất lượng cao		
3	Là sản phẩm chung của tất cả các thành viên trong nhóm		

	gây được tiếng vang với cả công chúng và giới nghiên cứu, phê bình
Giải thưởng	Năm 2000, Lưu Quang Vũ được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật

a.2. Về các truyện Nói dối như Cuội và Sự tích chú Cuội cung trăng

Truyện	Nói dối như Cuội	Sự tích chú Cuội cung trăng
Nhân vật trung tâm	Cuội	
Sự kiện chính liên quan tới nhân vật trung tâm	Nói dối để hưởng lợi ích vật	Dùng cây thuốc chữa bệnh cứu người
Tóm tắt cốt truyện	Với bản tính khôn vật, Cuội chuyên nói dối để lợi dụng sự tham lam, ngu dốt của người khác	Cuội dùng cây thần chữa bệnh cứu người. Bay lên cung trăng một cách bị động do muốn níu giữ cây thần

a.3. Về kịch bản Lời nói dối cuối cùng

Xuất xứ	- Được in trong tuyển tập Nàng Xi-ta và những vở kịch khai thác tích truyện dân gian - tuyển tập bao gồm 5 vở kịch khai thác từ tích truyện dân gian: <i>Nàng Xi-ta</i> ; <i>Hồn Trương Ba, da hàng thịt</i> ; <i>Ông vua hoá hổ</i> , <i>Linh hồn của đá</i> và <i>Lời nói dối cuối cùng</i>
Nguồn gốc	Vở kịch được biên soạn dựa trên những câu chuyện dân gian về nhân vật Cuội (<i>Nói dối như Cuội</i> , <i>Sự tích chú Cuội cung trăng</i> , bài ca dao <i>Thằng Bờm có cái quạt mo</i>)
Mối quan hệ giữa vở kịch và các tác phẩm dân gian	Kịch bản này nằm trong một chuỗi kịch bản khai thác các tích truyện dân gian, đưa nhiều sáng tạo độc đáo vào những câu chuyện xưa nhằm thể hiện các chủ đề mới mẻ.

b. Tìm hiểu văn bản

b.1. Nhân vật trong kịch bản (trong tương quan với nhân vật trong văn bản văn học)

4	Là sản phẩm của một số thành viên trong nhóm		
5	Đại diện nhóm thể hiện sản phẩm tự tin, đầy tính thuyết phục		

b. Tìm hiểu văn bản

GV tổ chức cho HS trả lời 8 câu hỏi ở mục Trả lời câu hỏi sau khi đọc tr. 53

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS đi sâu tìm hiểu văn bản bằng cách hoàn thành các câu hỏi

GV hướng dẫn HS thiết kế bộ câu hỏi:

1. Có những nhân vật mới nào trong kịch bản của Lưu Quang Vũ so với truyện dân gian? Các nhân vật đó đóng vai trò gì trong vở kịch?
2. Khi xây dựng hình tượng nhân vật Cuội, tác giả đã tiếp thu và cải biên những gì ở truyện dân gian? Sự tiếp thu và cải biên đó có thuyết phục hay không? Vì sao?
3. Cuộc đối thoại giữa Lua và Cuội thể hiện mâu thuẫn gì? Các mâu thuẫn đó được thể hiện bằng ngôn ngữ như thế nào? Ngôn ngữ đó có gì khác so với ngôn ngữ giao tiếp thông thường?
4. Có thể xem việc tác giả đưa nhân vật Bờm vốn ở trong một bài ca dao (không nằm trong chùm truyện dân gian về Cuội) là một phá cách, sáng tạo hay không? Vì sao?
5. Ở đoạn kết của vở kịch, Cuội đã quyết định bay lên trời. Theo bạn, quyết định này có mâu thuẫn với các lời nói và hành động của Cuội trong các đoạn trên hay không? Vì sao?
6. So sánh đoạn kết của truyện dân gian *Sự tích chú Cuội cung trăng* với đoạn kết vở kịch *Lời nói dối cuối cùng*, bạn thấy có điểm gì khác nhau? Ý nghĩa của sự khác nhau đó là gì?
7. Thông qua vở kịch, Lưu Quang Vũ đã đề cập vấn đề gì trong đời sống đương đại?
8. Nếu muốn biểu diễn vở kịch này, bạn sẽ làm gì để kịch bản của Lưu Quang Vũ gần gũi hơn với đời sống đương đại?

Các nhóm thảo luận về các vấn đề:

(1) Nhân vật trong kịch bản (trong tương quan với nhân vật trong văn bản văn học)

Nhóm 1: Đặc điểm của nhân vật chính

Nói dối như Cuội	Sự tích chú Cuội cung trăng	Lời nói dối cuối cùng

Nhóm 2: Nhân vật phụ

Nói dối như Cuội	Sự tích chú Cuội cung trăng	Lời nói dối cuối cùng

Phương diện so sánh	Nói dối như Cuội	Sự tích chú Cuội cung trăng	Lời nói dối cuối cùng
Nhân vật chính	Cuội		
Đặc điểm của nhân vật chính	- Nói dối thể hiện bản tính khôn vặt, lợi dụng sự tham lam, ngu dốt của người khác. - Nói dối vì mục đích tốt: muốn giúp đỡ người khác. - Là sự kết hợp giữa hình tượng nhân vật Cuội của cả hai truyện dân gian <i>Nói dối như Cuội</i> và <i>Sự tích chú Cuội cung trăng</i> . - Bay lên cung trăng một cách bị động.	- Không nói dối. - Dùng cây thần chữa bệnh cứu người. - Bay lên cung trăng một cách bị động.	- Nói dối vì mục đích tốt: muốn giúp đỡ người khác. - Là sự kết hợp giữa hình tượng nhân vật Cuội của cả hai truyện dân gian <i>Nói dối như Cuội</i> và <i>Sự tích chú Cuội cung trăng</i> . - Bay lên cung trăng một cách chủ động, thể hiện tư tưởng của vở kịch.
Nhân vật phụ	Chú thím của Cuội, thằng hủi, viên quan, nhà vua, voi, chim,...	Mẹ con hổ, ông lão, phú ông, con gái phú ông – vợ của Cuội, con chó,...	Cô Lua, mẹ cô Lua, thằng Bờm, công tử Lăn, nhà vua, Quận chúa, cô Sim, Nha, Điền,...
Không gian	Không gian làng quê và không gian chốn cung đình.	Không gian làng quê.	Không gian làng quê và không gian chốn cung đình.
Ý nghĩa	Phê phán thói tham lam và sự ngu dốt.	Lí giải hiện tượng tự nhiên.	- Thể hiện mâu thuẫn giữa hiện thực và lí tưởng. - Khẳng định giá trị của sự trung thực: <i>đói cho sạch, rách cho thơm</i> . - Phù hợp với

Nhóm 3: Không gian

Nói dối như Cuội	Sự tích chú Cuội cung trăng	Lời nói dối cuối cùng

Nhóm 4 : Ý nghĩa vở kịch

Nói dối như Cuội	Sự tích chú Cuội cung trăng	Lời nói dối cuối cùng

(4 nhóm này sau khi hoàn thiện bảng nhỏ thì ghép lại thành bảng lớn – vấn đề 1)

(2) Mâu thuẫn kịch (thể hiện mâu thuẫn giữa hiện thực và lí tưởng)

(3) Thông điệp của vở kịch

(4) Đánh giá một số phương diện của vở kịch

(5) Một số đề xuất khi sử dụng vở kịch trên để diễn xuất

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS tổ chức một buổi họp của: Hội đồng thẩm định văn bản

Bước 3: Báo cáo sản phẩm

- MC (trong vai Chủ tịch Hội đồng thẩm định văn bản)

- Các đại diện các nhóm: 5 nhóm – 5 vấn đề (Các thành viên của Hội đồng thẩm định văn bản)

- HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung, hoàn thành phiếu thẩm định:

PHIẾU THẨM ĐỊNH KỊCH BẢN VĂN HỌC

Họ và tên thành viên Hội đồng:

Tên kịch bản văn học thẩm định:

Thể loại (truyện):

Tên tác giả kịch bản:

1. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH

.....

.....

2. CHẤM ĐIỂM (ghi bằng số và bằng chữ)

.....

.....

3. KẾT LUẬN: Lựa chọn một trong ba phương án:

- Cho phép sản xuất theo kịch bản;

- Phải sửa chữa kịch bản;

- Không được phép sản xuất theo kịch bản.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện

GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của các nhóm và chốt vấn đề

một vở kịch hiện đại: nhân vật có nội tâm phong phú và phù hợp để thể hiện tư tưởng của tác giả.

b.2. Mâu thuẫn kịch (thể hiện mâu thuẫn giữa hiện thực và lí tưởng)

- Từ ngữ thể hiện (được lặp đi lặp lại trong đoạn đối thoại): *những trò mưu mẹo gian dối, thật lòng, thành thật, nói dối, bịp bợm, kẻ gian dối lừa lọc, người trung hậu, chất phác, gian dối, mưu mẹo, tốt lành, xấu xa, lừa bịp,...*

- Mâu thuẫn trong cuộc đối thoại giữa Lụa và Cuội là mâu thuẫn giữa ý định tốt đẹp, vì người khác với hành động nói dối, lừa lọc của nhân vật Cuội, đằng sau đó là mâu thuẫn giữa hiện thực và lí tưởng, giữa thực tế và mơ ước.

b.3. Thông điệp của vở kịch:

- Ở đoạn kết của vở kịch, Cuội đã quyết định bay lên trời. Động cơ của hành động này được xem như tấm gương soi rọi tâm hồn con người, lời nói dối cuối cùng. Đối chiếu lời nói, hành động của Cuội trong đoạn kết với các lời nói, hành động của Cuội trong các đoạn trên ta nhận ra mục đích tốt đẹp, mục đích vì người khác chính là điều nhất quán từ đầu đến cuối vở kịch.

- Mặc dù lấy tích truyện cổ dân gian và được viết cách đây vài chục năm, nhưng vở kịch vẫn chứa đựng những thông điệp có ý nghĩa thời sự đối với con người đương đại. Chuyện nói dối mà Lưu Quang Vũ đề cập trong vở là chuyện luôn tồn tại ở mọi thời

đại, thậm chí có những lúc là chuyện phổ biến. Quan điểm của tác giả ở đây là, dẫu không phải không có lúc cần nói dối, thì xét cho cùng, một xã hội tốt đẹp vẫn là xã hội được xây dựng trên cơ sở niềm tin vào sự trung thực. Đây cũng là vấn đề đáng được quan tâm, suy ngẫm trong bất cứ thời đại nào.

b.4. Đánh giá một số phương diện của vở kịch:

- Ngôn ngữ kịch bản (cụ thể là ngôn ngữ đối thoại trong kịch bản) phân biệt với ngôn ngữ giao tiếp thông thường. Ngôn ngữ đó thể hiện được ý kiến, quan điểm cá nhân, cho thấy được suy nghĩ, cảm xúc, tính cách của nhân vật, gây được ấn tượng rõ và mạnh, khiến người đọc, người xem chú ý và ghi nhớ.

- Sáng tạo của Lưu Quang Vũ so với văn bản văn học dân gian: đưa vào kịch bản hình tượng nhân vật Bờm – nhân vật được coi là đại diện cho tính cách thật thà, chất phác. Việc đưa nhân vật này vào vở kịch có thể tạo nên sự so sánh với nhân vật Cuội, và có thể coi là một sự phá cách, sáng tạo của tác giả khi sử dụng kết

	hợp các nguồn tư liệu dân gian khác nhau để tạo nên tuyến nhân vật trong tác phẩm của mình. b.5. Một số đề xuất khi sử dụng vở kịch trên để diễn xuất: - Có thể thay đổi bối cảnh, từ không gian đồng nội trong truyện cổ tích thành không gian đô thị, không gian học đường. - Có thể lấy các chất liệu từ các sự kiện liên quan đến hiện tượng nói dối diễn ra ở trong đời sống thường nhật. - Có thể thay đổi ngôn ngữ sao cho hợp. - Có thể sáng tạo một số bài hát để đan cài vào vở kịch,...
--	--

Hoạt động 2.2.2. Xem vở diễn và khám phá vở diễn

a. Mục tiêu:

GV giúp HS: Hướng dẫn HS biết cách xem một vở kịch, từ đó biết phân tích các yếu tố của vở kịch

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng tổng hợp các kĩ năng để tìm hiểu về sân khấu hoá các tác phẩm văn học

- HS hoạt động cá nhân xem, đọc vở diễn và thu thập thông tin kết hợp làm việc nhóm

- GV hướng dẫn HS cách thức tìm hiểu và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả trình bày của HS, phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS		DỰ KIẾN SẢN PHẨM															
* Xem vở diễn Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS xem vở diễn “Lời nói dối cuối cùng” trên lớp. - GV cũng có thể cho HS xem một vở diễn khác dựa trên kịch bản chuyển thể một tác phẩm văn học quen thuộc nào đó. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV và HS cùng xem vở kịch. Bước 3: Báo cáo kết quả - HS lĩnh hội các tri thức về kịch thông qua vở diễn cụ thể Bước 4: Nhận xét, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá sự chú ý theo dõi của HS * Khám phá vở diễn Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 4 nhóm, hoàn thành phiếu học tập		3. Xem vở diễn															
<table><tr><td colspan="2">Bối cảnh ra đời</td><td></td></tr><tr><td colspan="2">Vai trò của mỗi thành phần tham gia vở kịch</td><td></td></tr><tr><td rowspan="2">Diễn xuất của diễn viên</td><td>Ngôn ngữ hình thể</td><td></td></tr><tr><td>Ngôn ngữ nói</td><td></td></tr><tr><td>Trang trí sân khấu và</td><td>Cách tạo không gian</td><td></td></tr></table>		Bối cảnh ra đời			Vai trò của mỗi thành phần tham gia vở kịch			Diễn xuất của diễn viên	Ngôn ngữ hình thể		Ngôn ngữ nói		Trang trí sân khấu và	Cách tạo không gian		4. Khám phá vở diễn a. Bối cảnh ra đời: -Vở kịch “Lời nói dối cuối cùng” được Lưu Quang Vũ sáng tác vào năm 1985, sau đó được công diễn trên sân khấu Nhà hát Tuổi trẻ trong những năm 1986, 1987. Năm 2016, nhân kỉ niệm 28 năm ngày mất của Lưu Quang Vũ, vở kịch đã được dàn dựng lại trên sân khấu Nhà hát Tuổi trẻ, do Nghệ sĩ Ưu tú Chí Trung làm đạo diễn. b. Vai trò của mỗi thành phần tham gia vở kịch - Tác giả: Lưu Quang Vũ - Họa sĩ: Nghệ sĩ Ưu tú Doãn Bằng - Nhạc sĩ: Quốc Trung - Thiết kế ánh sáng: Xuân Khánh - Biên đạo múa: Nghệ sĩ Ưu tú Cao Ngọc Ánh - Trợ lí đạo diễn: Quỳnh Dương	
Bối cảnh ra đời																	
Vai trò của mỗi thành phần tham gia vở kịch																	
Diễn xuất của diễn viên	Ngôn ngữ hình thể																
	Ngôn ngữ nói																
Trang trí sân khấu và	Cách tạo không gian																

đạo cụ	sân khấu	
	Các yếu tố như ánh sáng, âm thanh, đạo cụ	
Sức hấp dẫn của vở kịch	Sự sáng tạo của đạo diễn và diễn viên	
	Sự gần gũi và sức hấp dẫn đối với người xem đương đại	
Tác động của vở kịch đối với số phận của tác phẩm văn chương		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS tập tổ chức buổi thảo luận tác phẩm sân khấu

- GV hỗ trợ HS thiết lập bộ câu hỏi để thảo luận tác phẩm sân khấu:

+ **Câu hỏi 1:** Đọc thông tin về ê-kíp sản xuất của vở kịch “Lời nói dối cuối cùng” năm 2016 và cho biết vai trò của mỗi thành phần tham gia vở kịch.

+ **Câu hỏi 2:** Bạn nhận xét như thế nào về cách sử dụng ngôn ngữ hình thể của diễn viên trên sân khấu? Ngôn ngữ hình thể ấy đóng vai trò gì trong việc thể hiện nhân vật?

+ **Câu hỏi 3:** Ngôn ngữ của người Việt nơi thôn quê xưa đã được thể hiện qua những yếu tố nào trong các lời đối thoại trên sân khấu?

+ **Câu hỏi 4:** Không gian sân khấu khác không gian đời thực ở điểm nào? Làm thế nào để có thể vừa truyền tải được thông điệp nghệ thuật, vừa đem lại cho người xem cảm giác sống động, tự nhiên nhất?

+ **Câu hỏi 5:** Các yếu tố như ánh sáng, âm thanh, đạo cụ có tác dụng gì?

+ **Câu hỏi 6:** So sánh kịch bản sân khấu và vở diễn, bạn có nhận xét gì về những cải biên của đạo diễn và diễn viên?

+ **Câu hỏi 7:** Làm thế nào để một vở diễn vốn được dàn dựng dựa trên truyện cổ dân gian và được viết từ hơn hai mươi năm trước lại có thể gần gũi và hấp dẫn những người xem đương đại?

- Truyền thông: am5

- Chỉ đạo thực hiện chương trình: Giám đốc Trương Nhuận

- Âm thanh: Ngọc Long - Anh Tuấn

- Ánh sáng: Hoài Anh

- Chỉ huy buổi biểu diễn: Nghệ sĩ Nhật Quang

=> Vở diễn trên sân khấu là một sáng tạo của tập thể, trong đó không chỉ có đạo diễn, biên kịch mà tất cả diễn viên, họa sĩ, biên đạo múa,... cùng góp phần đồng sáng tạo nên vở kịch. Mỗi thành viên trong ê-kíp sản xuất, bằng trải nghiệm cuộc sống, cảm nhận riêng của mình, sẽ đem lại cho kịch bản một cách tiếp cận riêng, một đời sống riêng. Vì thế, mỗi lần công diễn là một lần kịch bản văn học được tái sinh trong một hình hài mới, mang một thông điệp mới.

c. Diễn xuất của diễn viên (ngôn ngữ hình thể, ngôn ngữ nói)

- Ngôn ngữ hình thể không chỉ giúp bộc lộ nội tâm, tính cách, số phận của nhân vật, mà còn là một yếu tố ước lệ nhằm biểu đạt những thông tin khác trong một vở kịch như thời gian, không gian và những thông điệp quan trọng trong vở diễn.

- Ngôn ngữ của người Việt nơi thôn quê xưa đã được thể hiện qua các lời đối thoại để miêu tả bối cảnh, giúp người đọc có thể hình dung được không khí của các tình huống, sự kiện, hành động trong vở kịch.

d. Trang trí sân khấu và đạo cụ (cách tạo không gian sân khấu, các yếu tố như ánh sáng, âm thanh, đạo cụ)

- Không gian sân khấu là không gian ước lệ. Nó vừa cố gắng mô phỏng đời sống thực, vừa cố gắng khắc phục những hạn chế của sân khấu để mở rộng tối đa khả năng biểu hiện đời sống, vừa trực quan hóa các yếu tố của kịch bản để người xem có thể hình dung ra bối cảnh, không khí của vở kịch, đồng thời lại phải tạo nên sự hấp dẫn thị giác đối với người xem. Vì thế, nó vừa giống, nhưng lại vừa khác với không gian thực.

- Tất cả yếu tố trên sân khấu như âm thanh, ánh sáng, đạo cụ, phong nền, bố cục,... đều mang ý nghĩa biểu tượng, và được sắp đặt một cách thống nhất, chặt chẽ, nhằm làm nổi bật thông điệp.

+ Âm thanh, ánh sáng, đạo cụ có tác dụng làm nổi bật diễn xuất của diễn viên, hỗ trợ biểu đạt nội tâm của nhân vật, tạo không khí cho vở kịch, đồng thời mang ý nghĩa biểu tượng và góp phần làm nổi bật thông điệp.

+ Khi đưa kịch bản lên sân khấu, đạo diễn đã phải thêm các yếu tố về hoạt cảnh, âm thanh, ánh sáng; các diễn viên đã phải nhập vai, thể hiện diễn xuất của mình mà không chỉ bao gồm lời thoại.

e. Sức hấp dẫn của vở kịch (Sự sáng tạo của đạo diễn và diễn viên, sự gần gũi và sức hấp dẫn đối với người xem đương đại)

- Vở diễn đã đề cập đến những vấn đề muôn thuở của nhân loại, có ý nghĩa trong mọi thời đại, đó là vấn đề sự thật và dối trá. Các nghệ sĩ cũng lồng ghép rất nhiều vấn đề đương đại vào trong vở kịch, tạo nên sự đồng cảm nơi người xem. Đồng thời, cách bài trí sân khấu, hóa trang và diễn xuất,... cũng tạo nên sự hấp dẫn, lôi cuốn với người xem.

+ Câu hỏi 8: Việc sân khấu hóa có tác động như thế nào tới số phận của tác phẩm văn chương? Bước 3: Báo cáo kết quả - MC (trong vai Chủ tịch Hội đồng thẩm định tác phẩm sân khấu) - Đại diện các nhóm (Các thành viên của Hội đồng thẩm định tác phẩm sân khấu) - HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung, hoàn thành phiếu học tập Bước 4: Nhận xét, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	f. Tác động của vở kịch đối với số phận của tác phẩm văn chương - Sân khấu hóa cũng là một hoạt động tiếp nhận văn học. Đó là một hoạt động tiếp nhận đặc biệt, trong đó người đọc không phải là một cá nhân mà là một tập thể đạo diễn, biên kịch, diễn viên, họa sĩ..., mỗi người tiếp nhận sẽ đem lại một góc nhìn, cách kiến giải riêng về tác phẩm, đồng thời cũng tạo nên một hình tượng nghệ thuật thống nhất. Mặt khác, sân khấu hóa là quá trình chuyển dịch ngôn ngữ văn học, một chất liệu phi vật thể sang ngôn ngữ của nghệ thuật sân khấu, một chất liệu vật thể trực quan, cảm tính. Quá trình chuyển dịch đó khiến cho hình tượng văn học bị biến đổi. Sân khấu hóa cũng là quá trình đương đại hóa tác phẩm, khiến cho các hình tượng văn học trở nên gần gũi hơn với người xem đương đại. Quá trình sân khấu hóa, vì vậy, là quá trình làm sống lại tác phẩm, tạo cho tác phẩm một sức sống mới.
--	---

Hoạt động 2.3. Phần 2: THỰC HÀNH SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC

a. Mục tiêu: GV giúp HS

- Nắm được những nhân tố cơ bản của hoạt động sân khấu hoá tác phẩm văn học
- Hiểu được các bước sân khấu hoá tác phẩm văn học.
- HS có thể tự sân khấu hoá các tác phẩm văn học.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng tổng hợp các kĩ năng để sân khấu hoá một số tác phẩm văn học

- HS hoạt động cá nhân: đọc và thu thập thông tin kết hợp làm việc nhóm
- GV hướng dẫn HS cách thức tìm hiểu và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả trình bày của HS, phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Tìm hiểu những nhân tố cơ bản của hoạt động sân khấu hoá tác phẩm văn học Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 2 nhóm lớn, trong từng nhóm, HS thảo luận cặp đôi hoàn thành phiếu học tập Nhóm 1 - Kịch bản: <table border="1"> <tr> <td>Tác dụng</td><td></td></tr> <tr> <td>Yêu cầu</td><td></td></tr> <tr> <td>Thành tố quan trọng</td><td>Hành động Lời thoại</td></tr> </table> Nhóm 2 - Dàn dựng <table border="1"> <tr> <td>Đặc điểm</td><td></td></tr> <tr> <td>Các nhân tố</td><td>Kịch bản Đạo diễn Diễn viên</td></tr> </table> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS trong từng nhóm thảo luận cặp đôi - Tiếp đó, HS tách cặp tìm bạn trong nhóm mới để tạo cặp đôi mới, thảo luận trao đổi kiến thức Bước 3: Báo cáo kết quả - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả - HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung, hoàn thành nhiệm vụ Bước 4: Nhận xét, đánh giá	Tác dụng		Yêu cầu		Thành tố quan trọng	Hành động Lời thoại	Đặc điểm		Các nhân tố	Kịch bản Đạo diễn Diễn viên	III. Những nhân tố cơ bản của hoạt động sân khấu hoá tác phẩm văn học 1. Kịch bản - Tác dụng: Kịch bản thể hiện ý tưởng chi phối quá trình sân khấu hoá. - Yêu cầu: Kịch bản đòi hỏi người viết phải cân nhắc về thời gian và điều kiện khả thi. - Thành tố quan trọng nhất của kịch bản: + Hành động trên sân khấu là sự biểu lộ ra bên ngoài mục đích, động cơ, lí tưởng của nhân vật để đạt được một kết quả nào đó. Hành động thường được biểu hiện một cách ước lệ. + Lời thoại trong kịch bản sân khấu có thể là lời đối thoại, lời độc thoại, hoặc bàng thoại. Thoại trong kịch bản sân khấu hoá cần phải là một thứ ngôn ngữ sắc sảo, gây ấn tượng mạnh bởi sự rõ ràng của quan điểm cá nhân hoặc những cách nói đặc biệt, để ghi sâu vào trí nhớ của người xem và lời thoại không nên là những lời tản mạn, vu vơ, thiếu tính biểu cảm. 2. Dàn dựng - Đặc điểm: Nghệ thuật sân khấu mang tính tập thể cao, là hoạt động đòi hỏi khả năng làm việc nhóm theo năng lực và yêu cầu là rất cần thiết. - Ba nhân tố cần phải quan tâm nhất trong hoạt động này là: kịch bản, đạo diễn, diễn viên. + Đạo diễn: Cần tư duy về loại hình sân khấu mà mình sẽ lựa chọn để sân khấu hoá tác phẩm văn học
Tác dụng											
Yêu cầu											
Thành tố quan trọng	Hành động Lời thoại										
Đặc điểm											
Các nhân tố	Kịch bản Đạo diễn Diễn viên										

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức
Tìm hiểu các bước sân khấu hoá tác phẩm văn học

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS thảo luận theo bàn để nêu các bước sân khấu hoá tác phẩm văn học

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận theo bàn

Bước 3: Báo cáo kết quả

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả
- HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung, hoàn thành nhiệm vụ

Bước 4: Nhận xét, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

Lưu ý: Đối với các hình thức sân khấu hoá tác phẩm văn học như ngâm thơ, trình diễn thơ, hát ca khúc phổ thơ, diễn xướng sử thi hay truyện thơ,... có thể không nhất thiết

tuân theo các bước trên. Tuy nhiên, vẫn cần định hình ý tưởng, cân nhắc về tính phù hợp của chất liệu động tác trình diễn, trang phục và các hiệu ứng mà màn trình diễn có thể mang đến cho người thưởng thức.

(truyền thống hoặc hiện đại)

+ Diễn viên phải cảm thụ được kịch bản và nhân vật, từ đó hình dung được các cách biểu hiện tính cách, nội tâm hay tư tưởng của nhân vật sao cho có thể gây ấn tượng mạnh với công chúng.

IV. Các bước sân khấu hoá tác phẩm văn học

Bước 1: Hình thành ý tưởng

Chọn hiện tượng văn học

Tìm kiếm ý tưởng sân khấu hoá

(Phóng tác tác phẩm văn học theo nhiều cách khác nhau: đối thoại với nhân vật, đối thoại với tác giả, thay đổi điểm nhìn, kể tiếp câu chuyện, thay đổi kết thúc, thêm vào một nhân vật mới, thay đổi hình tượng nhân vật đã quen thuộc, thay đổi bối cảnh sống của nhân vật,...)

Lựa chọn hình thức biểu diễn

Bước 2: Lập dàn ý cho kịch bản

(Để lập dàn ý cho kịch bản, cần đặt ra và trả lời một số câu hỏi sau:

- Phần biểu diễn trên sân khấu sẽ chia thành các màn/ hồi như thế nào?
- Các sự kiện được sắp xếp theo trình tự ra sao?
- Tầm quan trọng của từng cảnh là gì?
- Thông điệp bạn muốn truyền tải trên sân khấu là gì?
- Cần sắp xếp các yếu tố sân khấu ra sao để làm nổi bật thông điệp đã xác định?)

Bước 3: Viết kịch bản sân khấu

(Viết kịch bản thường có các thao tác sau:

- Ghi tiêu đề kịch bản, tên tác giả, tác phẩm văn học mà bạn chuyển thể ở phần mở đầu của kịch bản.
- Ghi tiêu đề cảnh mỗi khi chuyển sang cảnh mới.
- Mô tả bối cảnh và hành động: Miêu tả ngắn gọn thời gian, địa điểm, giới thiệu tóm lược về nhân vật, cung cấp những chỉ dẫn về hành động, thái độ, ngữ điệu của nhân vật để có thể cụ thể hoá ý đồ của vở kịch trên sân khấu)

Bước 4: Tập dượt theo kịch bản và chỉnh sửa kịch bản

(đạo diễn, diễn viên, họa sĩ thiết kế.... đều trở thành những người đồng sáng tạo)

Bước 5: Biểu diễn

(cần lưu ý:

- Giọng nói trên sân khấu khác với giọng đối thoại trong giao tiếp đời thường, vì đó là giọng của nhân vật.
- Cử chỉ, hành động, hình thể cần lột tả rõ ý chí, động cơ, tính cách của từng nhân vật.
- Phong nền sân khấu mang tính ước lệ, vừa phải lột tả được thông điệp của vở kịch, vừa phải đem lại cho người đọc cảm giác đó là không gian tự nhiên.

	- Âm thanh, ánh sáng, đạo cụ,... cần được phối hợp để lôi cuốn người xem và góp phần biểu đạt thông điệp của vở diễn)
--	---

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH)

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

b. Nội dung: HS phối hợp làm việc nhóm

c. Sản phẩm: Tài liệu nghiên cứu của HS/nhóm HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

Chuyển thể tác phẩm “Chí Phèo” (Nam Cao) thành kịch bản sân khấu, sau đó dàn dựng và diễn xuất

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ, làm việc theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:
- GV gọi đại diện một số nhóm trình bày sản phẩm học tập của mình/ nhóm mình.
- Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

GV nhận xét và cho điểm HS/nhóm HS.

Bản tham khảo thiết kế quy trình chuyển thể tác phẩm “Chí Phèo” thành kịch bản sân khấu

CHUYỂN THỂ KỊCH BẢN CHÍ PHÈO (Nam Cao)

* **Xác định chủ đề:** Bi kịch tinh thần đau đớn của người nông dân Việt Nam: bị hủy hoại về nhân cách, bị cự tuyệt quyền làm người

* **Các sự kiện, tình tiết trong tác phẩm:**

- Chí Phèo được tìm thấy trong cái lò gạch bỏ hoang;
- Cảnh Chí Phèo vừa đi vừa chửi;
- Chí Phèo làm canh điền cho nhà Lí Kiến;
- Chí Phèo bị bắt đi tù;
- Ngoại hình của Chí Phèo khi ra tù;
- Cảnh Chí Phèo đến nhà Bá Kiến rạch mặt ăn vạ;
- Chí Phèo trở thành tay sai cho Bá Kiến;
- Chí Phèo gặp thị Nở;
- Thị Nở mang Cháo hành cho Chí Phèo;
- Cảnh bà cô chửi thị Nở;
- Thị Nở cự tuyệt Chí Phèo;
- Chí Phèo đến nhà Bá Kiến, đòi làm người lương thiện, giết Bá Kiến và tự sát;
- Thị Nở nhìn xuống bụng và nghĩ đến cái lò gạch bỏ hoang.

* **Một số chủ đề được lựa chọn và xây dựng tình tiết cho từng chủ đề:**

- **Phân cảnh 1:** Mối tình Chí Phèo - Thị Nở

- + Cảnh Chí Phèo vừa đi vừa chửi;
- + Chí Phèo gặp thị Nở ở vườn chuối;
- + Chí Phèo tỉnh rượu và suy nghĩ một mình;
- + Thị Nở mang cháo hành cho Chí Phèo;
- + Cảnh Chí Phèo và thị Nở hạnh phúc;
- + Bà cô chửi thị Nở;
- + Thị Nở cự tuyệt Chí Phèo;
- + Chí Phèo đến nhà Bá Kiến, đòi làm người lương thiện, giết Bá Kiến và tự sát.

- **Phân cảnh 2:** Sự trỗi dậy của con người lương thiện trong con quỷ Chí Phèo

- + Chí Phèo làm canh điền cho nhà Lí Kiến;
- + Chí Phèo bị bắt đi tù;
- + Ngoại hình của Chí Phèo khi ra tù;
- + Cảnh Chí Phèo đến nhà Bá Kiến rạch mặt ăn vạ;
- + Cảnh Chí Phèo vừa đi vừa chửi;
- + Chí Phèo gặp thị Nở ở vườn chuối;
- + Chí Phèo tỉnh rượu và suy nghĩ một mình;
- + Thị Nở mang cháo hành cho Chí Phèo;
- + Cảnh Chí Phèo và thị Nở hạnh phúc.

* Xây dựng lại tuyến nhân vật.

Tuyến nhân vật được thiết kế lại phụ thuộc vào chủ đề được lựa chọn.

Chủ đề	Mối tình Chí Phèo - Thị Nở	Sự trỗi dậy của con người lương thiện trong con quỷ Chí Phèo
Nhân vật trung tâm	Chí Phèo	
Nhân vật chính	Chí Phèo - Thị Nở	Chí Phèo - Bá Kiến - Thị Nở
Nhân vật phụ	Bà cô thị Nở Bá Kiến Mấy người đàn bà bán vải Trẻ con Anh thuyền chài	Lí Cường Bà cô thị Nở Anh canh điền Dân làng Bà bán quán Các bà vợ Bá Kiến Tự Lãng Bà cô thị Nở Dân làng Trẻ con

* Xây dựng hành động kịch

- Dựng hình ảnh Chí Phèo vốn là người nông dân cần cù chất phác; Chí Phèo vác cuốc xuất hiện trên sân khấu, có tiếng người hỏi vọng ra: “anh Chí đi đâu sớm thế?”, Chí Phèo cười hiền trả lời “cháu ra đồng cày ạ, hôm nay làm nốt ruộng nhà ông Lí!”, sau đó Chí Phèo tắt tả đi nhanh vào trong.

- Dựng cảnh Chí Phèo đến nhà Bá Kiến gây sự sau khi ra tù: Chí Phèo lão đảo cầm chai rượu đến cổng nhà Bá Kiến bắt đầu chửi. Bà cả, bà hai ở trong nhà chửi vọng ra, Chí Phèo càng chửi to hơn. Lí Cường xuất hiện, quát Chí Phèo, Chí Phèo xông đến, Lí Cường chặn lại, tát mạnh vào mặt Chí Phèo. Chí Phèo đập chai vào cổng, lăn lộn vừa rạch mặt vừa gào thét. Dân làng đứng xa xa xem và xôn xao bàn tán. (có tiếng chó sủa...)

- Dựng cảnh bà cô ngăn thị Nở lấy Chí Phèo: Nhân vật thị Nở cấp rõ chuẩn bị sang nhà Chí Phèo, bà cô xuất hiện đứng chắn trước mặt, chỉ tay vào mặt thị Nở hỏi đi đâu, thị Nở nói muốn sang ở với Chí Phèo, bà cô vừa chửi vừa kéo áo, giằng co với thị Nở, tát thị Nở và lôi thị Nở ngã. Hành động đó khiến thị Nở nổi khùng, thị chạy ngay sang nhà Chí Phèo để trú giận.

- Dựng cảnh diễn tả tâm trạng Chí Phèo khi tỉnh rượu: Trình tự hành động có thể dựng lại như sau: Chí Phèo nằm co ro, thị Nở vào, múc cháo hành đưa cho Chí Phèo. Chí Phèo vừa thối vừa húp cháo. Ăn xong, Chí Phèo quệt mồ hôi cười với thị Nở “giá cứ thế này mãi thì thích nhỉ!”. Thị Nở cầu Chí Phèo, Chí Phèo véo lại, cả hai cười rất to. Chí Phèo lắng lại, nhìn ra xa nói “hồi còn trẻ, tớ cũng ao ước có một gia đình...”. Thị Nở thôi cười nhìn Chí Phèo. Chí Phèo nhìn lại thị và cười hiền.

- Dựng cảnh bà cô Thị Nở ngăn cản mối tình: Chí Phèo say rượu vừa đi vừa chửi, gặp thị Nở giữa đường, hai người đang nhìn nhau cười hềnh hếch thì bà cô xuất hiện và chửi.

* Viết lời thoại

- **Dựng thoại bà cô ngăn cản mối tình:** Chí Phèo gặp Thị Nở giữa đường, hai người nhìn nhau cười ngây dại.

+ Bà cô thị Nở xuất hiện chửi: Cha bố đời con Nở, nhà không còn một giọt nước nào mà mày lại đứng đây nhẩn nhẩn nhở nhở với cái thằng không cha không mẹ í ờ...

+ Chí Phèo xông đến chỗ bà cô: Há? không không cái gì? Không không cái gì há con mẹ già kia? Há?

Rồi Chí Phèo cười sảng sặc khi thấy bà cô Thị Nở bỏ chạy và ngã lăn chiêng ra đường.

(Trong đoạn đối thoại trên, lời của bà cô thị Nở tấn công vào một điểm yếu trong tâm lí Chí Phèo: nỗi đau của kẻ bị chính cha mẹ mình từ chối, sự bất lực của người không thể biết về lai lịch gốc gác của mình. Đó là mặc cảm sâu kín của Chí Phèo, khi bà cô thị Nở tấn công đúng vào chỗ đó, Chí Phèo điên lên ngay. Lời bà cô thị Nở đã tác động đến hành động của Chí Phèo sau đó.)

- **Dựng đoạn độc thoại nội tâm của Chí Phèo trước khi tìm giết Bá Kiến:**

+ Chí Phèo nhặt một viên gạch lên định đập vào đầu nhưng hấn dừng lại, nhìn viên gạch và nói: Không được! Đập đầu ở đây không ai biết, không ăn vạ được ai. Phải đi... phải đi. Phải tìm con đi Nở. A ha... phải rồi... tìm con đi Nở...giết...giết cả nhà con Nở...giết con khom già nhà nó...

+ Chí Phèo quờ quạng lấy chai rượu ngựa cổ tu ừng ực, rồi khóc: Sao lại có mùi cháo hành nhỉ?... mùi cháo hành ở đâu thế nhỉ?

+ Chí Phèo lão đảo cầm dao đi, vừa đi vừa lảm nhảm: Tao phải đâm chết nó! Tao phải đâm chết nó

(Trong đoạn độc thoại trên, ý nghĩ của nhân vật tự tác động đến hành động của nó. Hành động đi tìm giết cả nhà thị Nở xuất hiện trước. Nhưng ý nghĩ về mùi cháo hành đã chuyển hướng hành động của Chí Phèo, dẫn đến việc hắn tìm giết Bá Kiến và tự sát.)

*** Chọn diễn viên theo bảng sau**

Tiêu chí lựa chọn	Kết quả	
	Đạt	Không đạt
Khả năng nhập vai tốt, hiểu vai diễn		
Ngoại hình phù hợp với vai diễn		
Đài từ tốt: phát âm rõ ràng, tốc độ nói vừa phải, giọng nói truyền cảm		
Giương mặt biểu cảm, đặc biệt là ánh mắt và khả năng kết nối với bạn diễn		
Hình thể linh hoạt, mềm mại, có khả năng thay đổi hành động		

*** Luyện tập**

- Học thuộc kịch bản
- Hướng dẫn diễn xuất.
- Trước khi trình diễn cần chạy sân khấu để học sinh quen với không gian diễn, cách ra vào sân khấu, việc sử dụng đạo cụ, cách liên kết với bạn diễn.

*** Các phương tiện hỗ trợ**

- Đạo cụ, phong cảnh: nên cho học sinh tự thiết kế để phát huy khả năng mỹ thuật và tính sáng tạo của các em.
- Âm nhạc: học sinh chọn, giáo viên duyệt. Cần sử dụng nhiều đoạn nhạc khác nhau cho phù hợp nội dung các phân cảnh.
- Trang phục: có thể thuê hoặc tự thiết kế. Khuyến khích học sinh tự thiết kế trang phục.
- Tiếng động, ánh sáng, khói lửa: xin các file ghi âm sẵn ở các đoàn nghệ thuật.
- Micro: nên sử dụng micro cài để không ảnh hưởng đến hành động của diễn viên.

*** Thiết kế chương trình**

- Chuẩn bị sân khấu, máy tính, màn chiếu, các file dữ liệu trên máy tính.
- Người nhắc vở, nhắc diễn viên chuẩn bị ra sân khấu, nhắc chọn nhạc.
- Chuẩn bị nước uống, đồ dùng khác cho diễn viên.
- Hóa trang, trang phục.
- Người dẫn chuyện, đọc lời giới thiệu và lời kết.
- Quay phim, chụp ảnh làm tư liệu.

*** Chương trình biểu diễn gồm ba nội dung**

- Nội dung 1: trình chiếu phần giới thiệu tóm tắt về tác giả, tác phẩm
- Nội dung 2: biểu diễn theo kịch bản
- Nội dung 3: lời kết nêu ngắn gọn ý nghĩa, giá trị của tác phẩm văn học.

*** Tổng kết, đánh giá**

Sau buổi diễn, giáo viên họp lớp để thực hiện những công việc sau:

- Yêu cầu học sinh chốt lại những kiến thức quan trọng về tác phẩm văn học, nêu cảm nghĩ và ấn tượng của học sinh về tác phẩm, khuyến khích học sinh đưa ra các phát hiện mới, liên hệ độc đáo về tác phẩm và cuộc sống.
- Nhận xét, đánh giá công việc học sinh đã thực hiện.
- Giao học sinh viết tin bài cho trang tin nhà trường (nếu có)
- Khen thưởng (điểm hoặc hình thức khác)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Nội dung đánh giá		Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
Quá trình chuẩn bị	Lập kế hoạch		
	Viết kịch bản		
	Casting		
Quá trình thực hiện	Tập kịch		
	Trang phục		
	Thiết kế sân khấu		
	Chọn nhạc		

Công diễn	Nhập vai		
	Thuộc thoại		
	Biểu cảm		
Năng lực, hiệu quả hoạt động	Cá nhân		
	Nhóm		

Hướng dẫn học ở nhà:

1. Thử diễn xuất một kịch bản chèo hoặc tuồng được học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập một.
 2. Sân khấu hoá truyện ngắn *Lão Hạc* (Nam Cao), bắt đầu từ lời kể của nhân vật anh con trai lão Hạc.
 3. Dàn dựng màn đối thoại giữa một nhân vật là con người hiện đại với nhân vật Ngô Tử Văn trong *Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên* (Nguyễn Dữ) nhằm làm rõ lựa chọn của Ngô Tử Văn.
 4. Đặt sự kiện được kể trong đoạn trích *Héc-tô từ biệt Ăng-đrô-mác* vào bối cảnh đời sống đương đại và dàn dựng thành một vở kịch ngắn trên sân khấu.
 5. Dàn dựng một màn đối thoại với các nhân vật trong truyện dân gian Việt Nam.
- 6. Chuẩn bị chuyên đề 3: ĐỌC, VIẾT, GIỚI THIỆU MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT**

CHUYÊN ĐỀ 3
ĐỌC, VIẾT, GIỚI THIỆU MỘT TẬP THƠ,
MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT

I. Mục tiêu

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua tổng hợp quá trình dạy **các kĩ năng Đọc - Viết - Nói - Nghe**

- Biết cách đọc một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết.

- Biết cách viết bài giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết

- Biết cách trình bày, giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết

2. Phẩm chất

- Rèn luyện tư duy khoa học, biết vận dụng một số thao tác nghiên cứu cơ bản nhằm chiếm lĩnh tri thức.

- Biết liên kết nhiều nội dung tri thức, kỹ năng trong quá trình học tập để phát triển năng lực.

- Giải quyết được một vấn đề học tập mang tính phức hợp, đòi hỏi có sự kết nối với thực tiễn và tìm ra được các chiến lược, cách thức giải quyết vấn đề.

- Củng cố, mở rộng những kiến thức về văn học

- Hướng đến lối sống tích cực, hoàn thiện nhân cách bản thân.

II. Thiết bị và học liệu

1. Về phía học sinh: HS nhận phiếu học tập từ GV, chuẩn bị nội dung thảo luận. Bút màu, giấy để trình bày sản phẩm.

2. Về phía giáo viên: GV chuẩn bị tài liệu tham khảo (sách báo, tạp chí,... có liên quan đến nội dung CĐ3); các bảng biểu, kế hoạch hướng dẫn cho HS; máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

III. Tiến trình dạy học





1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV hướng dẫn HS xem đoạn Clip

https://www.youtube.com/watch?v=quFtl_e6OCc&t=43s (Từ 01:05)

- GV trình chiếu Clip

- GV hướng dẫn HS tư duy qua các câu hỏi

Phiếu trả lời nhanh

Clip bàn đến tập thơ nào, của ai?	
Xuất xứ tên tập thơ	
Nội dung, cảm hứng chung của tập thơ	
Em nhớ được câu thơ tiêu biểu nào sau khi xem Clip?	
Em có mong muốn đọc tập thơ không?	

- HS xem hình ảnh và Clip, suy nghĩ cá nhân

- GV quan sát, gợi ý nếu cần.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- HS trả lời theo ý nghĩ cá nhân

- Các HS khác quan sát, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

GV nhận xét, dẫn vào nội dung bài học.

Dự kiến trả lời câu hỏi:

Phiếu trả lời nhanh

Clip bàn đến tập thơ nào, của ai?	<i>Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi</i> – Lưu Quang Vũ
Xuất xứ tên tập thơ	Tập thơ <i>Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi</i> có tên trùng với tên một bài thơ trong tập
Nội dung, cảm hứng chung của tập thơ	- Nhà thơ hướng cảm hứng sáng tạo về phía nhân dân, gia đình, người thân, anh gắn bó cuộc đời mình với số phận dân tộc, anh yêu Tổ quốc bằng tình yêu máu thịt - Tập thơ còn là tiếng nói của tình yêu đậm thắm, sâu sắc. Sức mạnh tình yêu đem đến cho anh cái nhìn trù mên, thiết tha với cuộc đời, khiến anh có khả năng hồi sinh, không chỉ là tuổi trẻ mà là niềm tin.
Em nhớ được câu thơ tiêu biểu nào sau khi xem Clip?	HS trả lời theo trí nhớ
Em có mong muốn đọc tập thơ không?	HS trả lời theo ý thích cá nhân

➔GV dẫn vào bài:

Marcell Proust quan niệm: “*Thế giới được tạo lập không phải một lần, mà mỗi lần người nghệ sĩ đọc đáo xuất hiện thì lại một lần thế giới được tạo lập*”. Khi ai đó giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết chính là họ đang chào mời chúng ta đến với những thế giới mới muôn sắc, muôn màu. Từ lời chào mời ấy, trái tim ta như được hòa điệu cùng trái tim nghệ sĩ trong những giai điệu văn chương ngọt ngào

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Biết cách đọc một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết.

- Biết cách viết bài giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết.
- Biết cách trình bày, giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết.
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động 2.1. TÌM HIỂU TRI THỨC TỔNG QUÁT

- a. Mục tiêu:** Nắm được những kiến thức cơ bản về thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết
- b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng tổng hợp các kĩ năng để tìm hiểu về thơ, truyện, tiểu thuyết
 - HS hoạt động cá nhân: đọc và thu thập thông tin kết hợp làm việc nhóm
 - GV hướng dẫn HS cách thức tìm hiểu và trình bày.
- c. Sản phẩm:** Kết quả trình bày của HS, phiếu học tập.
- d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

PHIẾU 1: TÌM HIỂU VỀ THƠ

Khái niệm		
Ngôn từ trong thơ	Cách tổ chức ngôn từ	
	Đặc điểm ngôn từ trong thơ	
Đặc trưng thơ		
Phân loại	Về loại hình sáng tác	
	Về dung lượng	
	Về thể thơ	
	Về đề tài	

PHIẾU 2: TÌM HIỂU VỀ TRUYỆN NGẮN

Phương thức biểu đạt	
Hình thức thể hiện	
Đặc điểm cơ bản	
Cách thức tổ chức	
Sức khái quát của truyện ngắn	

PHIẾU 3: TÌM HIỂU VỀ TẬP THƠ VÀ TẬP TRUYỆN NGẮN

Tiêu mục	Tập thơ	Tập truyện ngắn
Khái niệm		
Phân loại		
Nhan đề		

PHIẾU 4: TÌM HIỂU VỀ TIỂU THUYẾT

Phương thức biểu đạt			
Đặc điểm cơ bản			
Mạch truyện kể	Mạch truyện kể		
	Tác dụng của mạch truyện kể		
Nhân vật	Nhân vật trung tâm	Khái niệm	
		Phân loại	
	Nhân vật phụ		

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS trao đổi với nhau về phần Tri thức tổng quát trong SGK để nêu những hiểu biết về thể loại. - GV hướng dẫn HS thực hiện phiếu số 1, 2, 3, 4 qua tọa đàm SẮC MÀU VĂN CHƯƠNG - Sau thời gian trao đổi nhóm, mỗi nhóm cử 1 chuyên gia của nhóm mình tham gia tọa đàm - GV hỗ trợ MC thiết kế bộ câu hỏi cho tọa đàm : Thơ (hỏi nhóm 1)	2.1. TRI THỨC TỔNG QUÁT 2.1.1.Thơ (Phiếu 1 bên dưới) 2.1.2.Truyện (Phiếu 2 bên dưới) 2.1.3.Tập thơ – tập truyện ngắn (Phiếu 3 bên dưới)

1. Khái niệm về thơ 2. Ngôn từ trong thơ (Cách tổ chức ngôn từ; Đặc điểm ngôn từ trong thơ) 3. Đặc trưng thơ 4. Phân loại thơ (Về loại hình sáng tác; Về dung lượng; Về thể thơ; Về đề tài),... Truyện ngắn (hỏi nhóm 2) 1. Phương thức biểu đạt chính của truyện 2. Hình thức thể hiện 3. Đặc điểm cơ bản 4. Cách thức tổ chức 5. Súc khái quát của truyện ngắn Tập thơ – Tập truyện (hỏi nhóm 3) 1. Khái niệm tập thơ – tập truyện 2. Cách phân loại tập thơ – tập truyện 3. Cách đặt nhan đề cho một tập thơ – tập truyện Tiểu thuyết (hỏi nhóm 4) 1. Phương thức biểu đạt 2. Đặc điểm cơ bản 3. Mạch truyện kể (Mạch truyện kể, Tác dụng của mạch truyện kể) 4. Nhân vật (Nhân vật trung tâm: Khái niệm, phân loại, Nhân vật phụ) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc Tri thức tổng quát trong SGK thảo luận theo nhóm, hoàn thiện các phiếu học tập Nhóm 1: Thơ Nhóm 2: Truyện ngắn Nhóm 3: Tập thơ và tập truyện ngắn Nhóm 4: Tiểu thuyết Bước 3: Báo cáo sản phẩm - HS tái hiện tri thức tổng quát bằng hình thức tọa đàm SẮC MÀU VĂN CHƯƠNG Thành phần tham gia: - MC - 4 HS đại diện 4 nhóm là chuyên gia trong từng lĩnh vực: + Nhà nghiên cứu thơ (đại diện nhóm 1) + Nhà nghiên cứu truyện ngắn (đại diện nhóm 2) + Biên tập viên của nhà xuất bản văn học-Tập thơ và tập truyện ngắn (đại diện nhóm 3) + Nhà nghiên cứu tiểu thuyết (đại diện nhóm 4) - Sau tọa đàm đại diện các nhóm lần lượt treo kết quả sản phẩm đã hoàn thiện (KT phòng tranh) - HS khác quan sát, nhận xét thông qua bảng kiểm (GV in cho HS trước) Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện - GV nhận xét và chuẩn kiến thức.	2.1.4. Tiểu thuyết (Phiếu 4 bên dưới)
--	--

PHIẾU 1: TÌM HIỂU VỀ THƠ

Khái niệm		Thơ là dạng thức tổ chức ngôn từ nghệ thuật biểu cảm, có nhạc tính, gần với lời ca, tiếng hát, phân biệt với văn xuôi vốn sử dụng ngôn từ gần với lời nói thông thường
Ngôn từ trong thơ	Cách tổ chức ngôn từ	Thể giới nghệ thuật thơ được kiến thiết bởi những hình ảnh, sắc màu sinh động, giàu tính biểu trưng với những phép chuyển nghĩa, những kết hợp ngôn từ ẩn tượng, được "lạ hoá", khơi gợi liên tưởng phong phú
	Đặc điểm ngôn từ trong thơ	đa nghĩa, có nhiều hàm ý (Ý thơ thường hàm súc, cô đọng, xúc cảm trong thơ thường được dồn nén)
Đặc trưng thơ		thơ có khả năng diễn tả những suy tư, tình cảm mãnh liệt hoặc những rung cảm tinh tế, phức tạp, đôi khi mơ hồ, khó lí giải

		của con người đối với những hiện tượng xảy ra trong cuộc sống
Phân loại	Về loại hình sáng tác	- thơ trữ tình - thơ tự sự (sử thi, truyện thơ,...), - kịch thơ, - hoạt cảnh thơ.
	Về dung lượng	- bài thơ nhỏ - trường ca
	Về thể thơ	- thơ có tính luật định như thơ lục bát, song thất lục bát, các thể thơ Đường luật, thơ xon-nê, thơ hai-cư,... - thơ tự do, - thơ văn xuôi
	Về đề tài	- thơ ngụ tình (tình cảm giữa con người với con người, với gia đình, quê hương, Tổ quốc,...), - thơ thuyết lí (suy tư về những triết lí nhân sinh, đạo đức,...), - thơ tả cảnh (thể hiện cảm xúc trước một cảnh thiên nhiên, hay khung cảnh nào đó), - thơ tức sự (thể hiện cảm xúc, suy tư trước một sự việc, hiện tượng, một tình huống cuộc sống nào đó) - những dạng phức hợp của các đề tài trên.

PHIẾU 2: TÌM HIỂU VỀ TRUYỆN NGẮN

Phương thức biểu đạt	Tự sự
Hình thức thể hiện	Văn xuôi, ngắn gọn, súc tích
Đặc điểm cơ bản	Tập trung cao độ vào một câu chuyện diễn ra trong một không gian, thời gian dồn nén, trong đó có thể có một tình huống truyện được "lạ hoá" đến bất thường với một biến cố làm thay đổi cuộc sống của nhân vật.
Cách thức tổ chức	- Hệ thống tình tiết, chi tiết trong truyện ngắn cô đúc - Truyện ngắn thường ít nhân vật, ít sự kiện phức tạp - Tổ chức đơn tuyến, nếu có mở rộng cũng là theo nguyên tắc liên tưởng, tương phản, có thể tinh lược những móc nối, những dẫn dắt.
Sức khái quát của truyện ngắn	Phông nền, bối cảnh có thể gợi liên tưởng bao quát từ một lát cắt cuộc sống đến cả một đời người, một thời đại, một mô hình cuộc sống.

PHIẾU 3: TÌM HIỂU VỀ TẬP THƠ VÀ TẬP TRUYỆN NGẮN

Tiêu mục	Tập thơ	Tập truyện ngắn
Khái niệm	Tập hợp nhiều bài thơ (có thể xen lẫn cả trường ca) trong một cuốn sách làm thành tập thơ.	Tập hợp nhiều truyện ngắn trong một cuốn sách làm thành tập truyện ngắn
Phân loại	- Tập thơ của một tác giả có thể được chính tác giả hay người biên soạn, nhà xuất bản tuyển lựa theo các tiêu chí khác nhau: thời gian, địa điểm, giai đoạn sáng tác, hoặc loại hình tác phẩm (thể thơ, đề tài, chủ đề, cảm hứng, hình tượng,...). - Tập thơ của nhiều tác giả được nhóm tác giả hay người biên soạn, nhà xuất bản tuyển lựa theo tiêu chí giai đoạn lịch sử, thời đại, thành phần xã hội, lứa tuổi, giới tính, trào lưu, trường phái, theo tiêu chí loại hình tác phẩm (thể thơ, đề tài, chủ đề, cảm hứng, hình tượng,...).	- Tập truyện ngắn của một tác giả là kết quả tuyển lựa của chính tác giả hay người biên soạn, nhà xuất bản theo các tiêu chí: thời gian, địa điểm, giai đoạn sáng tác,...; loại hình tác phẩm (loại truyện, đề tài, chủ đề, cảm hứng, hình tượng,...) - Tập truyện ngắn của nhiều tác giả được chính nhóm tác giả hay người biên soạn, nhà xuất bản tập hợp theo tiêu chí giai đoạn lịch sử, thời đại, thành phần xã hội, lứa tuổi, giới tính, trào lưu, trường phái,... hay tiêu chí loại hình tác phẩm (loại truyện, đề tài, chủ đề, cảm hứng, hình tượng,...)
Nhan đề	- Nhan đề của tập thơ có thể được đặt theo tên một bài thơ, trường ca tiêu biểu nhất, cũng có thể được đặt theo tiêu chí lựa chọn dựa vào tính tiêu biểu của tác phẩm. Vì vậy, nhiều tập	- Nhan đề của tập truyện ngắn có thể lấy theo nhan đề một truyện nào đó từng được dư luận tán thưởng rộng rãi, cũng có thể lấy tên chung là

thơ có tên là <i>Tuyển tập</i> . - Một tập thơ có khi mang tên một bài thơ, trường ca tiêu biểu được chọn đưa vào sách, nhưng cũng có khi mang tên mới, được đặt trong quá trình làm sách, không gắn với bài cụ thể nào, miễn sao bao quát được vấn đề, khía cạnh chung nào đó của cả tập.	<i>Tuyển tập</i> (theo tiêu chí đã được xác định từ trước). - Nhan đề của tập truyện ngắn có thể là tên một truyện nổi bật, cũng có thể là một tên mới được đặt ra dựa vào điểm chung nào đó giữa các truyện.
---	--

PHIẾU 4: TÌM HIỂU VỀ TIỂU THUYẾT

Phương thức biểu đạt			Loại hình tự sự cỡ lớn
Đặc điểm cơ bản			- Có khả năng tạo nên một thế giới nghệ thuật hư cấu bao quát thời gian, không gian sống của nhiều nhân vật. - Có thể bao quát cả cuộc sống cộng đồng, nhưng bao giờ cũng tập trung sự chú ý vào những khía cạnh như cuộc sống sinh hoạt thường ngày, những suy tư, trăn trở, những biến động tâm lí, tính cách của con người đời tư được miêu tả như người đương thời, gần gũi với người đọc.
Mạch truyện kể	Mạch truyện kể		Mạch truyện kể của tiểu thuyết thường được ngắt thành các chương (hồi) hay được phân ra thành phần, quyển, tập
	Tác dụng của mạch truyện kể		- Giúp tác giả dễ dàng chuyển từ tuyến truyện này sang tuyến truyện khác, từ nhân vật này sang nhân vật khác, thay đổi giọng kể, điểm nhìn, tạo tương phản đối sánh, trì hoãn hoặc tăng tốc độ sự kiện, hành động, tạo nhịp điệu cho mạch truyện kể.
Nhân vật	Nhân vật trung tâm	Khái niệm	Là nhân vật đóng vai trò quan trọng trong việc thể hiện tư tưởng chủ đề của tác phẩm
		Phân loại	- Trường hợp tiểu thuyết chỉ có một nhân vật trung tâm, câu chuyện về nhân vật trung tâm đó sẽ đóng vai trò chủ đạo trong cốt truyện - Trường hợp tác phẩm có đến mấy nhân vật trung tâm thì tương quan giữa các nhân vật sẽ cho thấy xung đột cơ bản của tác phẩm hoặc sự đa dạng của những hệ giá trị khác nhau tồn tại đồng thời trong cuộc sống
	Nhân vật phụ		Không tham gia nhiều vào vận động chung của cốt truyện, song vẫn có thể ít nhiều đóng vai trò tạo phong nền, bối cảnh, vai trò môi giới, xúc tác cho cốt truyện vận động, góp phần làm nổi bật tư tưởng chủ đề của tác phẩm.

Bảng kiểm đánh giá hoạt động nhóm:

STT	Các tiêu chí	Kết quả	
		Đạt	Không đạt
1	Tinh thần hợp tác nhóm cao		
2	Sản phẩm còn sơ sài, thiếu khoa học		
3	Sản phẩm có chất lượng, sinh động, hấp dẫn		
4	Phần thể hiện tự nhiên, cuốn hút		

Hoạt động 2.2. PHẦN 1: ĐỌC MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT

a. Mục tiêu:

GV giúp khơi dậy ở HS niềm hứng thú đọc: đọc để tự nhận thức được ý nghĩa, rút ra được các kinh nghiệm cần thiết, từ đó có thể thực hành đọc hiệu quả một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết mà mình lựa chọn theo các bước đã được giới thiệu.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng tổng hợp các kĩ năng để tìm hiểu về cách đọc một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết

- HS hoạt động cá nhân: đọc và thu thập thông tin kết hợp làm việc nhóm

- GV hướng dẫn HS cách thức tìm hiểu và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả trình bày của HS, phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động 2.2.1: Tìm hiểu về cách đọc	I. CÁCH ĐỌC
Hoạt động cá nhân	1. Tìm hiểu hình thức trình bày của cuốn

* **Tìm hiểu hình thức trình bày của cuốn sách**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Khi đọc một cuốn sách, em cần tìm hiểu những thông tin nào? Vì sao?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS: Dựa vào trải nghiệm kết hợp đọc SGK mục 1 tr.70 trả lời nhanh

Bước 3: Báo cáo sản phẩm

- HS trình bày kết quả
- HS khác lắng nghe, bày tỏ quan điểm của mình, nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện

- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

* **Tìm hiểu thông tin khái quát về cuốn sách**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS đọc tập truyện ngắn *Con mèo của Phu-gi-ta* (Foujita) của nhà văn Nguyễn Quang Sáng
- GV hướng dẫn HS nêu thông tin chung về tập truyện ngắn *Con mèo của Phu-gi-ta* (Foujita) của nhà văn Nguyễn Quang Sáng bằng cách điền vào phiếu đọc sách

Nhan đề tập truyện ngắn	
Tác giả	
Xuất xứ tập truyện	
Trình bày trang bìa	
Mục lục	
Phụ lục	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc tập truyện

HS hoàn thành phiếu đọc sách

Bước 3: Báo cáo sản phẩm

- GV trình chiếu một số phiếu đọc
- HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung, hoàn thiện phiếu đọc sách

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện

Kết thúc quá trình đọc, GV lưu ý HS cần ý thức được rằng, thông tin thuộc về hình thức là những điều các em nhất thiết phải nắm vững trước khi đọc từng tác phẩm (đối với tập thơ hoặc tập truyện ngắn) hoặc đọc trọn vẹn cuốn sách (nếu là cuốn tiểu thuyết). Việc nắm một cách sơ sài, thiếu cụ thể, chính xác về những thông tin hình thức có khi dẫn đến nhầm lẫn tập này với tập kia của cùng một tác giả hoặc nhóm tác giả khi đề cập đến cuốn sách được đọc, viết hoặc giới thiệu bằng hình thức thuyết trình.

Hoạt động 2.2.2: Đọc từng tác phẩm cụ thể

Hoạt động nhóm đôi

Gv hướng dẫn HS thảo luận cách đọc và những thông tin cần ghi chép khi đọc cụ thể một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV chia lớp thành 3 nhóm, trong mỗi nhóm

sách

1.1. Những thông tin cần tìm hiểu:

- Nhan đề cuốn sách, tên tác giả, nhà xuất bản, hình ảnh được vẽ/chụp trên bìa 1. Đây là những thông tin tạo nên ấn tượng ban đầu về cuốn sách.

- Năm xuất bản, chân dung tác giả hay phần giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm ở bìa 4 hay các bìa phụ. Thông tin về năm xuất bản có thể làm nảy sinh nhu cầu tìm hiểu sự thay đổi nội dung sách qua các lần xuất bản khác nhau.

- Mục lục được đặt đầu hoặc cuối sách, giúp dễ dàng tra cứu các nội dung trong sách và có được cái nhìn bao quát về cuốn sách (nhờ đọc Mục lục, việc nắm bắt những chủ đề nổi bật của cuốn sách trở nên thuận lợi).

- Lời giới thiệu hoặc Lời nói đầu, Lời tựa: giúp định hướng đọc và tâm thế đọc phù hợp.

Lưu ý: Nhiều tập có lời bạt ở cuối sách, cần đọc phần này để có thêm căn cứ củng cố phần tổng hợp, đánh giá của mình.

1.2. Tìm hiểu thông tin khái quát về cuốn sách tập truyện ngắn *Con mèo của Phu-gi-ta* của nhà văn Nguyễn Quang Sáng

Nhan đề tập truyện ngắn	<i>Con mèo của Phu-gi-ta</i>
Tác giả	Nguyễn Quang Sáng
Xuất xứ tập truyện	Tập truyện ngắn được xuất bản năm 2020, nằm trong tủ sách <i>Tác phẩm chọn lọc</i> của NXB Kim Đồng
Trình bày trang bìa	- Bìa 1 (mặt ngoài bìa trước), bên cạnh tên tác giả, tên tác phẩm, còn có hình minh họa cho truyện ngắn <i>Con mèo của Phu-gi-ta</i> - tên tác phẩm được dùng để đặt cho tập truyện. - Bìa 2 (mặt trong bìa trước) giới thiệu sơ lược về nhà văn Nguyễn Quang Sáng (ảnh chân dung, năm sinh, năm mất, các chức vụ từng đảm nhiệm và các giải thưởng văn học từng được trao). - Bìa 3 (mặt trong bìa sau) giới thiệu một số tác phẩm chính trong sự nghiệp sáng tác của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. - Bìa 4 (mặt ngoài bìa sau) trích một đoạn nhận định của nhà thơ Trần Đăng Khoa về truyện ngắn Nguyễn Quang Sáng.
Mục lục	- Đặt ở đầu sách, - Cho biết tập sách có hai phần: + Phần 1. Bài học tuổi thơ gồm có 9 truyện ngắn;

GV hướng dẫn HS thảo luận cặp đôi cách đọc và những thông tin cần ghi chép khi đọc cụ thể một tập thơ, một tập truyện hoặc một tiểu thuyết			
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ			
Thao tác 1: HS thảo luận chia sẻ cặp đôi hoàn thành nhiệm vụ			
Thao tác 2: Tạo lập nhóm mới với 3 thành viên tổ hợp từ các nhóm thơ, truyện, tiểu thuyết ban đầu tiếp tục trao đổi, phản biện			
Bước 3: Báo cáo sản phẩm			
- GV trình chiếu một số phiếu đọc			
- HS quan sát, nhận xét, bổ sung, hoàn thiện phiếu đọc sách			
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện, chuẩn kiến thức			

	+ Phần 2. Thế võ gồm 11 truyện ngắn. + Cuốn sách có 232 trang, khổ sách 14cmx22,5 cm.		
Phụ lục	- Bài <i>Một hơi ấm</i> - một tài sản quý báu do nhà thơ Hữu Thịnh viết, chủ yếu ghi lại những kỉ niệm với Nguyễn Quang Sáng - Một vài cảm nhận về sáng tác của nhà văn.		

2. Đọc từng tác phẩm cụ thể

2.1. Đọc từng bài trong tập thơ

2.1.1. Cách đọc

- Đọc các bài thơ theo thứ tự trong tập để tiện theo dõi và ghi chép những thông tin cần thiết, thuận lợi cho việc tổng hợp đánh giá ở phần sau
- Với tập thơ có tên trùng với tên một bài thơ trong tập, nên đọc trước bài thơ đó để có được hình dung sơ lược về nội dung, cảm hứng chung của tập thơ.
- Đọc lướt một số bài thơ bất kì để có ấn tượng ban đầu về tập thơ trước khi đi vào đọc kĩ từng bài.
- Nếu tác phẩm có thêm kênh hình (tranh, ảnh minh họa) thì cần nối kết giữa nội dung của văn bản với hình ảnh để cảm nhận ý nghĩa và sức gọi tả, sự biểu cảm của những hình ảnh gắn với từng văn bản.

2.1.2. Các thông tin cần ghi chép khi đọc

Phiếu đọc tập thơ

Năm xuất bản			
Số lượng bài thơ			
Điểm nhất quán của tập thơ			
Ghi chép về các bài thơ trong tập	Bài 1	Thế thơ	
		Số câu thơ	
		Đề tài, chủ đề, thông điệp	
		Mạch cảm hứng xuyên suốt bài thơ	
		Những nét nổi bật về nghệ thuật	
	Bài 2	Thế thơ	
		Số câu thơ	
		Đề tài, chủ đề, thông điệp	
		Mạch cảm hứng xuyên suốt bài thơ	
		Những nét nổi bật về nghệ thuật	
Bài n			

2.2. Đọc từng tác phẩm trong tập truyện ngắn

2.2.1. Cách đọc

Hoạt động 2.2.3: Đánh giá chung về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết

Hoạt động nhóm đôi

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS đánh giá chung về tập thơ *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi qua phiếu đánh giá

Giá trị của <i>Quốc âm thi tập</i> của Nguyễn Trãi	
Số lượng bài thơ trong tập	
Bố cục của tập thơ	

- Đọc tuần tự từng tác phẩm theo sắp xếp của người biên soạn.
- Đọc lướt một số truyện để có cảm nhận chung, sau đó đọc kĩ từng truyện và ghi chép cụ thể các thông tin cần thiết.

2.2.2. Các thông tin cần ghi chép khi đọc

Phiếu đọc tập truyện ngắn

Năm xuất bản	
Số lượng truyện	
Điểm nhất quán của tập truyện	
Nội dung chính của các truyện trong tập	Truyện 1 Truyện 2 Truyện 3

2.3. Đọc cuốn tiểu thuyết

- Đọc theo chương, phần hoặc mạch truyện. Hình dung về bối cảnh trong truyện, các tuyến nhân vật và diễn biến hành động của từng tuyến nhân vật (nhân vật chính, nhân vật trung tâm và các nhân vật phụ,...); các sự kiện (thắt nút, cao trào, mở nút); cách kể chuyện và miêu tả của tác giả. Nếu cốt truyện phức tạp, khó nhớ, có thể tóm tắt theo từng đoạn. Có thể vẽ sơ đồ để nắm bắt được cốt truyện một cách bao quát.

- Trong khi đọc, có thể lấy ra những sự việc, chi tiết tiêu biểu và nêu những ấn tượng, nhận xét ban đầu về chúng.

- Luôn chú ý hình dung và nắm bắt được cảm hứng sáng tạo, quan điểm nhìn nhận, đánh giá con người, sự việc của nhà văn, chú ý nét ổn định và sự biến hóa trong cách kể, tả mà nhà văn đã thể hiện để có cơ sở nhận xét chung về bút pháp, phong cách nghệ thuật của người viết.

Phiếu đọc tiểu thuyết

Năm xuất bản	
Đề tài	
Tóm tắt cốt truyện	
Nhân vật chính	
Nhân vật phụ	
Người kể chuyện	

2.2.3. Đánh giá chung về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một cuốn tiểu thuyết

- Đánh giá chung về tập thơ *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi

Phiếu đánh giá *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi

Giá trị của <i>Quốc âm thi tập</i> của Nguyễn Trãi	<i>Quốc âm thi tập</i> - tập thơ đầu tiên viết bằng tiếng Việt (sử dụng chữ Nôm) trong lịch sử sáng tác thơ văn của người Việt
Số lượng bài thơ trong tập	<i>Quốc âm thi tập</i> có 254 bài
Bố cục của tập	Theo sắp xếp của người

Những nội dung chủ yếu của Quốc âm thi tập + Những câu thơ tiêu biểu cho từng nội dung	Nội dung 1		thơ		biên soạn, tập thơ gồm các phần: - Vô đề (không có nhan đề từng bài); - Môn thi lệnh (thời tiết); - Môn hoa mộc (cỏ cây); - Môn cầm thú (thú vật).
	Nội dung 2		Những nội dung chủ yếu của Quốc âm thi tập + Những câu thơ tiêu biểu cho từng nội dung	Thể hiện lòng trung quân, ái quốc	- Một thân lặn quất đường khoa mục, Hai chữ mơ màng việc quốc gia. - Quân thân chưa báo lòng canh cánh. Tình phụ com trời áo cha. (Ngôn chí, bài 7) - Còn có một lòng âu việc nước, Đêm đêm thức nhẩn nẻo sơ chung. (Thuật hứng, bài 23)
	Nội dung 3			Bộc lộ tư tưởng trọng dân, vì dân	- Đồng bào cốt nhục nghĩa càng bền. - Hồ phách phục linh nhìn mấy biết; Dành còn để trợ dân này. (Tùng, bài 3)
	Những nét nổi bật về hình thức nghệ thuật của tập thơ			Cuộc sống đạm bạc nhưng thanh cao, tràn trề thi hứng	- Bữa ăn dầu có dưa muối; Áo mặc nài chi gấm là. Nước dưỡng cho thanh, trì thưởng nguyệt; Đất cày ngô ải, lạnh ương hoa. Trong khi hứng động vừa đêm tuyết, Ngâm được câu thân dặng dặng ca. (Ngôn chí, bài 3) - Đêm thanh hóp nguyệt nghiêng chén; Ngày vắng xem hoa bẻ cây. (Ngôn chí, bài 10) - Thừa chỉ ai rằng thì khó ngặt? Túi thơ chứa hết mọi giang san. (Tự thán, bài 2)
	Khái quát			Yêu thiên nhiên	- Nước biếc non xanh thuyền gối bãi; Đêm thanh nguyệt bạc khách lên lầu. (Bảo kính cảnh giới, bài 26) - Hương cách gác vân thu lạnh lạnh;

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS thảo luận chia sẻ cặp đôi

Bước 3: Báo cáo sản phẩm

- Đại diện một số nhóm trình bày kết quả thảo luận
- Các HS khác chú ý quan sát, nhận xét qua Bảng kiểm đánh giá kết quả thảo luận của các nhóm

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện, chuẩn kiến

GV lưu ý: Sau khi đọc từng tác phẩm (có ghi chép những thông tin cơ bản), HS hệ thống hoá lại bằng cách khái quát những nét chung nhất ở từng phương diện của nhiều tác phẩm trong tập.

			Thuyền kê bãi tuyết nguyệt chênh chênh. (Bảo kính cảnh giới, bài 31) - Thấy cảnh lòng thơ càng vẩn vút, Một phen tiếc cảnh một phen thương. (Tích cảnh, bài 8)
		Ý thức trau dồi nhân cách, phẩm giá	- Ngõ cửa nho chờ khách đến; Trồng cây đức để con ăn. Được thua phú quý dầu thiên mệnh; Chen chúc làm chi cho nhọc nhằn. (Mạn thuật, bài 5) - Non nước cùng ta đã có duyên, Được nhàn sá dưỡng tính tự nhiên. (Tự thán, bài 4) - Văn chương chép lấy, đôi câu thánh; Sự nghiệp tua gìn, phải đạo trung. Trừ độc trừ tham trừ bạo ngược; Có nhân có trí có anh hùng. (Bảo kính cảnh giới, bài 5)
		Thể hiện triết lí nhân sinh	- Chơi cùng đùa dại nên bầy dại; Kết mấy người khôn học nết khôn. (Bảo kính cảnh giới, bài 21) - Chớ lấy hại người làm ích kỉ; Hãy năng tích đức để cho con. (Bảo kính cảnh giới, bài 22) - Nên thợ nên thầy vì có học; No ăn no mặc bởi hay làm. (Bảo kính cảnh giới, bài 46) Cảnh bắc cảnh nam một cối nên. (Bảo kính cảnh giới, bài 15) - Lẽ có Ngu cảm đàn một tiếng, Dân giàu đủ khắp đòi

		<i>phương.</i> (Bảo kính cảnh giới, bài 43)
	Những nét nổi bật về hình thức nghệ thuật của tập thơ	- Ở nhiều bài thơ, có hiện tượng câu 6 chữ xen câu 7 chữ. Vị trí và số câu 6 chữ rất linh hoạt, biến hoá. Đây là một sáng tạo riêng, in đậm dấu ấn tài năng của Nguyễn Trãi. - Bên cạnh những hình ảnh thơ có tính ước lệ, nhiều hình ảnh mộc mạc, dân dã, được lấy từ chính cuộc sống gần gũi, quen thuộc, gắn với sinh hoạt hằng ngày của nhà thơ. - Từ ngữ rất phong phú, đa dạng: có từ ngữ học thuật, từ ngữ của đời sống, đặc biệt, tập thơ sử dụng nhiều từ cổ, khá xa lạ với tiếng Việt hiện đại.
	Khái quát	Những đặc điểm nổi bật về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật như đã nêu là những yếu tố làm nên giá trị đích thực của <i>Quốc âm thi tập</i> - tập thơ mở ra một thời đại phát triển cho thơ ca viết bằng tiếng Việt.

- Các khía cạnh đánh giá sau khi đọc tập thơ, tập truyện ngắn, tiểu thuyết:

- + Giá trị chung của tác phẩm (giá trị nội dung tư tưởng và giá trị nghệ thuật)
- + Những nét riêng, những cái mới của tác phẩm
- + Vị trí của tác phẩm trong sự nghiệp của tác giả
- + Vị trí của tác phẩm trong nền văn học
- + Ý nghĩa của tác phẩm đối với đời sống đương đại

II. THỰC HÀNH ĐỌC

1. Phiếu đọc tập truyện ngắn *Vang bóng một thời* của Nguyễn Tuân

Năm xuất bản	<i>Vang bóng một thời</i> được xuất bản thành sách lần đầu vào năm 1940
Số lượng truyện	Tập sách có 12 truyện.
Điểm nhất quán của tập truyện	Các truyện đều viết về cái đẹp của thời quá khứ, về những con người tài hoa, có tâm hồn nghệ sĩ,

* Đọc tập truyện ngắn <i>Vang bóng một thời</i> của Nguyễn Tuân Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS đọc tập truyện ngắn <i>Vang bóng một thời</i> của Nguyễn Tuân - GV hướng dẫn HS ghi chép nhanh khi đọc tập truyện ngắn <i>Vang bóng một thời</i> của Nguyễn Tuân bằng cách điền vào phiếu đọc sách <table> <tr> <td colspan="2">Năm xuất bản</td><td></td></tr> <tr> <td colspan="2">Số lượng truyện</td><td></td></tr> <tr> <td colspan="2">Điểm nhất quán của tập truyện</td><td></td></tr> <tr> <td rowspan="4">Nội dung chính của các truyện trong tập</td><td><i>Chém treo ngành</i></td><td></td></tr> <tr> <td><i>Chữ người tử tù</i></td><td></td></tr> <tr> <td><i>Chén trà trong sương sớm</i></td><td></td></tr> <tr> <td><i>Đánh thơ</i></td><td></td></tr> </table> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc tập truyện ở nhà trước HS thảo luận chia sẻ cặp đôi hoàn thành phiếu đọc sách tại lớp dựa trên kết quả đã đọc trước ở nhà Bước 3: Báo cáo sản phẩm GV hướng dẫn HS tìm bạn để tạo cặp đôi mới, phân biện cho nhau GV trình chiếu một số phiếu đọc HS quan sát, nhận xét, bổ sung, hoàn thiện phiếu đọc sách Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện, chuẩn kiến thức		Năm xuất bản			Số lượng truyện			Điểm nhất quán của tập truyện			Nội dung chính của các truyện trong tập	<i>Chém treo ngành</i>		<i>Chữ người tử tù</i>		<i>Chén trà trong sương sớm</i>		<i>Đánh thơ</i>		
Năm xuất bản																				
Số lượng truyện																				
Điểm nhất quán của tập truyện																				
Nội dung chính của các truyện trong tập	<i>Chém treo ngành</i>																			
	<i>Chữ người tử tù</i>																			
	<i>Chén trà trong sương sớm</i>																			
	<i>Đánh thơ</i>																			
Nội dung chính của các truyện trong tập	<i>Chém treo ngành</i>	về những đồ vật như có lai lịch, số phận riêng, ... Tất cả các truyện đều được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ ba. Truyện kể về một đao phủ có tên là Bát Lê - người có biệt tài chém treo ngành, tức là chém đầu người chỉ một nhát mà đầu vẫn không lìa hẳn vì còn dính một lần da cổ. Tuy đã về hưu, nhưng Bát Lê vẫn được quan Tổng đốc mời ra tập lại ngón nghề để “biểu diễn” chém đầu 12 tử tù cho quan Công sứ người Pháp xem. Bát Lê đã hoàn thành bài “biểu diễn” chém treo ngành một cách hoàn hảo.																		
	<i>Chữ người tử tù</i>	Nhà ngục tỉnh Sơn đón một tốp tù nhân bị khép vào tội phiến loạn chống lại triều đình. Người đứng đầu đám tử tù đó là Huân Cao - một người khí phách hiên ngang và có tài viết chữ đẹp. Mặc dù rất coi khinh lũ quan lại giữ tù, nhưng trước ngày ra pháp trường chịu án chém, “cảm cái tấm lòng biệt nhơn liên tài” của quản ngục, Huân Cao đã thay đổi thái độ. Trong đêm cuối trước khi bị giải đi, nơi nhà tù, dù thân bị gông xiềng, Huân Cao vẫn viết những dòng chữ cuối cùng tặng cho quản ngục, trước sự xúc động của quản ngục và viên thơ lại																		
	<i>Chén trà trong sương sớm</i>	Kể về cụ Ấm - một ông già có lối sống thanh cao. Sáng nào, cụ cũng dậy sớm nhóm lửa lò, đặt ấm nước sôi, pha trà một cách công phu, cùng người con trai cả thưởng thức trà tàu, đọc những vần thơ hay đoạn văn chiêm nghiệm và xưng tụng về trà.																		
	<i>Đánh</i>	Chuyện về ông Phó Sứ -																		

* Đọc tiểu thuyết *Mùa lá rụng trong vườn* của Ma Văn Kháng

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV hướng dẫn HS tự đọc ở nhà theo hình thức đọc cá nhân hoặc đọc theo nhóm.
- GV hướng dẫn HS ghi chép các thông tin vào một phiếu đọc sách theo mẫu sau:

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Người đọc: **Lâm Minh A**

I. Thông tin chung về tác phẩm	1. Tên tác phẩm	
	2. Thể loại	
	3. Tác giả	
	4. Nhà xuất bản	
	5. Nơi xuất bản	
	6. Năm xuất bản:	
	7. Số trang	
	8. Khổ	
II. Thông tin cụ thể	1. Chủ đề	
	2. Bối cảnh	
	3. Cốt truyện	
	4. Hệ thống nhân vật	
	5. Hình tượng nổi bật	
	6. Cách kể	
III. Ấn tượng chung của người đọc		

thơ

chức quan nhỏ coi lăng và cô Mộng Liên - một ca nữ tài sắc, kết thành một cặp vợ chồng, ngao du sơn thủy, rủ vãn nhân tài tử trong thiên hạ đánh bạc bằng cách đoán chữ bị bỏ trống trong các câu thơ cổ. Ông Phó Sứ trúng gió chết trên đường đi, để lại cô Mộng Liên góa bụa.

2. Phiếu đọc tiểu thuyết *Mùa lá rụng trong vườn* của Ma Văn Kháng

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Người đọc: **Lâm Minh A**

I. Thông tin chung về tác phẩm

1. Tên tác phẩm:	<i>Mùa lá rụng trong vườn</i>
2. Thể loại	Tiểu thuyết
3. Tác giả	Ma Văn Kháng
4. Nhà xuất bản	Phụ nữ
5. Nơi xuất bản	Hà Nội
6. Năm xuất bản:	2017
7. Số trang	424
8. Khổ	14,5 x 20,5 cm

II. Thông tin cụ thể

1. Chủ đề	Vấn đề gia đình và những giá trị truyền thống trong xã hội hiện đại
2. Bối cảnh	- Không gian: đời sống xoay quanh một gia đình ở Hà Nội. - Thời gian: vào những năm đầu thập kỉ 80 của thế kỉ XX.

3. Cốt truyện	Tác phẩm kể về câu chuyện gia đình ông Bằng - một gia đình có nề nếp, gia phong ở Hà Nội. Ông Bằng là người sống theo chuẩn mực đạo đức gia đình truyền thống. Ông có năm người con trai, mỗi người có tính cách và sở phận khác nhau. Anh Tường con cả - là liệt sĩ, Đông: bộ đội về hưu, Luận: nhà báo, Cừ: công nhân từng học nghề ở nước ngoài, Cần: đang du học. Các cô con dâu cũng đẹp người, tốt nết. Nhưng cuộc sống đã tác động dữ dội đến gia đình ông Bằng, làm thay đổi tất cả. Các gia đình riêng của con ông Bằng đều chao đảo, có nguy cơ tan vỡ. Có người đi ngược lại truyền thống tốt đẹp của gia đình, làm những điều ảnh hưởng đến thanh danh cha ông. Rất may, còn có những người như chị Hoài - con dâu trưởng, vợ liệt sĩ, giờ đã có gia đình riêng -
----------------------	---

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận chia sẻ cặp đôi hoàn thành phiếu đọc sách tại lớp dựa trên kết quả đã đọc trước ở nhà

Bước 3: Báo cáo sản phẩm

GV hướng dẫn HS tìm bạn để tạo cặp đôi mới, phản biện cho nhau

GV trình chiếu một số phiếu đọc

HS quan sát, nhận xét, bổ sung, hoàn thiện phiếu đọc sách

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện, chuẩn kiến thức

Cách 2: GV chia lớp thành 3 nhóm (nhóm yêu thơ, nhóm yêu truyện, nhóm yêu tiểu thuyết), mỗi nhóm tự lựa chọn đọc một trong các tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết theo gợi ý CDHT tr.75 hoặc tự chọn theo thống nhất phù hợp nhiệm vụ và hoàn thiện phiếu đọc ở nhà, báo cáo kết quả tại lớp

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc theo hình thức đọc cá nhân kết hợp đọc theo nhóm.

- HS ghi chép các thông tin vào phiếu đọc sách theo mẫu

Bước 3: Báo cáo sản phẩm

- Đại diện một số nhóm trình bày kết quả đọc dưới hình thức một buổi Sinh hoạt Văn học

Thành phần tham dự gồm có:

+ MC

+ Đại diện người yêu thơ

+ Đại diện người yêu truyện

+ Đại diện người yêu tiểu thuyết

Các thành viên chia sẻ thành quả đọc những tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết mà cá nhân hoặc nhóm đã đọc, thảo luận, chia sẻ

- Các HS khác chú ý quan sát, nhận xét qua Bảng kiểm đánh giá kết quả đọc của các nhóm

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện, chuẩn kiến

	vẫn duy trì quan hệ tình nghĩa với gia đình chồng cũ; như Phượng, vợ Luận, lo chèo chống để giữ gìn tổ ấm gia đình;... Sau những biến động, chao đảo, mọi người trong gia đình nhận ra “Sống theo luân lý đạo đức dân tộc sướng hơn sống theo vô luân, buông thả”.
4. Hệ thống nhân vật	- Các nhân vật chủ yếu là người trong gia đình, được miêu tả ở những mức độ khác nhau. - Bên cạnh các nhân vật được miêu tả kĩ, xuất hiện nhiều như ông Bằng, chị Hoài, Đông, Lí, Phượng,... là những nhân vật xuất hiện mờ nhạt hơn như Cầm, Cừ, vợ con Cầm. - Tất cả đều góp phần làm nổi bật cảm hứng chủ đạo và chủ đề tác phẩm.
5.Hình tượng nổi bật	- Ông Bằng, một người luôn duy trì lối sống chuẩn mực; - Chị Hoài, người phụ nữ đẹp mặn mà, phúc hậu, sống tình nghĩa thủy chung; - Đông, người lính trở về, an phận, đơn giản hoá mọi chuyện, không thích ứng được với những thay đổi của cuộc sống; - Lí, người đàn bà đẹp, khát khao sống mãnh liệt, nhiều đam mê, bỏ gia đình đi theo tiếng gọi của dục vọng;....
6.Cách kể	- Cách kể linh hoạt, biến hoá nhờ sự thay đổi điểm nhìn; - Thành công trong miêu tả tâm lí nhân vật và tả cảnh sinh hoạt; - Lời văn bình luận đậm tính luận đề
III. Ấn tượng chung của người đọc	
Cuốn tiểu thuyết là tiếng nói tâm huyết khẳng định những giá trị văn hoá gia đình truyền thống. Đây cũng là quan điểm của tác giả (thể rõ nhất qua lời người kể chuyện, qua thái độ, tình cảm với các nhân vật)	

Bảng kiểm đánh giá kết quả đọc của cá nhân hoặc nhóm

STT	Tiêu chí	Mức	
		Đạt	Chưa đạt
1	Chọn tập thơ/truyện/tiểu thuyết phù hợp, có sức lan tỏa rộng rãi trong cộng đồng, giàu giá trị nhân văn, giá trị nghệ thuật		
2	Có nhiều phát hiện sâu sắc, thú vị về tập thơ/truyện/tiểu thuyết		
3	Các phát hiện được trình bày khoa học, khéo léo kết hợp kênh tiếng, kênh hình		
4	Cách thể hiện sản phẩm đọc thông minh, hấp dẫn, tự tin		

Hoạt động 2.3. PHẦN 2: VIẾT BÀI VỀ MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT

a. Mục tiêu: GV giúp HS: từ việc xác định mục đích của việc viết bài giới thiệu về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết, HS biết được các hướng trình bày bài viết của cá nhân (theo hướng nghiên cứu, phê bình; theo hướng thưởng thức, trải nghiệm; theo hướng giới thiệu, quảng bá - hướng nào cũng có ý nghĩa, giá trị và điểm thú vị riêng).

b. Nội dung hoạt động:

- Vận dụng tổng hợp các kĩ năng để tìm hiểu về viết bài giới thiệu về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết
- HS hoạt động cá nhân: đọc và thu thập thông tin kết hợp làm việc nhóm
- GV hướng dẫn HS cách thức tìm hiểu và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả trình bày của HS, phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV – HS	Dự kiến sản phẩm										
* Hoạt động 2.3.1: Xác định mục đích viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS lựa chọn tác phẩm để viết - HS xác định mục đích, “vai” và kiểu loại văn bản sẽ sử dụng bằng cách hoàn thành phiếu học tập: <table border="1"> <tr> <td>Họ và tên</td><td></td></tr> <tr> <td>Tên Tập thơ/truyện, tiểu thuyết</td><td></td></tr> <tr> <td>Mục đích viết bài</td><td></td></tr> <tr> <td>“Vai”</td><td></td></tr> <tr> <td>Kiểu loại văn bản sẽ sử dụng</td><td></td></tr> </table> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS hoàn thiện phiếu học tập Bước 3: Báo cáo kết quả - GV trình chiếu một số phiếu theo các thể loại khác nhau hoặc cùng một tập thơ/truyện, tiểu thuyết nhưng mục đích viết khác nhau Bước 4: Nhận xét, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá “gu” đọc của HS Lưu ý: Nếu HS gặp khó khăn trong việc xác định mình phù hợp với “vai” nào, khi ấy GV có thể cùng HS chia sẻ về một vài chi tiết trong tác phẩm mà HS đọc, qua đó nhận biết được ưu thế của HS để có những tham vấn phù hợp. * Hoạt động 2.3.2: Tìm hiểu một số cách viết bài về một tập thơ, một tập	Họ và tên		Tên Tập thơ/truyện, tiểu thuyết		Mục đích viết bài		“Vai”		Kiểu loại văn bản sẽ sử dụng		I. Mục đích viết 1. Mục đích: - Nghiên cứu văn học - Thưởng thức, rung cảm, tri âm - Giới thiệu, quảng bá 2. “Vai” phù hợp với các mục đích khác nhau: - “Vai” nhà nghiên cứu, phê bình - “Vai” người thưởng thức, tri âm - “Vai” người giới thiệu, quảng bá 3. Kiểu loại văn bản: - Văn bản nghị luận - Văn bản biểu cảm - Văn bản thông tin II. Một số cách viết bài về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết 1. Kiểu bài viết theo hướng nghiên cứu văn học
Họ và tên											
Tên Tập thơ/truyện, tiểu thuyết											
Mục đích viết bài											
“Vai”											
Kiểu loại văn bản sẽ sử dụng											

truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết

* Phân tích văn bản tham khảo:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS đọc cá nhân ở nhà tập truyện *Gió lạnh đầu mùa* của Thạch Lam; tập truyện ngắn *Chân trời cũ* của Hồ Dzếnh; tập *thơ - họa* của Quang Dũng

Sau đó tham khảo bài *tựa* cho tập truyện ngắn *Gió lạnh đầu mùa* của Thạch Lam do Khái Hưng viết; bài viết của Vương Trí Nhàn về tập truyện của Hồ Dzếnh trong *Chuyện cũ văn chương* (NXB Văn học, Hà Nội, 2001, tr. 89 - 91); bài viết do Chu Hồng Tiến, viết về tập *thơ - họa Nhà thơ Quang Dũng - khúc song hành thơ và họa* (in trên báo *Thể thao và văn hoá*, ngày 13/11/2020)

GV chia lớp thành 3 nhóm để thực hiện nhiệm vụ:

+ Nhóm 1: Về bài *tựa* cho tập truyện ngắn *Gió lạnh đầu mùa* của Thạch Lam do Khái Hưng viết, HS đọc, hoàn thành phiếu

1. Về bài <i>tựa</i> cho tập truyện ngắn <i>Gió lạnh đầu mùa</i> của Thạch Lam
--

Quan niệm của tác giả Khái Hưng về truyện ngắn của Thạch Lam
--

Đặc điểm những câu chuyện được kể trong tập truyện
--

Đánh giá của tác giả về phẩm chất thành thực trong truyện ngắn của Thạch Lam
--

Những nét tạo nên “phương diện chủ quan” trong truyện của Thạch Lam

Nhận diện đặc điểm của “kiểu nhà văn” Thạch Lam

Đặc điểm con người Thạch Lam ngoài đời và trong văn chương
--

2. Về kiểu bài viết theo hướng nghiên cứu văn học

Đặc điểm và yêu cầu

+ Nhóm 2: Về bài viết của Vương Trí Nhàn về tập truyện của Hồ Dzếnh, HS đọc, hoàn thành phiếu

1. Về bài viết của Vương Trí Nhàn về tập truyện của Hồ Dzếnh
--

Sự đồng cảm của người viết với tác giả Hồ Dzếnh và tập <i>Chân trời cũ</i>
--

Mối quan hệ giữa văn và đời

Giọng điệu của bài viết

1.1. Phân tích văn bản tham khảo

1.1.1. Những nội dung nổi bật của tập truyện *Gió lạnh đầu mùa* của Thạch Lam

- Thạch Lam thường viết về những chuyện giản dị, những cái xảy ra hằng ngày với sự thành thực đến mức trở nên can đảm

- Sự rung động của ngòi bút Thạch Lam và khả năng tác động mạnh mẽ đến người đọc;

- Sự tinh tế của bút pháp thiên về cảm giác của Thạch Lam.

1.1.2. Dàn ý của bài viết

* **Mở đầu:**

- Giới thiệu quan niệm về truyện ngắn của Thạch Lam - tác giả tập truyện *Gió lạnh đầu mùa*.

- Đặc điểm xuyên suốt tập truyện (viết về những chuyện giản dị, những cái xảy ra hằng ngày, không cần đến những tình tiết ngoắt ngoéo).

* **Triển khai:**

- Sự thành thực đến mức trở nên can đảm trong văn Thạch Lam (nêu và phân tích truyện *Ngày mới*, *Một cơn giận* để chứng minh).

- Những rung động của ngòi bút Thạch Lam và khả năng tác động của nó đến người đọc (làm rõ bằng các truyện *Gió lạnh đầu mùa*, *Trở về*, *Những ngày mới*).

- Thiên về cảm giác - một đặc điểm nổi bật trong bút pháp truyện ngắn Thạch Lam (phân tích sự tinh tế của việc miêu tả cảm giác nhân vật trong truyện *Nhà mẹ Lê* và *Trở về*).

* **Kết bài:** Nhận định về sự kết nối giữa con người thực ngoài đời của Thạch Lam và những nhân vật trong sáng tác của ông.

1.1.3. Nhận xét về cách trình bày lí lẽ và bằng chứng của tác giả

- Giọng văn nhẹ nhàng, tinh tế,

- Kết hợp nhuần nhuyễn giữa việc nêu ý kiến phân tích và trình bày bằng chứng,

- Thể hiện rõ sự thấu hiểu, sự gặp gỡ của những tiếng nói văn chương giữa Thạch Lam và Khái Hưng.

1.1.4. Tác dụng bài viết của Khái Hưng đối với bạn đọc

- Bài giới thiệu có ý nghĩa như một hoạt động “khởi động”, tạo tâm thế, hứng thú cho người đọc, thông tin cho người đọc biết rằng có rất nhiều điều hấp dẫn đang chờ đợi mình khi đọc cuốn sách.

+ Bài *tựa* của Khái Hưng đã đưa chúng ta đến với những điểm nổi bật tạo nên phong cách riêng của Thạch Lam trong văn học Việt Nam lúc bấy giờ.

2. Kiểu bài viết theo hướng thưởng thức, trải nghiệm

2.1. Phân tích văn bản tham khảo

2.1.1. Sự đồng cảm của người viết với tác giả Hồ Dzếnh và tập *Chân trời cũ*:

- Tác giả đã khẳng định những điều làm nên giá trị của cuốn sách chính là sự ghi nhận của độc giả về sức sống lâu bền mà cuốn sách đem lại.

- Mạch văn thiên về cảm nhận, suy ngẫm:

+ Mở đầu, tác giả đã khẳng định giá trị của cuốn sách trong tình yêu tha thiết của bạn đọc;

+ Tiếp đến, tác giả bộc lộ những suy ngẫm của mình về

Tác dụng của bài viết đối với bạn đọc	
2. Về kiểu bài viết theo hướng thưởng thức, trải nghiệm	
Đặc điểm và yêu cầu	
+ Nhóm 3: bài viết do Chu Hồng Tiến, viết về tập <i>thơ – họa Nhà thơ Quang Dũng - khúc sông hành thơ và họa</i> , HS đọc, hoàn thành phiếu	
1. Về bài viết về tập <i>thơ – họa</i> của nhà thơ Quang Dũng	
Những thông tin về cuốn sách	
Những nội dung nổi bật của cuốn sách được tác giả giới thiệu	
Ấn tượng của người đọc về cuốn sách	
Sự độc đáo trong cách trình bày, triển khai của văn bản	
2. Về kiểu bài viết theo hướng giới thiệu, quảng bá	
Đặc điểm và yêu cầu	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS trong từng nhóm thảo luận cặp đôi hoàn thiện sản phẩm

Bước 3: Báo cáo kết quả

- Các nhóm treo sản phẩm lên tường, các nhóm còn lại nối nhau quan sát sản phẩm của nhóm bạn (KT phòng tranh)
- HS các nhóm nhận xét, bổ sung, hoàn thiện sản phẩm

Bước 4: Nhận xét, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức bằng bảng: Đặc điểm và yêu cầu các kiểu bài viết về tập thơ/truyện, tiểu thuyết

những cách tồn tại của một nhà văn trong sự nghiệp văn chương của mình,

+ Qua đó cho thấy Hồ Dzếnh là một nhà văn thuộc kiểu “lơ đãng” nhưng lại sống mãi trong lòng người yêu văn chương, và chỉ qua một tập truyện ngắn *Chân trời cũ* cũng làm nên tên tuổi của Hồ Dzếnh và sự thanh thản trong nụ cười của ông.

- Tất cả những suy ngẫm sâu và rộng ấy được viết bằng sự trải nghiệm, đồng điệu của Vương Trí Nhàn với Hồ Dzếnh - tác giả tập truyện *Chân trời cũ*.

2.1.2. Mối quan hệ giữa văn và đời, ưu điểm trong cách tiếp cận sáng tác từ góc nhìn của tác giả bài viết:

- Từ sự độc đáo, cá biệt trong cuộc đời mỗi nhà văn cũng như cuộc đời mỗi con người, tác giả suy ngẫm về những cách tồn tại trong cuộc sống và trong văn chương để thấy mỗi con người có những cách tồn tại khác nhau, cũng như mỗi nhà văn có những cách khác nhau để ghi dấu trong lòng độc giả.

- Hồ Dzếnh thuộc loại người “sống như kẻ lơ đãng”, cả một đời văn thu gọn trong một vài quyển sách mà “cứ sống mãi trong lòng người yêu văn chương”.

2.1.3. Cách tiếp cận sáng tác của nhà văn từ góc nhìn của tác giả bài viết đã mở ra cho người đọc một hướng tiếp nhận tập truyện *Chân trời cũ*: đó không chỉ là văn chương mà còn là những gì được chất lọc từ cuộc đời của nhà văn, một tác phẩm viết từ khi nhà văn còn rất trẻ nhưng lại có một sức sống thật lâu bền, một *Chân trời cũ* nhưng không bao giờ cũ.

2.1.4. Nhận xét về giọng điệu của bài viết và sự phù hợp của nó với đối tượng được nói tới:

- Vương Trí Nhàn đã dành cho Hồ Dzếnh thái độ trân trọng với những suy ngẫm, chiêm nghiệm về cuộc đời, về văn chương, về thái độ tự nhiên, an nhiên của Hồ Dzếnh trong cuộc đời

- Bài viết hàm súc, dòn chứa những suy tư sâu sắc của tác giả về văn và đời, gợi nhiều ấn tượng và cảm xúc của người đọc về nhà văn.

2.1.5. Tác dụng của bài viết đối với bạn đọc: Khơi gợi niềm cảm hứng cho người đọc về sức sống và sức hấp dẫn của cuốn sách.

3. Kiểu bài viết theo hướng giới thiệu, quảng bá

3.1. Phân tích văn bản tham khảo

3.1.1. Những thông tin về cuốn sách:

- Thông tin về việc phát hành
- Những thông tin về tác giả Quang Dũng
- Nội dung của cuốn sách

3.1.2. Những nội dung nổi bật của cuốn sách được tác giả giới thiệu:

- Giới thiệu những nét nổi bật về cuộc đời và sáng tác của tác giả Quang Dũng trên cả hai phương diện: thơ và họa.

- Kết hợp giới thiệu về các chặng đường trong cuộc đời của Quang Dũng; tính cách, đam mê của nhà thơ; những lí do làm nên điểm đặc sắc và giá trị của những bài thơ, bức họa của Quang Dũng.

3.1.3. Ấn tượng của người đọc về cuốn sách: giới thiệu kết hợp giữa những chi tiết về cuộc đời và thơ ca,

* Tìm hiểu Đặc điểm và yêu cầu của các kiểu bài viết về tập thơ/truyện, tiểu thuyết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS thảo luận theo nhóm hoàn thành Bảng đặc điểm và yêu cầu của các kiểu bài viết về tập thơ/truyện, tiểu thuyết Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS trong từng nhóm thảo luận cặp đôi hoàn thiện sản phẩm Bước 3: Báo cáo kết quả - Các nhóm treo sản phẩm lên tường, các nhóm còn lại nối nhau quan sát sản phẩm của nhóm bạn (KT phòng tranh) - HS các nhóm nhận xét, bổ sung, hoàn thiện sản phẩm Bước 4: Nhận xét, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức, động viên, khuyến khích	hội họa, đặc biệt là một số dẫn chứng về thơ và họa -> đem lại cho người đọc những ấn tượng sâu đậm về cuốn sách. 3.1.4. Sự độc đáo trong cách trình bày, triển khai của văn bản: - Văn bản trình bày dưới dạng là một văn bản thông tin. - Với mục đích chính là cung cấp những thông tin quan trọng về cuốn sách, bài viết đi theo hướng: + Đầu tiên đặt trọng tâm vào việc cung cấp thông tin về ấn phẩm của lần xuất bản này và hình thức bên ngoài cuốn sách, qua đó tạo nên ấn tượng tốt đẹp ban đầu cho người đọc + Tiếp theo bài viết giới thiệu khái quát về những điểm nổi bật tạo nên sức hấp dẫn của cuốn sách về cả hai phương diện thơ và họa; + Đoạn kết là những đánh giá ngắn gọn nhằm tôn vinh giá trị của cuốn sách và tài năng của Quang Dũng. - Hình thức trình bày cũng theo hình thức của văn bản thông tin: sắp xếp nội dung theo những tiêu mục ngắn gọn, nhằm cung cấp những thông tin quan trọng về cuốn sách. - Kết hợp giữa kênh chữ và kênh hình tạo nên nét hấp dẫn riêng của bài viết. 4. Đặc điểm và yêu cầu của các kiểu bài viết về tập thơ/truyện, tiểu thuyết Bảng đặc điểm và yêu cầu của các kiểu bài viết về tập thơ/truyện, tiểu thuyết (bên dưới)
--	---

Bảng đặc điểm và yêu cầu của các kiểu bài viết về tập thơ/truyện, tiểu thuyết

Kiểu bài		Bài viết theo hướng nghiên cứu văn học	Bài viết theo hướng thưởng thức, trải nghiệm	Bài viết theo hướng giới thiệu, quảng bá
Đặc điểm và yêu cầu	Mục đích	Thể hiện cái nhìn bao quát của người viết về những giá trị nổi bật, xuyên suốt làm nên sức hấp dẫn của tác phẩm và thể hiện phong cách của tác giả.	Thể hiện cảm nhận, trải nghiệm về những nét nổi bật của tác phẩm, về tác giả và những gì tạo nên sức hấp dẫn hoặc giá trị thẩm mỹ riêng của cuốn sách	Hướng đến các mục đích đọc sách cũng như giới thiệu sách khác nhau: giới thiệu sách mới, giới thiệu mang tính quảng cáo, thương mại,...
	Yêu cầu	Ngôn ngữ đảm bảo tính khoa học	Ngôn ngữ, giọng điệu giàu cảm xúc	Cần quan tâm đến nhu cầu và đặc điểm của đối tượng

				tiếp nhận để chọn lối viết phù hợp
	Cách triển khai	Thể hiện quan điểm đánh giá khách quan với những bằng chứng phong phú, sát hợp	Cách viết thiên về sử dụng bút pháp trữ tình, với những liên tưởng, suy ngẫm, khơi gợi đến những điều trong và ngoài tác phẩm theo dòng suy nghĩ của người viết.	Có thể tập trung giới thiệu những nội dung nổi bật nhất của cuốn sách hoặc những đặc điểm nổi bật nhất về tác giả, quá trình sáng tác để gây được ấn tượng đậm nét đối với người tiếp nhận
	Thể loại văn bản	Văn bản nghị luận (phân tích, bình luận)	Viết theo kiểu tản văn hoặc tùy bút	Văn bản thông tin đa phương thức (kết hợp kênh chữ và kênh hình)

III. THỰC HÀNH VIẾT

a. Mục tiêu:

- Qua việc tìm hiểu 3 văn bản về 3 hướng triển khai bài viết về một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc một cuốn tiểu thuyết, HS có thể hiểu được cách triển khai, từ đó các em thực hành viết bài.
- Hoạt động này yêu cầu HS tiến hành viết bài giới thiệu về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết đã được lựa chọn từ những phần trước và báo cáo sản phẩm trước nhóm, lớp.

b. Nội dung hoạt động:

- HS viết bài về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết theo một trong các hướng trên.
- Ở hoạt động này, để HS có bài viết đảm bảo chất lượng, phù hợp với điều kiện cụ thể, GV có thể tổ chức cho HS viết bài tại lớp hoặc ở nhà, có thể viết tay hoặc đánh máy bài viết. Đối với bài viết theo hướng quảng bá, phát triển văn hoá đọc, GV có thể khuyến khích HS tạo lập văn bản theo nhóm và theo các hình thức quảng bá sinh động (phối hợp kênh chữ và kênh hình kết hợp âm thanh,...).
- Vận dụng tổng hợp các kĩ năng để viết bài về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết

c. Sản phẩm: Kết quả trình bày của HS, phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Chuẩn bị Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Chọn giới thiệu tác phẩm (tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết ở Phần 1; chọn một trong các hướng giới thiệu ở Phần 2). - Xem lại phiếu đọc sách để hình dung tổng thể Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS chuẩn bị đầy đủ các điều kiện hỗ trợ viết bài về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết Bước 3: Báo cáo kết quả - Một số HS trình bày kết quả chuẩn bị của mình - HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung, hoàn thành nhiệm vụ Bước 4: Nhận xét, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức * Lập dàn ý Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia nhóm theo lựa chọn kiểu	III. THỰC HÀNH VIẾT 1. Chuẩn bị - Tên tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết được lựa chọn - Những thông tin chung về cuốn sách (tên sách, sách của một hay nhiều tác giả, năm xuất bản, xuất xứ, hoàn cảnh ra đời,...) - Những nội dung chính của cuốn sách (theo các đặc điểm của tập thơ, tập truyện ngắn hay tiểu thuyết). - Những cảm nhận, ấn tượng của người đọc về cuốn sách. - Kiểu bài và yêu cầu của cách viết đã lựa chọn 2. Lập dàn ý 2.1. Dàn ý bài viết theo hướng nghiên cứu:

bài viết của HS

- HS theo từng nhóm thảo luận cặp đôi tìm ý, lập dàn ý chung cho bài viết về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết

- Trên cơ sở dàn ý chung, HS lập dàn ý chi tiết theo chủ ý riêng

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận cặp đôi

- Trên cơ sở kết quả thảo luận cặp đôi, HS lập dàn ý chi tiết theo chủ ý riêng

Bước 3: Báo cáo kết quả

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận cặp đôi (theo từng kiểu bài)

- GV chiếu một số dàn ý chi tiết

- HS khác quan sát, nhận xét, bổ sung, hoàn thành nhiệm vụ

Bước 4: Nhận xét, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức, động viên, khuyến khích

*** Viết:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS viết bài dựa trên dàn ý chi tiết đã chuẩn bị

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bài viết có thể do cá nhân hoặc nhóm thực hiện, viết ở lớp hay ở nhà tùy theo yêu cầu và điều kiện cụ thể.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- Sản phẩm đã hoàn thiện: bài viết của HS

- GV trình chiếu hoặc cho HS đọc trước lớp

Bước 4: Nhận xét, đánh giá

- **Mở bài:** Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nhận xét chung về những giá trị nổi bật hoặc những nét đặc sắc tạo nên dấu ấn của tác phẩm.

- **Thân bài:** Trình bày tổng quan về những giá trị nổi bật của tác phẩm hoặc từng khía cạnh đáng chú ý về nội dung và nghệ thuật, mỗi ý được giới thiệu cần có trích dẫn cùng một số phân tích cụ thể (về những ví dụ tiêu biểu) để tạo điểm nhấn.

+ Với tác phẩm truyện ngắn hoặc tiểu thuyết: Chú ý đến đề tài, chủ đề, các tuyến nhân vật, nghệ thuật xây dựng nhân vật, bút pháp hoặc phong cách của tác giả.

+ Với tác phẩm thơ: Chú ý đến mạch cảm xúc, thể giới hình tượng, nghệ thuật xây dựng hình ảnh, bút pháp hoặc phong cách của tác giả.

- **Kết bài:** Đánh giá vị trí của tập thơ hoặc tập truyện ngắn trong sự nghiệp của tác giả và trong nền văn học, nêu những điểm thống nhất trong dư luận của công chúng văn học về sức lôi cuốn của tác phẩm.

2.2. Dàn ý bài viết theo hướng thưởng thức, trải nghiệm

- **Mở bài:** Những ấn tượng đậm nét của người viết về nội dung, nghệ thuật của cuốn sách, về tác giả cuốn sách hoặc một kỉ niệm sâu đậm của cá nhân có liên quan đến tác giả, tác phẩm.

- **Thân bài:** Bộc lộ trực tiếp cảm xúc, suy nghĩ, trải nghiệm của cá nhân người viết về các vấn đề có liên quan trong tác phẩm, qua đó tái hiện những nét nổi bật nhất về nội dung, nghệ thuật hoặc những nét đặc sắc trong phong cách nghệ thuật của tác giả, thể hiện qua các ví dụ tiêu biểu.

- **Kết bài:** Nói về những cảm xúc tiếp nối mà tác phẩm mang lại hay những cảm nhận từ phía độc giả về sức hấp dẫn đặc biệt của tác phẩm.

2.3. Dàn ý bài viết theo hướng giới thiệu, quảng bá

- **Mở bài:** Những thông tin chung về cuốn sách (tác giả, nhà xuất bản, năm xuất bản, số đơn vị tác phẩm trong tập thơ hoặc truyện,...) hoặc những thông tin đặc biệt về cuốn sách (bối cảnh xuất bản, hình thức trình bày,...)

- **Thân bài:** Trình bày những thông tin nổi bật nhất về tác giả, tác phẩm (đề tài phản ánh, thể giới nhân vật, hình tượng, khái quát về giá trị nội dung và nghệ thuật) hoặc quá trình sáng tác có thể gây ấn tượng đậm nét đối với người tiếp nhận.

- **Kết bài:** Khái quát những nét độc đáo tạo nên sức hấp dẫn của tác phẩm đối với người đọc.

Khi tổ chức văn bản, có thể sử dụng một số hình thức quen thuộc của văn bản thông tin như: sa-pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự và dấu gạch đầu dòng trong văn bản. Văn bản hoàn chỉnh thường là văn bản đa phương thức (kết hợp kênh chữ và kênh hình).

3. Viết:

- Chuẩn bị tâm thế, cảm xúc khi viết bài.

- Chú ý khai thác, vận dụng tối đa những tư liệu thu thập được cũng như những ý nảy sinh trong quá trình đọc đã được ghi chép dưới hình thức phiếu.

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức, động viên, khuyến khích

*** Chỉnh sửa, hoàn thiện**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết bằng nhiệm vụ cụ thể sau:

- Kiểm tra độ chính xác của những trích dẫn, kể cả trích dẫn từ văn bản văn học được phân tích, đánh giá, giới thiệu lẫn trích dẫn từ những bài nghiên cứu, giới thiệu mà mình đã tham khảo.

- Soát lại văn bản về phương diện mạch lạc và liên kết, có thể đảo hay sửa lại các phần, các câu văn làm ảnh hưởng đến tính nhất quán của bài viết.

- Cân nhắc chọn các hình ảnh minh họa sao cho bài viết đạt được hiệu quả tác động tối đa.

- Kiểm tra văn bản viết về phương diện chính tả và diễn đạt, đảm bảo cho bài viết đạt được độ chuẩn mực cần có.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS chỉnh sửa bài theo các tiêu chí cụ thể

Bước 3: Báo cáo kết quả

- Đọc và góp ý theo nhóm:

+ Nội dung hoạt động của nhóm được xác định căn cứ vào một trong hai chủ đề trao đổi chính: trao đổi về một kiểu văn bản đã viết (nghị luận, biểu cảm, thông tin) hoặc trao đổi về một thể loại được giới thiệu (tập thơ, tập truyện ngắn, tiểu thuyết).

+ Đọc một bài để cả nhóm cùng theo dõi hoặc các cá nhân trong nhóm đổi bài cho nhau để đọc, nhận xét.

+ Dựa vào hệ thống tiêu chí các loại bài để tự đánh giá hoặc đánh giá bài viết của bạn trong nhóm.

- Chọn bài tiêu biểu để đọc và trao đổi trước lớp.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức, động viên, khuyến khích

GV cung cấp bảng tiêu chí đánh giá bài viết theo các kiểu cụ thể (bảng kiểm hoặc Rubic)

4. Chỉnh sửa, hoàn thiện và báo cáo kết quả

4.1. Tiêu chí nhận xét, đánh giá bài viết theo hướng nghiên cứu:

STT	Tiêu chí	Kết quả	
		Đạt	Không đạt
1	Xác định và trình bày được về những vấn đề trọng tâm của tác phẩm		
2	Thể hiện quan điểm và thái độ của người viết về vấn đề được đề cập.		
3	Sử dụng lí lẽ, bằng chứng phù hợp để triển khai các ý được nêu trong bài viết.		
4	Tổ chức bài văn thành ba phần hợp lí: Mở bài, Thân bài, Kết bài.		
5	Sử dụng các phương thức liên kết để tạo sự liên mạch, nhất quán trong từng đoạn và giữa các đoạn.		
6	Dùng từ, đặt câu đúng; diễn đạt trong sáng, rõ ràng.		
7	Viết đúng chính tả, ngữ pháp, trình bày bài viết đúng quy cách.		

4.2. Tiêu chí nhận xét, đánh giá bài viết theo hướng thưởng thức, trải nghiệm:

STT	Tiêu chí	Kết quả	
		Đạt	Không đạt
1	Bộc lộ được những cảm xúc, suy nghĩ và trải nghiệm cá nhân về tác phẩm.		
2	Làm nổi bật được những nét đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.		
3	Tổ chức bài văn linh hoạt, mở bài và kết bài có tính khơi gợi.		
4	Sử dụng các phương tiện liên kết để tạo sự liên mạch, nhất quán trong từng đoạn và giữa các đoạn.		
5	Sử dụng kết hợp các yếu tố biểu cảm với thuyết minh, nghị luận một cách hiệu quả.		
6	Dùng từ, đặt câu đúng; diễn đạt rõ ràng, trong sáng		
7	Viết đúng chính tả, ngữ pháp, trình bày bài viết đúng quy cách.		

4.3. Tiêu chí nhận xét, đánh giá bài viết theo hướng giới thiệu, quảng bá:

STT	Tiêu chí	Kết quả	
		Đạt	Không

			đạt
	1	Xác định và trình bày, giới thiệu được các thông tin cơ bản về đối tượng.	
	2	Thể hiện được nội dung các thông tin một cách linh hoạt.	
	3	Sử dụng các phương pháp trình bày thông tin hợp lí	
	4	Tổ chức bài văn thành ba phần phù hợp: tương ứng với các phần mở bài, thân bài, kết bài trong kiểu bài viết thông thường.	
	5	Sử dụng các phương tiện liên kết hợp lí để tạo sự liên mạch, nhất quán trong từng đoạn và giữa các đoạn.	
	6	Dùng từ, đặt câu đúng; diễn đạt rõ ràng, trong sáng	
	7	Viết đúng chính tả, ngữ pháp, trình bày bài viết đúng quy cách.	

GV cũng có thể đánh giá bài viết của HS bằng Rubic

Chẳng hạn, sau đây là gợi ý về rubric đánh giá bài viết theo hướng nghiên cứu văn học:

Tiêu chí	8 – 10 (điểm)	5 – 7 (điểm)	1 – 4 (điểm)
Xác định và trình bày vấn đề	Xác định đúng vấn đề trọng tâm và trình bày vấn đề nghị luận rõ ràng, thể hiện được các giá trị nổi bật của tác phẩm được giới thiệu	Xác định đúng vấn đề trọng tâm nhưng triển khai trình bày vấn đề chưa rõ ràng.	Chưa xác định được vấn đề trọng tâm, chưa biết triển khai
Quan điểm và thái độ của người viết	Thể hiện quan điểm và thái độ của người viết về vấn đề được đề cập một cách thuyết phục.	Thể hiện quan điểm và thái độ của người viết, nhưng cách thể hiện chưa thuyết phục.	Chưa thể hiện được quan điểm và thái độ của người viết hoặc quan điểm, thái độ đó chưa được diễn giải.
Sử dụng lí lẽ, bằng chứng	Sử dụng các lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; sử dụng những phương pháp lập luận hiệu quả để triển khai hệ thống luận điểm một cách thuyết phục.	Sử dụng lí lẽ, bằng chứng và một số phương pháp lập luận hiệu quả để củng cố cho các luận điểm nhưng chưa thật hiệu quả.	Chưa biết sử dụng lí lẽ, bằng chứng và một số phương pháp lập luận để củng cố cho các luận điểm
Tổ chức bài viết	Bài viết được tổ chức hoàn chỉnh, các phần của bài viết được cấu trúc chặt chẽ.	Bài viết có đủ ba phần mở bài, thân bài và kết bài nhưng chưa thể hiện rõ yêu cầu của từng phần	Bài viết chưa được tổ chức hoàn chỉnh, các phần không được trình bày rõ ràng.
Sử dụng các phương thức liên kết	Sử dụng chính xác và hiệu quả các phương thức liên kết câu văn đoạn văn, giúp tăng cường khả năng đọc và củng cố mối liên hệ giữa các câu và đoạn văn	Sử dụng các phương thức liên kết câu và đoạn văn một cách phù hợp, giúp người đọc dễ hiểu	Có sử dụng một số phương thức liên kết câu nhưng chưa mạch lạc
Dùng từ, đặt câu	Không mắc lỗi dùng từ diễn đạt đặt câu hoặc chỉ mắc lỗi không đáng kể	Mắc một vài lỗi dùng từ, đặt câu(3-5 lỗi) diễn đạt khá rõ ràng, mạch	Mắc khá nhiều lỗi dùng từ, đặt câu (từ 6 lỗi) hoặc diễn đạt nhiều ý

	(1-2 lỗi), diễn đạt rõ ràng, mạch lạc	lạc	chưa rõ ràng, mạch lạc
Trình bày bài viết	Chữ viết rõ ràng, dễ đọc, trình bày bài chèn chu không mắc lỗi chính tả	Chữ viết đọc được, trình bày bài viết đúng quy cách nhưng mắc 2 - 3 lỗi chính tả	Chữ viết khó đọc, câu thả viết không đúng quy cách, chưa sạch đẹp mắc nhiều lỗi chính tả

Hoạt động 2.4. PHẦN 3: GIỚI THIỆU DƯỚI HÌNH THỨC NÓI VỀ MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT

a. Mục tiêu:

- Bài nói phải đáp ứng mục đích cụ thể của việc giới thiệu cuốn sách (tập thơ, tập truyện ngắn, tiểu thuyết).
- Bài nói thể hiện được đầy đủ các thông tin cơ bản, giúp người nghe nắm được nhan đề, tác giả, nhà xuất bản, năm xuất bản, lần xuất bản/ tái bản, những nét chính về nội dung và nghệ thuật,... của tập thơ, tập truyện ngắn hoặc cuốn tiểu thuyết.
- Ngoài ra, như tất cả các bài nói, bài giới thiệu về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết cần có sức hấp dẫn, lôi cuốn, tác động tích cực đến người nghe.

b. Nội dung: HS phối hợp làm việc nhóm

c. Sản phẩm: Tài liệu nghiên cứu của HS/nhóm HS

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Công tác chuẩn bị và lựa chọn cách thức thực hiện Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS thực hiện trước ở nhà: - Tình huống 1: Sử dụng kết quả của bài viết đã thực hiện ở phần Viết. GV hướng dẫn HS tóm tắt bài viết và xây dựng thành đề cương. HS dựa vào dàn ý đã lập trước khi viết, đối chiếu từng ý trong bài viết với dàn ý (trật tự các ý, ý kiến được thể hiện, cách triển khai,...) - Tình huống 2: Chưa có bài viết của bản thân về tập sách cần giới thiệu. + Hướng dẫn HS lựa chọn một tập thơ, một tập truyện ngắn, một cuốn tiểu thuyết theo các hướng: cuốn sách có văn bản giới thiệu trong CDHT Ngữ văn lớp 10 - SGK; cuốn sách mới xuất bản; cuốn sách thu hút sự quan tâm của nhiều người; cuốn sách đề cập đến các vấn đề trong đời sống của giới trẻ hiện nay,... + GV hỗ trợ HS tìm tác phẩm (mua ở hiệu sách, mượn từ thư viện, mượn từ tủ sách cá nhân,...) + GV gợi ý để HS chuẩn bị thêm các phương tiện hỗ trợ (hình ảnh minh họa, phim ngắn, loa, đèn chiếu, PowerPoint để trình chiếu bản tóm tắt,...). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ, làm việc theo nhóm chọn cùng đề tài để hoàn thành nhiệm vụ. - GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ dưới dạng một buổi sinh hoạt của Câu lạc bộ Văn học - GV đóng vai trò là người cố vấn, quan tâm sâu sát đến công việc cụ thể của tất cả các	I. TRÌNH BÀY TRƯỚC LỚP 1. Chuẩn bị - Tóm tắt bài viết - Xây dựng thành đề cương - Chuẩn bị các phương tiện hỗ trợ 2. Trình bày bài giới thiệu Mở đầu: - Tìm hiểu trước đối tượng tham dự để có cách chào thưa, xưng hô phù hợp. - Tự giới thiệu ngắn gọn về bản thân (tên, học sinh lớp, trường,...). - Nêu mục đích của việc trình bày giới thiệu tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết. - Nêu các thông tin tổng quát (tên tập sách, tác giả, nhà xuất bản, năm xuất bản, sự chú ý của dư luận về tập sách). Triển khai: - Bám vào đề cương đã chuẩn bị hoặc trình chiếu slide, lần lượt trình bày từng ý. Nhấn mạnh trọng tâm của vấn đề, thuyết minh rõ ràng, diễn giải, phân tích dẫn chứng ở những chỗ cần làm sáng tỏ. Trong quá trình trình bày, cần chú ý tương tác với người nghe (qua ánh mắt, khả năng biểu cảm, ngôn ngữ). - Nếu có video chiếu xen kẽ, cần làm rõ sự kết nối giữa bài giới thiệu và hình ảnh. - Khi trình bày, tùy thái độ, sự phản ứng của người nghe để điều chỉnh, bổ sung thông tin cần thiết. - Giọng nói to, nhỏ, nhanh, chậm phải phù hợp với thể loại tác phẩm được giới thiệu và nội dung trình bày. Tuyệt đối tránh tình trạng đọc bài viết soạn sẵn. Kết thúc: - Khẳng định lại giá trị của tập thơ, tập truyện

thành viên; duyệt kịch bản do HS xây dựng; giới thiệu, cung cấp sách cho HS lựa chọn; góp ý về nội dung và chất lượng mỹ thuật của các poster do HS thiết kế và thể hiện;...

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV cung cấp công cụ phiếu đánh giá
- GV gọi đại diện một số nhóm trình bày sản phẩm học tập của mình/ nhóm mình.
- Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo phiếu đánh giá.

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

GV nhận xét và cho điểm HS/nhóm HS.

*** Thuyết trình**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

GV hướng dẫn, tổ chức phân tích, trao đổi để rút kinh nghiệm và đánh giá về năng lực của HS để phân công nhiệm vụ phù hợp

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ, làm việc cá nhân hoặc theo nhóm chọn cùng đề tài để hoàn thành nhiệm vụ.

GV cần phát phiếu đánh giá cho HS trước khi người nói trình bày, để các em theo dõi và đánh dấu vào từng ô ứng với các mục

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

ngắn hoặc tiểu thuyết và sự cần thiết của việc nắm được các thông tin cơ bản về tập sách đó đối với việc nâng cao chất lượng học tập môn Ngữ văn.

- Sẵn sàng giải đáp những điều người nghe muốn hiểu rõ thêm.

II. TỔ CHỨC SỰ KIỆN

1. Chuẩn bị

- Xác định mục tiêu của việc tổ chức hoạt động
- Thống nhất về việc chọn tập thơ, tập truyện ngắn, tiểu thuyết để giới thiệu
- Người được giao nhiệm vụ trình bày phải đọc kỹ tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết, trao đổi với nhau để soạn đề cương cho bài giới thiệu.
- Người được giao dẫn chương trình chuẩn bị kịch bản cho buổi giới thiệu.
- Bộ phận phụ trách việc trang trí làm sân khấu, áp phích và chuẩn bị các thiết bị kỹ thuật (máy chiếu, ánh sáng, âm thanh,...)

2. Triển khai

- **Mở đầu (Công việc của người dẫn chương trình):**

+ Giới thiệu thầy cô giáo, khách mời, thành phần tham gia.

+ Nêu lí do và mục đích tổ chức sự kiện giới thiệu tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết.

+ Giới thiệu và mời diễn giả (các bạn đã nhận nhiệm vụ chuẩn bị đề cương) lên trình bày bài giới thiệu về tập sách.

- **Giới thiệu về tập sách (Công việc của người trình bày):**

+ Diễn giả dựa vào đề cương và những gì đã chuẩn bị, có thể trình chiếu các slide, kết hợp dùng ngôn ngữ nói để giới thiệu.

+ Bảng sự kết nối của người dẫn chương trình, có thể có cuộc trao đổi ngắn giữa diễn giả với cử tọa về khía cạnh nào đó liên quan đến tập sách được giới thiệu.

+ Người trình bày cần giải đáp nhanh gọn một số câu hỏi do người nghe nêu lên.

- **Kết thúc:**

+ Tóm tắt lại một số hoạt động đã diễn ra, khẳng định ý nghĩa của việc giới thiệu tập sách.

+ Cảm ơn sự có mặt của các thầy cô, các vị khách và các thành phần tham gia.

+ Tuyên bố kết thúc sự kiện.

III. THUYẾT TRÌNH

Yêu cầu cụ thể khi thuyết trình:

- + Chủ động;
- + Trình bày lưu loát, mạch lạc;
- + Thường xuyên tương tác với người nghe;
- + Biết dùng các thủ thuật tạo nên sức hấp dẫn của bài nói;
- + Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ và thiết bị hỗ trợ có hiệu quả
- + Phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận (nếu tổ chức sự kiện)

- GV cung cấp công cụ phiếu đánh giá:
- GV gọi đại diện một số nhóm trình bày sản phẩm học tập của mình/ nhóm mình.
- Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo phiếu đánh giá.

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

GV nhận xét và cho điểm HS/nhóm HS.

Đề cương tham khảo trình bày trước lớp: Lời tựa tập truyện *Gió lạnh đầu mùa* của Thạch Lam do nhà văn Khái Hưng viết:

Mở đầu:

- Giới thiệu quan niệm về truyện ngắn của Thạch Lam - tác giả tập truyện *Gió lạnh đầu mùa*.
- Đặc điểm xuyên suốt tập truyện (viết về những chuyện giản dị, những cái xảy ra hằng ngày, không cần đến những tình tiết ngoắt ngoéo).

Triển khai:

- Sự thành thực đến mức trở nên can đảm trong văn Thạch Lam (nêu và phân tích truyện *Ngày mới*, truyện *Một cơn giận* để chứng minh).
- Những rung động của ngòi bút Thạch Lam và khả năng tác động của nó đến người đọc (làm rõ bằng truyện *Gió lạnh đầu mùa*, *Trở về*, *Những ngày mới*)
- Thiên về cảm giác - một đặc điểm nổi bật trong bút pháp truyện ngắn Thạch Lam (phân tích sự tinh tế của việc miêu tả cảm giác nhân vật trong truyện *Nhà mẹ Lê* và *Trở về*).

Kết thúc:

Nhận định một hướng đi của Thạch Lam trong sáng tác.

Đề cương tham khảo tổ chức sự kiện: Giới thiệu tập truyện ngắn *Con mèo của Phu-gi-ta* của nhà văn Nguyễn Quang Sáng:

I. Đề cương hoạt động

1. Đơn vị tổ chức: Câu lạc bộ Văn học, Trường THPT **A**

2. Mục đích giới thiệu: Hiểu sâu hơn về tập truyện ngắn *Con mèo của Phu-gi-ta* của nhà văn Nguyễn Quang Sáng - một tập truyện có văn bản được giới thiệu trong Bài 7, SGK Ngữ văn 10, tập hai - nhằm phục vụ cho việc học tập môn Ngữ văn.

3. Thời gian tổ chức: 8 giờ ngày 26/3/2023.

4. Địa điểm tổ chức: Phòng đa chức năng.

5. Thành phần tham gia:

- Ban điều hành Câu lạc bộ Văn học của trường;
- Ban Giám hiệu và các thầy, cô giáo;
- HS cùng học CĐ;
- Những người quan tâm đến sự kiện.

6. Phân công nhiệm vụ

a. Bộ phận chuẩn bị cơ sở vật chất, phương tiện:

- Nguyễn Mạnh **A**
- Bùi Duy **T**
- Đào Trọng **K**

b. Bộ phận trang trí, thiết kế:

- Dương Đức **Q**
- Lã Thanh **H**
- Trần Nho **P**

c. Bộ phận tiếp tân:

- Kiều Thị Thanh **H**
- Đặng Nguyễn Huyền **N**
- Vương Trúc **N**

- Phạm Thị Tố **D**

d. Dẫn chương trình:

Sương Thị Thuý **Q**

e. Người giới thiệu sách:

- Lê Thị Phương **T**
- Lương Thành **V**

II. Một số kết quả chuẩn bị

1. Sản phẩm chuẩn bị của nhóm trang trí, thiết kế

Thông tin trên Poster:

TẬP TRUYỆN NGẮN CON MÈO CỦA PHU-GI-TA
CỦA NHÀ VĂN NGUYỄN QUANG SÁNG
ĐƠN VỊ TỔ CHỨC : CẦU LẠC BỘ VĂN HỌC
THỜI GIAN : 8H NGÀY 26/03/2023
ĐỊA ĐIỂM : PHÒNG ĐA CHỨC NĂNG

(Lưu ý: Khi làm poster và các sản phẩm trang trí khác, tùy vào điều kiện cụ thể, HS có thể làm bằng kỹ thuật vẽ tính hoặc cắt, dán, vẽ bằng tay, miễn sao thể hiện tối đa khả năng sáng tạo)

2. Kịch bản của người dẫn chương trình

Công việc thực hiện:

- Người dẫn CT nêu mục đích: Sự kiện này phục vụ cho việc học tập
- Nêu mục đích môn Ngữ văn ở lớp 10 (tập truyện ngắn *Con mèo của Phu-gi-ta* có tổ chức sự kiện văn bản được chọn vào SGK Ngữ văn 70, tập hai, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống).
- Giới thiệu tên cụ thể của đại biểu và thành phần tham dự theo thứ tự sau:
 - + Giới thiệu đại biểu và khách mời ngoài trường; thành phần tham dự (Đại diện Ban Giám hiệu nhà trường; Các thầy, cô giáo trong tổ Ngữ văn; HS khối 10; Những người quan tâm).
 - + Giới thiệu sơ lược về diễn giả (tên, lớp, khả năng,...);
 - + Giao tiếp ngắn với diễn giả để tạo không khí và mời diễn giả trình bày bài giới thiệu.
 - + Giới thiệu và mời diễn giả trình bày
 - + Phỏng vấn ngắn một vài HS, người tham dự về ý nghĩa của: Buổi giới thiệu sách
 - + Mời đại diện nhà trường phát biểu ý kiến.
 - + Khẳng định ý nghĩa của việc tổ chức sự kiện giới thiệu tập truyện ngắn *Con mèo của Phu-gi-ta* của nhà văn Nguyễn Quang Sáng

Kết thúc sự kiện:

- Nói lời cảm ơn và gửi lời tạm biệt đến các vị đại biểu, các thầy cô giáo, các bạn HS.

III. Đề cương của bài giới thiệu sách

1. Mở đầu: (có thể chiếu một số hình ảnh về nhà văn, hình ảnh bìa các tác phẩm chính của ông) và tập truyện ngắn *Con mèo của Phu-gi-ta*.

2. Nội dung:

- Một số thông tin xung quanh tập truyện:
 - + Tên tác phẩm *Con mèo của Phu-gi-ta* (lấy tên một truyện trong tập).
 - + Cuốn sách tập hợp một số truyện chủ yếu viết về thiếu nhi hoặc có nhân vật thiếu nhi (từng được in trong các tập truyện ở những thời kì khác nhau) của nhà văn Nguyễn Quang Sáng, do NXB Kim Đồng xuất bản năm 2020, trong tủ sách *Tác phẩm văn học chọn lọc*.
 - + Tập truyện có hai phần. Phần 1: *Bài học tuổi thơ* (9 truyện ngắn), Phần 2: *Thế võ* (11 truyện ngắn). Nhan đề của từng phần cũng được đặt theo tên một truyện ngắn trong đó.
 - + Trong tập truyện ngắn *Con mèo của Phu-gi-ta*, có truyện được viết từ năm 1956 (*Con chim vàng*), có truyện viết năm 2002 (*Con Kim*).
- Những nội dung cơ bản của tập truyện ngắn: Tập truyện *Con mèo của Phu-gi-ta* có một số chủ đề nổi bật sau:
 - + Cuộc sống của người kháng chiến (cuộc sống ác liệt trong chiến tranh và cuộc sống thời hậu chiến). Đây là đề tài sở trường của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Ông viết với tâm thế của người trong cuộc, am hiểu cặn kẽ hiện thực kháng chiến ở Nam Bộ. Đối mặt với những thử thách khắc nghiệt, các nhân vật của Nguyễn Quang Sáng đã bộc lộ tất cả những phẩm chất vốn có: gan dạ, trung kiên, gắn bó với cách mạng, căm ghét sự phản bội uơ hèn (*Con Kim*, *Chiếc lược ngà*, *Ông Năm Hạng*, *Quán rượu người câm*, *Bông cẩm thạch*, *Cô gái bán sầu đầu*,...).
 - + Nét chung nhất ở các nhân vật kháng chiến trong truyện ngắn của Nguyễn Quang Sáng là mạnh mẽ, cương trực, ngang tàng, quyết liệt, gai góc nhưng cũng vô cùng nhân hậu, tình nghĩa, thủy chung (phân tích truyện ngắn *Chiếc lược ngà*, *Ông Năm Hạng* để minh họa).
 - + Những bài học tuổi thơ. Đó là những trải nghiệm đáng nhớ thuở ấu thơ của các nhân vật, sau này, những trải nghiệm ấy trở thành bài học quý giá trên từng bước trưởng thành (*Con chim vàng*, *Gà sanh đôi*, *Thằng bé bị đi xa*, *Con mèo và chú bé lười*, *Tôi thích làm vua*, *Bài học tuổi thơ*,...).
 - Các nhân vật thiếu nhi của Nguyễn Quang Sáng cũng thường được đặt vào những tình thế, hoàn cảnh éo le, những thử thách, buộc phải có sự lựa chọn (minh họa bằng việc phân tích truyện *Bài học tuổi thơ*, *Tôi thích làm vua*).
 - + Suy nghiệm từ những mảnh đời. Trong tập có một số truyện viết về những người làm nghề khác nhau, nhưng mỗi ứng xử trong các mối quan hệ cũng như trong nghề nghiệp của họ đều đáng được suy ngẫm, từ đó, có thể nhận thấy những bài học làm người mà tác giả muốn gửi gắm (*Anh thợ vẽ*, *Con khướu sổ lồng*, *Thế võ*, *Vành râu*, *Bàn thờ tổ của một cô đào*, *Con mèo của*

Phu-gi-ta). Với chủ đề này, Nguyễn Quang Sáng có điều kiện thể hiện những quan điểm của mình về nghệ thuật, về người nghệ sĩ (phân tích truyện *Con mèo của Phu-gi-ta* để làm sáng tỏ chủ đề).

- Đặc điểm nghệ thuật của tập truyện ngắn

+ Nguyễn Quang Sáng rất chú ý đến việc xây dựng cốt truyện. Các truyện ngắn của ông đều có cốt truyện khá li kì, hấp dẫn với những tình huống éo le, đầy thử thách.

+ Ở tập truyện ngắn này, có những truyện được kể bằng lời người kể chuyện ngôi thứ nhất, có truyện dùng lời người kể chuyện ngôi thứ ba, nhưng giữa chúng có một điểm chung: người kể chuyện tỏ ra rất hoạt ngôn, lời kể linh hoạt, biến hoá. Các truyện đều toát lên giọng kể của một người Nam Bộ từng trải, sống gần bó với quê hương, xứ sở, rất hài hước, tếu táo, ngay cả khi kể về những tình huống rất hiểm nguy hay nói về những chuyện nghiêm trọng.

+ Hành động và ngôn ngữ là hai yếu tố được nhà văn đặc biệt chú ý khi khắc hoạ nhân vật. Hành động của nhân vật thường quyết liệt, mạnh mẽ, dứt khoát; ngôn ngữ bộc trực, thẳng thắn, đầy cá tính.

+ Dù viết về đề tài gì, mỗi truyện ngắn của Nguyễn Quang Sáng đều toát ra một bài học về nhân sinh. Có khi bài học thể hiện rõ trong những câu nói đầy tính triết lí của nhân vật.

- Một số ý kiến đánh giá về truyện của Nguyễn Quang Sáng:

+ “Tôi đọc Nguyễn Quang Sáng khá sớm. Những năm tôi còn là học sinh cấp Ba phổ thông) thì tên tuổi anh đã nổi đình đám. Sau hai tập truyện trình làng *Con chim vàng* (1956), *Người quê hương* (1958) thì hai tập tiểu thuyết *Nhật kí người ở lại* (1962) và *Đất lửa* (1963) được dư luận đánh giá rất cao lúc bấy giờ. Tôi phải thuê đọc từ một thư viện tư nhân ở thị xã Vinh Yên. Rồi những năm chiến tranh, trong điều kiện sơ tán, phải bỏ ra cả buổi cuối bộ lên thư viện Trung đoàn xe tăng 202 để đọc tại chỗ báo Văn nghệ. Những truyện ngắn hay nhất của Nguyễn Quang Sáng đã đến với tôi trong những năm tháng ấp ủ mộng văn chương. Sau gần nửa thế kỉ tôi vẫn còn nhớ cái cảm giác bàng hoàng khi đọc *Quán rượu người câm*, *Chiếc lược ngà*. Quả thực là những con chấn động thẩm mĩ không thể nào quên” (Hữu Thịnh)

+ “Đọc Nguyễn Quang Sáng, không hiểu sao tôi cứ hình dung nhà văn có nét gì đó của một người nông dân Nam Bộ ngang tàng, coi những chuyện nguy hiểm, chết người cũng bông phèng như trò chơi con trẻ, có thể chông xuống lao ve vế giữa lúc bom đạn đang bủa vây mù mịt, cũng có thể ngồi thì lì trong một cái quán rượu tạm bợ, dựng tổng tênh bên vệ cỏ, ngoảnh ra phía sông nước mà nhậu lai rai, nhậu tới ngày. Con người ấy hình như vừa đơn giản, lại vừa phức tạp đến bí hiểm. Hình như đó là một phần của thiên nhiên Nam Bộ, do thiên nhiên chắt ra, bởi thế có lúc hồn nhiên như cỏ dại, có lúc ương ngạnh như vách đá” (Trần Đăng Khoa)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ PHẦN TRÌNH BÀY CỦA CÁ NHÂN

STT	Nội dung đánh giá		Mức độ	
			Đạt	Chưa đạt
1	Nêu được mục đích giới thiệu			
2	Truyền đạt các thông tin chung về cuốn sách			
3	Nội dung nói	Giới thiệu về nội dung cuốn sách		
4		Giới thiệu đặc điểm hình thức, thể loại, ngôn ngữ của cuốn sách		
5		Phong thái tự tin, chủ động, sử dụng ngôn ngữ nói phù hợp		
6	Cách trình bày	Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ, phương tiện hỗ trợ		
7		Tương tác với người nghe		

PHIẾU ĐÁNH GIÁ PHẦN TỔ CHỨC SỰ KIỆN

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ	
		Đạt	Chưa đạt
1	Hình thức trang trí (maket, poster,...)		
2	Phần thể hiện của người dẫn chương trình		
3	Phần trình bày của người giới thiệu		
4	Sự phối hợp giữa các bộ phận		

Hướng dẫn học ở nhà:

- Thiết kế buổi ra mắt sách mới
- Thiết kế buổi sinh hoạt của câu lạc bộ yêu thơ
- Thành lập nhóm tập nghiên cứu, phê bình văn học
- Ra tập san: Văn chương – những chân trời mới

10. GV thiết kế cuộc thi “Cuốn sách tôi yêu” (online hoặc offline)